



HERMANN HESSE

Hue Lan



NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

HUỆ TÍM VÀ NHỮNG CHUYỆN KHÁC

Nguyên tác: **Iris und andere Märchen**

Tác giả: **Hermann Hesse**

Dịch giả: **Thái Kim Lan**

Nhà xuất bản: **NXB Đà Nẵng**

Năm xuất bản: **1998**

Số trang: **238**

Thể loại: **Cổ tích; Kinh điển**

Đánh máy: **Casau**

Soát lỗi và làm ebook: **Heoconmtv**

Ngày hoàn thành: **07-01-2016**

Nếu có điều kiện hãy mua sách để ủng hộ tác giả và nhà xuất bản nhé!

Lời giới thiệu

Một buổi sáng tinh mơ, tình cờ nhìn thấy bông hoa tươi xinh màu tím, chú bé nghe tim mình rung động hướng về đóa hoa. Chú nhìn, ngắm, rồi quan sát, cảm thấy mình và hoa là một - đóa hoa huệ có màu tím nhạt dịu dàng như giấc mơ êm ái trong lòng mẹ... Chuyện *Huệ tím* bắt đầu bằng tên một bông hoa và lòng thương mến hoa, thấy hoa và trái tim mình hòa với nhau một nhịp như tay mẹ nắm tay con. Từ đó bắt đầu cuộc tìm kiếm khám phá sự bí ẩn trong lòng hoa, mà cũng là chính mình, cuộc tìm kiếm chính là tìm lại sự gặp gỡ trong trắng, ngây thơ ban đầu của hoa và người...

Có một chú bé được mẹ yêu vô cùng, mẹ nói lên một mơ ước mà tất cả các bà mẹ trên đời đều có: ước mọi người đều yêu thương con mình. Mẹ yêu con quá đến nỗi quên dạy con một điều: nếu được người yêu thì con nên biết yêu người. Yêu người có thể đem lại niềm vui còn hơn chỉ được yêu. Chú bé Augustus lên đường học yêu người đầy gian nan, và cuối cùng trở thành một người cho mọi người, tìm được giá trị thật sự của con người.

Một chú bé khác lạc vào thiên đường, hỏi con chim muôn màu đang bay lượn: “Chim ơi, hạnh phúc, vui sướng ở đâu?”. Chim bảo: “Hạnh phúc ở mọi nơi, trên núi dưới đồi, trong hoa đua nở, trong ngọc sáng ngời”. Nào tìm đi, như cuộc chơi trốn tìm, tìm niềm vui, mãi mãi, không bao giờ buồn. Chú bé Bích Thảo đi khắp thiên đường. Chú biến thành một cái cây theo ước muốn của mình. Lúc đầu chú vui sướng, tưởng đó là hạnh phúc, nhưng bỗng buồn, vì thấy cây không thể nhúc nhích, trong tức mọi vật đều thay đổi. Cuộc dạo chơi - gặp được nhiều điều, có khi lượm được viên ngọc quý đẹp - cuối cùng cho cậu bé nhận ra được hai điều còn quý hơn ngọc: đó là sự đổi thay, biến hóa của con người từ buồn qua vui, từ chim qua cá, từ cây sang mây, như hoa tàn mùa đông sang xuân lại nở, sự biến hóa đổi thay là niềm hy vọng xanh như mây bay, rực rỡ như bông hoa, cho nên con người bay trong mây trong nắng, trong hoa; hạnh phúc là khi được hóa thân mà không bị xơ cứng, già nua. Điều quý giá thứ hai mà chú bé thấy được là có một người bạn, nàng Thanh Thảo, cùng vui, cùng buồn, không còn cô đơn, riêng lẻ. Cho nên

không có hạnh phúc cho riêng mình mà hạnh phúc với nhau, như Bích Thảo xanh với Thanh Thảo xanh, là cùng nhau, là song đôi...

Có một chàng thi sĩ từ phương Đông, tên chàng ấy có vẻ từ nước Tàu xưa. Ước mơ của chàng là trở thành thi sĩ giỏi nhất thế gian, nên miệt mài tìm thầy học đạo. Chàng thi sĩ tìm được người thầy và học, và học, và học, cuối cùng đạt đạo mà con người gọi là thi nhân, nhà thơ. Đạo “nhà thơ” là gì nhỉ? Hình như nghe câu hỏi này, tác giả - một người phương Tây ấy nhé - cười, có thể cười to và bảo với chúng ta: trong sách xưa - và cả nay - của ông bà các bạn đã nói chuyện đó rồi, tôi chỉ học hỏi từ họ, những người phương Đông rất xa xôi, và cảm nhận điều ấy, tôi đã tìm ra một nửa của tôi nơi đôi mắt phương Đông khi tôi bắt đầu muốn làm thi sĩ. Đạo làm thi sĩ đơn giản như tiếng cười hay tiếng khóc trẻ thơ: đó là bỏ Tâm phân biệt, nhìn thiên nhiên và con người bằng trái tim chan hòa, không so đo cao thấp, mộng thực là một, Đông Tây cùng nhau, tất cả đều chảy từ con tim rung động trước vũ trụ vô cùng.

Tác giả đưa chúng ta đến một hành tinh rất lạ, ông gọi là “một hành tinh trong chuyện cổ tích”. Một chàng trai trẻ tình nguyện đi tìm thật nhiều hoa để về tẩm liệm cho những người chết trong trận động đất tại xứ của chàng. Người thiếu niên đẹp từ thể xác đến tâm hồn ấy không biết chiến tranh là gì, chàng chỉ nghe kể lại như một chuyện cổ tích, đối với chàng “thế giới độc ác và chiến tranh chỉ có trong chuyện xưa”. Trên đường đi tìm hoa mang về cho người làng, chàng được một con chim khổng lồ đưa lạc vào hành tinh của chiến tranh, những cánh đồng đầy thân người, súc vật thối rữa, nhà cửa bị thiêu rụi hoang tàn, một hành tinh đau khổ so với hành tinh hòa bình và nhân ái chàng đang sống. Chuyện “cổ tích” mà chàng thường nghe bỗng hiện hiện trước mắt, chàng thấy trái tim mình quặn đau trước tang thương... Kết thúc truyện, chàng gặp được nhà vua, xin đủ hoa đem về làm lễ hiến dâng cho người chết. Cuộc du hành vào hành tinh xa lạ rồi cũng trôi qua như một giấc mơ hay như nghe một câu chuyện cổ tích.

Thông thường, truyện cổ tích là những chuyện đời xưa về một thế giới an hòa mà con người ở trong hiện tại mơ về, vì thực tế hiện tại trần trụi buồn bã, khổ đau. Nhưng ở đây, tác giả viết về thế giới đang có chiến tranh lại là quá khứ, là thời xưa, là cổ tích, còn hiện tại là một thế giới hòa bình, đại đồng, người chết phải có hoa đưa tiễn, con người giúp đỡ lẫn nhau, thế giới của hoa và mật, êm ái, ngọt ngào. Nhưng thực hay mơ đều cụ thể, đều là những cảm

xúc trong tim của chàng trai trẻ. Rốt cùng chàng trai nhận ra, chính trong TÂM của mỗi người đều có chiến tranh và hòa bình, đau khổ và hạnh phúc, cảm nhận cả hai trong tình thương và hành động hàn gắn vết thương, như cử chỉ vừa xây nhà vừa hát bài ca từ bi có thể đem đến sự bình an cho tâm hồn.

Năm truyện cổ tích được giới thiệu trong tập sách với các bạn đọc Việt Nam được trích từ tập *Truyện cổ tích* (Maerchen) của tác giả người Đức Hermann Hesse (1877 - 1962), một đại văn hào của thế giới. Từ những thập niên đầu thế kỷ 20 cho đến ngày nay, tác phẩm văn chương của ông đã làm say mê người đọc trên khắp năm châu. Tác phẩm tiếng Đức của ông như *Câu chuyện dòng sông* (Sidhartha), *Sói đồng hoang* (Steppenwolf), *Trò chơi bi chai* (Glasperlenspiel), *Đôi bạn chân tình* (Narziss und Goldmund), *Demian...* được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới và có thể nói được đọc nhiều nhất trong lịch sử văn học thế giới. Năm 1946, ông đoạt giải Nobel văn chương, cùng năm đó được trao tặng Giải thưởng Goethe và sau đó là Giải thưởng Hòa bình ở Đức. Sự nghiệp văn chương của ông bao gồm nhiều thể loại, đa dạng, sâu sắc và tài hoa: truyện ngắn, tiểu thuyết, bút ký, nhật ký, tự sự, thơ, họa... Truyện Bích Thảo hóa thân do chính ông vẽ minh họa. Mặc dù sự nghiệp văn chương lớn lao, nhưng ông dành sự chú tâm của ngòi bút vào sáng tác truyện cổ tích, một thể loại văn chương bình dân. Dưới ngòi bút của ông, cổ tích bình dân trở thành cổ tích nghệ thuật.

Không phải là một ông già ngời kể chuyện cổ tích mà là một cậu bé lên mười kể chuyện, một bông hoa, một hương thơm, một tiếng chim kêu, một nốt nhạc, một giọt nước mắt... Cũng không phải ông lão già nua, mà là một người trung niên, lúc tuổi bốn mươi, đã mạnh dạn cho ra đời tập truyện cổ tích đầu tiên (1919), *Huệ tím* (Iris) được viết năm 1916. Đối với ông, tuổi thơ của đời người là đoạn đời không những đẹp mà còn quan trọng nhất. Tuổi thơ ấn định cả cuộc sống chung và riêng của con người với mọi người, với vạn vật xung quanh. Những cảm nhận đầu tiên trong mắt của một đứa bé là những gì chân thực đến từ trái tim và trực tiếp từ con tim, làm nên hạnh phúc. Bỏ quên tuổi thơ, con người lao đao đau khổ vì mất phương hướng nhận ra nguồn gốc con người.

Đối với Hermann Hesse, TRẺ - GIÀ gần nhau như bóng với hình, trong trẻ đã có già và trong già không được mất trẻ. Tìm lại được tuổi thơ là tìm lại được giá trị đích thực của đời người. Tinh yêu tuổi thơ, giữ được tuổi thơ làm cho con người hạnh phúc hơn, bao dung hơn.

Độc truyện cổ tích của Hermann Hesse hôm nay là một lời mời cùng với tác giả đi thăm vườn hoa tuổi thơ trong hiện tại, để nhớ về tuổi thơ đã qua quý giá đến chừng nào và để thương yêu những nụ hoa non mới chớm nở, để rồi TRẺ CÙNG GIÀ, mở lòng từ bi, yêu mến mọi người mọi vật trên thế gian.

Dịch giả

Huệ tím

Trong mùa xuân của thời thơ ấu, Anselm thường thơ thẩn chạy khắp khu vườn xanh lá cây. Cậu bé yêu đặc biệt một bông hoa giữa các loài hoa của mẹ: Hoa huệ tím^[1]. Cậu thường áp má mình vào những chiếc lá dài màu xanh, tần ngần ấn ngón tay mình vào đầu ngọn lá nhọn, hoặc vừa ngửi; vừa hít nụ hoa lớn đẹp huyền diệu kia và nhìn lâu vào tận trong đóa hoa. Ở đó, vươn lên từ nền hoa màu xanh tím nhạt những ngón tay màu vàng xếp thành hàng dài, giữa những búp măng vàng ấy hun hút một ngõ sáng đi sâu vào đài hoa, và sâu hơn nữa vào tận trong chỗ bí ẩn xa xôi màu xanh da trời của nụ hoa. Cậu bé yêu say mê nụ hoa, thường mở to mắt nhìn rất lâu vào trong hoa để thấy phần màu vàng thanh tao ấy, khi thì thấy giống một hàng rào bằng vàng ở vườn thượng uyển, lúc lại giống một lối đi có hai hàng cây mơ mộng đẹp để viền quanh, hàng cây huyền ảo không bị gió lay động và ở giữa chúng, có con đường sáng bí ẩn; được viền bằng những đường gân mờ nhạt mềm mại và linh động chạy dài vào trong nội tâm của hoa. Vòm hoa tỏa rộng dị kỳ. Lùi vào bên trong, con đường giữa hai hàng cây bằng vàng mất hút vô tận trong “yết hầu” của hoa. Trên con đường ấy, những vòm tím nhạt uốn mình xuống một cách cao quý, chiếu bóng đen mỏng manh kỳ ảo với một sự màu nhiệm yên lặng và chờ đợi. Anselm biết đây là miệng hoa, còn tim và ý nghĩ của hoa ở sau những điểm vàng lộng lẫy trong chốn yết hầu xanh thắm, hơi thở và những giấc mơ của hoa thoát ra đi vào con đường vân xinh xắn, sáng sủa và trong suốt.



Bên cạnh đóa hoa lớn, những búp hoa nhỏ hơn còn chưa hé nở, đứng trên cuống hoa mỏng nước chắc cứng, trong cái đài nhỏ màu xanh nâu. Búp hoa non nót trời lên lạng lẽ, kín đáo nhưng đầy sức lực được cuộn tròn chắc nịch và dịu dàng; bọc kín trong màu xanh sáng, và màu tím nhạt; ở đầu nhọn xinh xinh, lộ ra màu tím thắm trẻ măng. Ngay trên những búp non cuộn chặt này cũng có những đường gân và trăm ngàn đường nét để nhìn ngắm rồi.

Mỗi buổi sáng, khi cậu bé trở lại vườn từ căn nhà, từ giấc ngủ, từ cơn mơ, từ những thế giới xa lạ trong cơn mơ ngủ, khu vườn vẫn ở đó, luôn luôn mới nguyên và chờ đợi cậu. Rồi ở nơi mà hôm qua cái mũi búp hoa cứng nhọn màu xanh lơ cuộn tròn trong vỏ xanh còn đứng bất động; giờ đã lấp ló một cánh non mỏng và xanh như khí trời, như một cái lược và một cái môi, đang tìm kiếm hình dáng và nét cong mà cánh hoa đã mơ ước từ lâu. Ở tận cùng nhất, nơi nụ hoa còn đang âm thầm tranh đấu để thoát ra khỏi bức màn lá xanh cuộn quanh mình, người ta đã thấy lơ mơ những cánh mỏng thanh tao màu vàng, con đường đầy gân sáng rỡ và vệt thắm linh hồn xa xăm đầy hương thơm của nụ hoa. Có lẽ đến trưa, có lẽ xế chiều, hoa hé nở, căng tấm màn lụa xanh trên khu rừng mơ mộng bằng vàng; những giấc mơ đầu tiên, những ý nghĩ, lời ca xuất hiện thẫm lạng từ hố thẳm đầy ảo thuật bắt đầu hít thở khí trời.

Có một ngày, đây hoa hình chuông màu xanh đứng chụm nhau trong cỏ. Rồi lại có một ngày, bỗng nhiên âm vang tiếng lạ và hương thơm mới trong vườn; trên đám lá đỏ đượm thắm mặt trời, phát phơ những đóa trà mi mềm mại đỏ thắm. Rồi lại có một ngày không còn đóa hoa huệ nào trong vườn nữa. Chúng đã ra đi. Không còn con đường nhỏ viền vàng nào dẫn dắt ta một cách dịu dàng vào bí mật thơm ngát. Những ngọn lá cứng ngắt đứng trơ xa lạ, lạnh lùng. Nhưng may sao, đâu đó ở các bụi cây, từng đàn, từng đàn bướm

bướm dập dùi đùa cợt trên hoa ngói sao. Những con bướm nâu đỏ có lưng óng ánh xà cừ, bầy bướm bướm nắc nẻ nhộn nhịp ồn ào; cánh trong như thủy tinh.

Anselm nói chuyện với bướm, với những viên sỏi trong vườn, làm bạn với bọ rầy và chim sẻ. Chim kể cho cậu nghe chuyện loài chim, cây dương xỉ kín đáo chỉ cho cậu hạt giống nâu đã được gom lại dưới những ngọn lá khổng lồ. Những mảnh thủy tinh hứng cho cậu tia sáng mặt trời, chúng bỗng hóa thành lâu đài, vườn cây và các kho tàng chói lọi. Khi hoa huệ tàn thì hoa kapuziner^[2] lại nở, đóa trà mi héo thì những chùm dâu sặc sỡ nhuộm màu nâu. Tất cả đều đổi thay, tất cả luôn luôn ở đó, và luôn luôn lìa xa, biến mất rồi trong khoảnh khắc lại trở về. Ngay cả những ngày hãi hùng bất thường, cơn gió lạnh lùng rít âm ỉ trên ngọn cây thông, đám lá úa đùa xào xạc tái tê và rũ rượi khắp nơi trong vườn, vẫn mang đến cho cậu một bài ca, một nhịp sống, một câu chuyện; kể cả khi tất cả sụp xuống, tuyết rơi trước cửa sổ, khi các thiên thần bay cùng tiếng chuông bạc suốt cả buổi chiều, hành lang cùng nền nhà thơm ngát mùi trái cây phơi khô. Không bao giờ tình bạn hữu và niềm tin lại phụt tắt ở thế giới tốt lành này. Như một sự ngẫu nhiên, những chùm hoa tuyết xuất hiện sáng rỡ bên cạnh đám lá trường xuân đặng đen sì, những chú chim đầu tiên bay vút lên khoảng cao xanh mới mẻ, thì dường như mọi vật vẫn luôn luôn còn đó, đứng đó tự bao giờ.

Cho đến một hôm, búp non màu tím nhạt lấp ló từ những chồi ngọc của hoa huệ tím, vẫn luôn luôn đứng hẹn và như mong đợi.

Tất cả đều đẹp đẽ. Anselm mừng đón tất cả đầy thân thiết, tin cẩn. Nhưng giây phút lớn lao nhất, đây màu nhiệm hằng năm đối với cậu bé vẫn là lúc đón đóa huệ tím đầu tiên. Chính ở trong đài hoa ấy, trong giấc mơ trẻ thơ xa xưa, lần đầu tiên trong đời cậu đã đọc được quyển sách của phép nhiệm màu - hương thơm và màu xanh rung rinh của hoa là lời mời gọi và chìa khóa của sáng tạo. Huệ tím cùng với cậu đã đi qua những năm dài trong trắng ngây thơ. Mỗi mùa hè mới, hoa không những mới nguyên mà còn như tăng vẻ bí mật và dễ cảm hơn. Những loài hoa khác cũng có miệng, cũng gửi hương và ý tưởng cho gió truyền đi, cũng quyến rũ ong và bọ rầy vào trong phòng the nhỏ bé ngọt ngào của chúng. Nhưng đối với cậu, đóa huệ tím vẫn đáng yêu hơn và quan trọng hơn tất cả. Với cậu, huệ tím là biểu tượng, là tấm gương cho tất cả những gì đáng được suy ngẫm, cho những gì tuyệt vời tuyệt tác. Khi cậu cúi nhìn vào đài hoa, theo dõi say sưa bằng ý tưởng con đường nhỏ

trong sáng mơ mộng và gặp gỡ lòng hoa còn u minh giữa những hàng cây màu vàng kỳ ảo, tâm hồn cậu đã nhìn thấu vào chốn “nhập môn”, nơi mà mọi sự xuất hiện đều trở thành bí nhiệm và mọi sự “thấy” đều trở nên linh cảm. Nhiều đêm, cậu bé mơ nhiều lần về cái đài hoa đó; thấy đài hoa mở rộng vô cùng ở trước mặt như cánh cửa Thiên đường, thấy mình cưỡi ngựa hay ngồi trên thiên nga bay vào trong đó và cả thế giới cũng theo cậu nhẹ nhàng lướt, bay, trượt như bị thu hút bằng ảo thuật vào trong yết hầu mỹ miều của hoa, vào sâu xuống dưới, ở đó mọi sự chờ đợi đều được đền đáp và mọi linh cảm đều trở thành chân lý.

Mọi sự xuất hiện trên địa cầu là một biểu tượng và mỗi biểu tượng là một cánh cửa mở ngỏ cho linh hồn sẵn sàng đi vào nội tâm của thế giới nơi mà người với tôi vĩnh viễn là một. Mỗi người trong đời mình đều đã gặp đâu đây trên đường đi cánh cửa mở ngỏ đó, ai cũng có một lúc nào đấy bất chợt nghĩ rằng tất cả những điều mắt thấy tai nghe đều là biểu tượng, sau biểu tượng này hiển hiện cõi tâm linh và đời sống vĩnh cửu. Nhưng ít người đã đi qua cánh cửa mở đó và chịu đánh đổi vẻ đẹp bên ngoài để lấy cái thực chất nội tâm còn lơ mờ trong tâm khảm.

Đối với Anselm, đóa hoa tím xanh lơ kia xuất hiện như một câu hỏi ám ảnh tâm trí cậu đòi hỏi phải có lời giải đáp. Nhưng rồi vạn vật muôn màu muôn vẻ đáng yêu lại lôi kéo cậu đi nơi khác, vào những cuộc tỉ tê, đùa giỡn với đá sỏi, với cỏ dại bụi cây, với côn trùng và với tất cả tình bằng hữu của cậu với thế giới bé nhỏ ấy. Có khi cậu đắm mình ngắm nghía, quan sát chính bản thân mình, trao trọn tâm tư vào những điều khác lạ của thân thể, nhắm mắt nghe những cảm xúc kỳ lạ, những kích thích và tưởng tượng trong cổ và mồm mỗi khi nuốt, hoặc khi hát hay thở, và cảm nhận được ngay cả nơi linh hồn bắt nhịp với linh hồn. Cậu quan sát một cách ngạc nhiên những hình màu đầy ý nghĩa thường xuất hiện trong bóng tối đỏ bầm khi nhắm nghiền đôi mắt, các vòng bán nguyệt màu xanh lơ hoặc đỏ thắm có những đường nét sáng trong chen vào giữa... Đôi khi Anselm lại cảm nhận với nỗi xúc động vừa vui vừa sợ hãi sự liên hệ giữa thị giác và thính giác, giữa khứu giác và vị giác và cảm nhận trong một khoảnh khắc đẹp ngăn ngủ thanh âm, lời và các vần chữ thân thuộc với nhau, sự đồng loại giữa màu đỏ với màu xanh, giữa cứng và mềm, hoặc cậu kinh ngạc khi ngửi một ngọn rau hay một rễ cây xanh được bóc ra, hương vị sao mà giống nhau đến thế, có khi chúng lại tan hòa vào nhau và trở thành vị duy nhất một cách diệu kỳ.

Mọi trẻ thơ đều cảm thấy như vậy dù cho cường độ nhạy cảm khác nhau. Ở rất nhiều trẻ thơ, những lắng nghe, khám phá đó thường biến mất như chưa bao giờ hiện hữu, trước khi đứa trẻ đọc được vần chữ đầu tiên. Nhưng một số đứa trẻ, về bí nhiệm của tuổi thơ vẫn còn lẫn lộn và chúng vẫn mang theo dư âm của nó cho đến lúc tóc nhuộm màu sương, trong những ngày muộn màng mệt mỏi của cuộc đời. Mọi trẻ thơ, khi chúng thấy cuộc sống giấu đây bí mật, đều bận tâm với một điều quan trọng nhất: bản thân mình và mối quan hệ đầy bí ẩn giữa mình và thế giới xung quanh. Kẻ đi tìm và nhà hiền triết thường quay về mối bận tâm này sau những năm chín muồi suy tư, còn phần đông thì quên lãng và rời bỏ rất sớm thế giới nội tâm kia vĩnh viễn, để suốt đời lang thang trong những sai lầm hỗn tạp đầy những lo âu, ước muốn và mục đích, trong đó không có cái gì hiện hữu trong nội tâm sâu kín của họ, không gì có thể dẫn dắt họ tìm đến cõi lòng sâu xa nhất và trở lại quê nhà được.



Những mùa hè và mùa thu trẻ dại của Anselm cứ đến dịu dàng và đi nhẹ nhàng. Hoa tuyết chuông, hoa tím, hoa đinh tử; hoa huệ, hoa hồng... thay nhau nở rồi tàn, rồi lại nở, vẫn đẹp đẽ và phong phú như tự bao giờ. Anselm sống với hoa, chim; hoa tâm sự với cậu, cây và suối lắng nghe cậu, và cậu thường đem những chữ tập viết đầu tiên, những âu lo đầu tiên giải bày với khu vườn, với mẹ, với những viên đá sặc sỡ ở bồn hoa.

Rồi có một mùa xuân, mùa xuân ấy không rộn rã và đượm mùi như các mùa xuân trước, chim sáo hót véo von nhưng lời ca không phải bài hát cũ, hoa huệ tím nở nhưng không còn những giấc mơ, hình dáng thần thoại với con đường viền vàng của đài hoa. Những trái dâu đó tươi cười núp sau đám lá xanh và bướm bướm vẫn bay rộn ràng lấp lánh trên những tán hoa cao... Nhưng tất cả không còn như trước, cậu bé bận tâm với nhiều chuyện khác.

Ngay với mẹ, cậu cũng đã nhiều lần gây gổ. Chính cậu cũng không hiểu duyên cớ tại sao, có điều gì làm cậu đau đớn trong lòng, có một điều gì đấy luôn luôn quấy rầy cậu. Chỉ biết là thế giới đã đổi thay, tình bằng hữu từ trước đến nay đã rơi rụng và để lại cậu bơ vơ một mình.

Một năm trôi qua, rồi một năm nữa, Anselm không còn là một chú bé con. Những viên sỏi sặc sỡ ở bồn hoa trở nên buồn chán, những đóa hoa như hóa câm và đám bọt rầy bị cậu lấy kim khâu bỏ vào hộp: linh hồn cậu đang bước vào con đường dài và chông gai. Những tình cảm thuở trước đã không còn nữa.

Chàng trẻ tuổi vội vã lăn xả vào đời, cuộc đời như mới bắt đầu từ đây. Đã qua rồi và chìm trong lãng quên cái thế giới biểu tượng ngày xưa, những ước mơ mới mẻ và con đường mới lạ quyến rũ cậu đi xa. Có chăng là một chút trẻ dại còn thoang thoảng như một làn hương trong ánh mắt xanh và phát phơ trong mớ tóc mềm mại của chàng, nhưng chàng không thích điều đó. Chàng cắt tóc ngắn đi và sửa ánh mắt cho có vẻ bạo tợn, sành sỏi hơn lên. Chàng thay đổi nhanh chóng theo năm tháng. Khi là một người học trò và bạn tốt, khi bơ vơ và rụt rè, khi vui đầu trong vỡ đến khuya, lúc lại điên cuồng ồn ào trong những quán rượu. Chàng phải rời quê nhà và chỉ gặp lại quê cũ trong những lần hiếm hoi về thăm nhà gần ngủi. Về nhà với mẹ, chàng bây giờ là một chàng trai trưởng thành, ăn diện thanh lịch. Chàng thường mang theo bạn bè, sách vở, luôn luôn có những thứ khác lạ. Khi chàng đi qua khu vườn cũ, khu vườn thu lại bé nhỏ và bật tiếng trước tia nhìn lơ đãng của chàng. Chàng không bao giờ nhìn thấy nữa những câu chuyện ở đường gân sặc sỡ của các viên sỏi và lá cây. Chàng không bao giờ nhìn ra thượng đế và sự vĩnh cửu ở vẻ bí mật của đóa hoa huệ tím nữa.

Anselm là học trò, rồi sinh viên, chàng trở về quê với mũ đỏ, rồi mũ vàng, với vành râu mép lơ thơ và rồi với một bộ râu. Chàng mang sách ngoại ngữ về, có lần mang theo một con chó. Và trong cặp da treo ở ngực, khi thì đầy ắp những bài thơ mới viết, khi thì mấy tờ giấy chép những câu danh ngôn xưa, tranh họa và thư từ của các cô gái đẹp. Chàng trở về quê sau một thời gian sống ở ngoại quốc và lên đênh trên những con tàu ngoài biển khơi. Chàng trở về là một học giả trẻ, mang mũ đen và bao tay màu sẫm. Những người láng giềng cũ ngả mũ khi gặp chàng và gọi chàng là “ông giáo sư” dù chàng chưa phải là giáo sư. Chàng trở về, mặc áo tang, đi lặng lẽ và nghiêm trang sau chiếc xe tang mẹ chàng yên ngủ trong chiếc quan tài kết hoa. Và từ

đó, những lần chàng trở về càng hiếm hơn.

Bấy giờ Anselm sống ở đô thị, dạy sinh viên và được xem là học giả nổi tiếng. Chàng sống cũng giống mọi người trên thế gian, cũng đi, cũng dạo chơi, cũng ngồi, cũng đứng, trong y phục trang nhã, nghiêm nghị hay thân mật với đôi mắt nhanh nhẹn và đôi khi hơi mệt mỏi. Chàng đã là một nhà nghiên cứu, một nhân vật đúng như chàng mong muốn. Lúc bấy giờ, tâm trạng chàng giống như những năm cuối thời trẻ thơ. Chàng bỗng thấy thời gian trôi quá nhanh còn mình vẫn đứng trơ trọi và không thỏa mãn ở thế gian, thế gian mà chàng luôn luôn mãi mê theo đuổi. Chàng nhận thấy làm giáo sư không phải là hạnh phúc thực sự, được dân chúng, sinh viên chào đón kính trọng cũng không phải là một hứng thú sung mãn. Tất cả điều đó sẽ tàn úa và biến thành cát bụi, hạnh phúc xa vời trong tương lai còn con đường đi đến đó xem ra nóng nực, bụi bặm và tầm thường.

Anselm hay đến chơi nhà một người bạn có cô em gái thu hút chàng. Bấy giờ chàng không dễ dàng chạy theo một khuôn mặt đẹp nữa, chàng nghĩ hạnh phúc phải đến với mình một cách đặc biệt hơn và không nằm sau mỗi cánh cửa. Chàng rất thích cô em gái của người bạn, thậm chí chàng nghĩ mình yêu nàng thật tình. Nhưng nàng là một cô gái đặc biệt, mỗi bước đi, mỗi lời nói của nàng đều được tô điểm một vẻ riêng và thật không dễ dàng đến được với nàng, bắt đúng nhịp với nàng. Anselm thường băn khoăn về cô bạn gái. Chàng đi đi lại lại một mình trong nhà, nghe tiếng bước chân của mình, lòng ngổn ngang những ý nghĩ. Nàng lớn tuổi hơn mình, nàng rất kỳ cục và chắc sẽ rất khó khăn nếu vừa sống với nàng vừa muốn theo đuổi tham vọng. Nàng không bao giờ muốn nghe nói đến chữ “tham vọng”. Nàng không khỏe mạnh lắm và không thể chịu đựng khách khứa, tiệc tùng. Nàng thích sống với hoa, âm nhạc, với một quyển sách bên mình trong sự yên tĩnh cô đơn, chờ đợi xem có ai đến với mình không và để mặc thế giới trôi xuôi. Đôi khi nàng rất mỏng manh, dễ cảm đến nỗi một chút xa lạ cũng khiến cho nàng đau đớn và chảy nước mắt. Rồi sau đó nàng lại rục rờ một cách trầm tĩnh và thanh thoát với vẻ hạnh phúc riêng tư. Những ai biết điều đó đều cảm thấy thật khó để trao tặng cho người đàn bà đẹp hiếm có này một điều gì hoặc để có một ý nghĩa nào đó đối với nàng. Anselm tin nàng yêu mình, nhưng đôi khi chàng lại thấy hình như nàng chẳng yêu ai mà dịu dàng và thân mật với tất cả. Nàng không để ý một thứ gì trên thế gian, chỉ muốn được yên tĩnh. Còn chàng, thì lại muốn đòi hỏi ở đời sống một thứ khác nữa và nếu như chàng lấy vợ thì tiếng rộn rã, sự

hiếu khách phải có ở trong nhà mới được.

Một hôm chàng nói với nàng: “Iris, Iris thân yêu, nếu thế giới khác đi, nếu không có gì khác ngoài thế giới đẹp đẽ và dịu dàng với hoa, tư tưởng và âm nhạc của em, thì tôi không ao ước gì hơn là được sống suốt đời bên em, nghe em kể chuyện. Riêng tên của em thôi cũng đủ làm tôi dễ chịu, Iris là một tên tuyệt diệu, hình như tên đó nhắc nhở tôi một điều gì”.

Iris đáp: “Anh biết hoa huệ tím mang tên Iris chứ?”

“Có,” chàng kêu lên trong cảm giác lo sợ; “tôi biết và điều đó cũng đã đẹp rồi. Nhưng mỗi khi tôi nói tên em thì dường như tên em muốn nhắc cho tôi một điều gì đó, hình như nó gắn liền với kỷ niệm sâu xa và trọng đại đối với tôi, nhưng tôi không biết và không tìm ra được”.

Iris mỉm cười với chàng, trong lúc chàng đứng trơ ra đó và lấy tay lau trán.

“Mỗi lần em đều cảm thấy như thế,” nàng nói bằng giọng nhẹ như chim, “khi em ngửi một bông hoa. Mỗi lần tim em đều cho rằng gắn liền với hương thơm kia luôn luôn có một kỷ vật để nhớ đến, một cái gì đẹp và quý báu tuyệt trần, kỷ vật đó trước đây là của em và bị đánh mất đi. Với âm nhạc và đôi khi với thơ văn cũng thế, ở đó đột nhiên lóe sáng một vật gì trong chớp mắt, ví như khi người ta thấy lại được quê hương đã mất bỗng nhiên hiện ra trong thung lũng dưới chân mình và rồi giây phút đó biến mất đi và bị quên lãng. Anselm thân mến! Em tin rằng chúng ta hiện hữu ở trên quả đất này có ý nghĩa cho sự hồi tưởng, tìm kiếm và lắng nghe những hình dáng màu sắc âm thanh đã mất, và quê hương thật sự của chúng ta chính là ở đằng sau đó”.

“Em nói hay quá!” Anselm nói và cảm thấy trong lồng ngực nhói lên một rung động gần như đau đớn, như có một cây kim chỉ nam được giấu kín bỗng bật ra chỉ ngay vào mục tiêu xa xăm nào đó. Mục tiêu này hoàn toàn khác với mục tiêu mà chàng nhắm cho đời mình, điều đó làm chàng đau đớn. Chàng tự hỏi mình có nên phung phí cả cuộc đời trong những giấc mộng với những chuyện thần thoại đẹp đẽ kia không?

Băng đi một dạo, một hôm, Anselm trở về từ một cuộc viễn du cô đơn; thấy gian phòng trống trải chào đón mình lạnh lẽo và ngọt ngào, chàng liền đi đến thăm bạn và nghĩ sẽ cầu hôn nàng Iris xinh đẹp.

Chàng nói với nàng: “Iris ơi! Tôi không muốn tiếp tục sống thế này nữa. Em luôn là người bạn tốt của tôi, tôi phải nói với em tất cả. Tôi phải có vợ

nếu không thì cuộc sống sẽ trống rỗng và vô nghĩa. Và tôi có thể ao ước một người vợ nào khác hơn là em, đóa hoa yêu quý? Em có bằng lòng không hở Iris? Em sẽ có tất cả các loài hoa có thể tìm được trên thế gian, em sẽ có một khu vườn đẹp nhất thế gian. Em có muốn đến với tôi không?”

Iris im lặng nhìn rất lâu vào mắt chàng. Nàng không mỉm cười và không đỏ mặt, rồi trả lời bằng giọng chắc chắn:

“Anselm à, em không ngạc nhiên về câu hỏi của anh, em yêu anh dù không bao giờ nghĩ sẽ trở thành vợ anh. Nhưng nghe đây, người bạn của em, em sẽ có những đòi hỏi to lớn với ai muốn lấy em làm vợ. Em có những đòi hỏi lớn hơn những người đàn bà khác. Anh muốn hiến dâng cho em nhiều hoa và có ý tốt với em. Nhưng em có thể sống không có hoa và không có âm nhạc, em có thể làm điều đó và không đòi hỏi nhiều thứ khác nếu cần phải thế. Chỉ có một điều em không thể và không muốn thiếu đi: Đây là em không thể sống một ngày mà thứ âm nhạc trong con tim của em không phải là điều chính yếu. Nếu em sống với một người chồng thì người đó phải là người có âm nhạc nội tâm hòa hợp tốt đẹp và thanh thoát với tiết tấu âm thanh của em, và hơn nữa âm nhạc của người ấy phải là ước muốn duy nhất của đời chàng. Anh có thể làm được như vậy không hở bạn của em? Có lẽ rồi anh sẽ không được nổi tiếng và không có danh vọng nữa, nhà của anh sẽ yên tĩnh và các nếp nhăn ở trên trán anh mà em đã thấy từ bao năm qua phải được rửa trôi đi. Ô Anselm ơi! Không được đâu. Hãy xem, con người anh vẫn như thế, vẫn là người cứ phải học cho đến khi những nếp nhăn ở trán cày sâu thêm, vẫn là người luôn tạo ra những lo âu mới. Còn em và tâm tư của em, anh có yêu thích và thấy hay hay đấy, nhưng anh và nhiều người khác cũng chỉ xem như một trò chơi thanh nhã. Anh nghe em đây: tất cả những gì anh coi là trò chơi thì với em chính là cuộc sống. Anh cũng phải coi đó là cuộc sống của anh. Còn tất cả những gì anh đã phải cực nhọc và lo âu làm nên thì đối với em cái đấy là trò chơi, và theo em chẳng đáng giá gì cho cuộc sống của chúng ta. Em sẽ không thay đổi đâu, Anselm à, bởi vì em sống theo quy luật của trái tim mình. Nhưng anh có thể thay đổi không? Và anh sẽ phải thay đổi, nếu muốn lấy em làm vợ”.

Bị đánh trúng tâm lý, Anselm im lặng trước ý muốn của nàng, ý muốn mà chàng đã cho là yếu ớt và đùa bỡn. Chàng cầm nín bóp nát một bông hoa trong bàn tay run rẩy của mình. Iris dịu dàng lấy bông hoa ở tay chàng ra, cứ chỉ này như một lời trách móc đâm thẳng vào tim chàng. Nàng bỗng mỉm

cười một cách rạng rỡ và đáng yêu, như khi bất ngờ tìm ra trong bóng tối một lời giải đáp.

Nàng nói nhỏ nhẹ và mặt hơi đỏ lên: “Em có một ý kiến, có lẽ anh sẽ thấy nó kỳ cục và cho đó là một ý tưởng điên rồ, nhưng không điên rồ chút nào đâu. Anh muốn nghe chẳng? Và anh có muốn chấp thuận nó để nó quyết định cho chúng ta chẳng?”

Anselm chăm chú nhìn cô bạn gái mà chẳng hiểu gì cả. Nụ cười mỉm của nàng buộc chàng đồng ý.

“Em muốn giao cho anh một công việc”, nàng nói và bỗng trở nên nghiêm trang.

“Này, em hãy nói đi, đó là quyền của em” Anselm trả lời.

Nàng nói: “Đây là điều quan trọng của em và là lời nói cuối cùng của em. Anh có muốn đón nhận nó như nó đến từ linh hồn của em và không mặc cả so đo, dù cho anh không hiểu ngay điều đó không?”

Anselm hứa. Bây giờ nàng vừa nói vừa đứng dậy và đưa tay cho chàng.

“Nhiều lần anh đã nói với em là mỗi khi nói tên em, anh đều cảm thấy nhớ đến một điều gì đó đã bị lãng quên nhưng đối với anh là rất trọng đại và thần thánh. Đó là một dấu hiệu, Anselm à; và điều đó đã thôi thúc anh đến với em. Em cũng tin là anh đã đánh mất và quên đi một điều gì quan trọng và thần thánh trong tâm hồn mình, điều đó cần phải được đánh thức lại, trước khi anh có thể tìm ra hạnh phúc và đạt tới định mệnh của anh: Hãy đi và hãy nhìn cho đến khi tìm lại được trong ký ức điều đó, điều mà anh nhớ đến mỗi khi anh gọi tên em. Ngày nào anh tìm ra được thì ngày ấy em sẽ là vợ anh, sẽ đi với anh đến nơi nào anh muốn và sẽ không có ước muốn nào nữa ngoài ước muốn của anh”.

Chàng Anselm bối rối, bàng hoàng muốn ngắt lời nàng và trách rằng lời yêu cầu thật điên rồ, nhưng ánh mắt trong sáng của nàng nhắc nhở lời chàng đã hứa nên chàng phải im lặng. Với cặp mắt mỗi mệch và chịu thua, chàng nắm lấy tay nàng, đưa lên môi hôn và từ giã.

Trong đời chàng đã nhận nhiều bốn phận, và đã giải quyết chúng, nhưng không bốn phận nào kỳ lạ, quan trọng mà lại làm chàng nản chí như bốn phận này. Ngày ngày, chàng đi lang thang và ngẫm nghĩ về nó đến mệch đừ, có lúc chàng tuyệt vọng và giận dữ cho rằng đây là tính khùng của đàn bà, định từ bỏ không nghĩ đến nữa. Nhưng rồi trong thâm tâm chàng, có điều gì, như một

nổi đau bí ẩn và mỏng manh, một nhắc nhở không lời rất dịu dàng phản đối lại ý nghĩ đó. Giọng nói nhỏ nhẹ, giọng nói đi từ thâm tâm của chính chàng, đã đồng tình với Iris và cũng đòi hỏi như nàng vậy.

Công việc đó quả thật là khó khăn. Chàng phải nhớ lại điều mà từ lâu đã quên khuấy đi, phải gỡ cho ra sợi dây vàng duy nhất khỏi tấm lưới nhện của những năm dài đã chìm vào lãng quên. Chàng phải vớt bắt bằng hai tay và phải đem lại cho người yêu một thứ gì, mà có lẽ chỉ là một tiếng chim kêu đã thoảng đi, một thoảng bay của cảm hứng hay u sầu khi nghe một bản nhạc, một thứ gì còn mỏng manh hơn; phôi pha hơn, vô hình hơn tư tưởng, hư vô hơn giấc mộng ban đêm, và lãng đãng vô định còn hơn sương mù buổi sáng.

Khi chàng toan từ bỏ tất cả vì chán nản và cái kính, thôi không tìm kiếm nữa, thì dường như vô tình có cái gì thổi nhẹ vào chàng như một hơi thở từ những khu vườn xa xôi. Chàng thì thầm với mình tên Iris, mười lần và nhiều hơn, nhỏ nhẹ và đùa cợt như khi người ta thứ âm thanh trên một phím đàn căng dây. “Iris,” chàng thì thào, “Iris,” với một cơn đau nhẹ, chàng cảm thấy trong thâm tâm có điều gì đang chuyển động, y như trong một căn nhà cũ bị bỏ hoang, cánh cửa vô cố bỗng mở ra và tấm song kêu kẽo kẹt. Chàng nhớ lại những hoài niệm xa xôi và bỗng có những khám phá kỳ lạ và kinh ngạc. Kho kỷ niệm hóa ra bé nhỏ hơn chàng tưởng: năm tháng đi qua trống rỗng như những trang giấy không có chữ viết. Chàng thấy mình phải cố gắng lắm mới tưởng tượng lại rõ rệt hình ảnh của mẹ, đã hoàn toàn quên không nhớ cô gái mình theo đuổi tán tỉnh say mê một năm tròn hồi còn thơ sinh tên là gì. Chàng sức nhớ đến con chó mình mua trong một phút bốc đồng hồi còn sinh viên, chú ta đã sống với chàng một quãng thời gian dài. Vậy mà phải mất mấy ngày chàng mới nhớ lại tên con chó.

Lòng đầy buồn bã, chàng trai tội nghiệp thấy rằng quãng đời mình đã đi qua điêu tàn và trống rỗng biết bao, quãng đời đó không phụ thuộc vào chàng nữa mà xa lạ và không liên hệ gì với chàng. Ví như điều mà xa xưa kia ta đã thuộc nằm lòng nhưng bây giờ phải vất vả ráp lại từng mảnh vụn vô vị. Chàng bắt đầu viết, chàng muốn quay trở về từng năm, từng năm một, viết lại những quãng thời gian quan trọng của đời mình, để được nắm lại chúng trong tay. Nhưng chỗ nào là những mảnh đời quan trọng nhất? Lúc chàng trở thành giáo sư chẳng? Lúc chàng là ông tiến sĩ, là cậu học sinh, là chàng sinh viên chẳng, hay trong quãng thời gian cô gái này cô gái nọ đã làm chàng vừa lòng? Hỡi hỡi, chàng ngược nhìn lên: Đó là đời sống chẳng? Đời sống chỉ

có thể thôi sao? Chàng đập tay vào trán và cười dữ dội.

Thời gian vẫn trôi qua, chưa bao giờ thời gian lại qua mau và tàn nhẫn đến thế. Một năm đã hết và chàng thấy mình vẫn chẳng khác gì lúc già từ Iris. Nhưng những người khác đều thấy và biết là chàng đã thay đổi rất nhiều. Chàng trở nên vừa già hơn vừa trẻ hơn. Đối với bạn bè, chàng hầu như thành xa lạ, người ta thấy chàng lơ đãng; hay cáu và kỳ cục, lâu dần chàng được mệnh danh là một quái nhân. Thật đáng tiếc cho chàng, nhưng thế đấy. Đã có lần chàng quên cả công việc của mình, học trò đợi chàng vô ích cả buổi. Lại có khi chàng lếch thếch trên đường phố, lần theo những ngôi nhà và quét bụi đường bằng cái quần rách rưới lê thê. Nhiều người cho là chàng đã bắt đầu uống rượu. Có lúc chàng bỗng ngưng lại chốc lát giữa bài giảng, lục lọi trong trí nhớ một điều gì, rồi mỉm cười một cách trẻ thơ và nhiệt thành - điều mà người ta không bao giờ thấy ở chàng - rồi lại tiếp tục giảng bằng giọng ấm áp và cảm động.

Chàng không biết rằng từ lâu, một ý nghĩ mới đã đến với chàng trong chuyến thám hiểm vô vọng theo những hương thơm và dấu vết đã bị thối mất của những năm tháng xa xưa. Chàng nhận thấy đằng sau những điều chàng gọi là kỷ niệm còn những kỷ niệm khác nữa, ví như trên bức tường đầy tranh vẽ đôi khi còn có bức tranh xưa hơn, bị vẽ chồng lên, nằm ngủ đằng sau bức vẽ khác. Có khi chàng muốn soát ký ức để nhớ về một điều gì, ví dụ tên một thành phố, ở đó kẻ du khách là chàng đã dừng lại đôi ngày, hay nhớ ngày sinh nhật của một người bạn... Trong khi đào bới và lục lọi dĩ vãng như một đồng tro tàn, chàng bỗng sức nhớ một điều hoàn toàn khác hẳn. Một hơi thở nhẹ bao trùm lấy chàng, như một làn gió tháng Tư, hay một ngày mù sương tháng Chín, chàng ngửi thấy một hương thơm, nếm một mùi vị và cảm thấy cảm giác dịu dàng ở đâu đây, trên da trong mắt, trong tim và dần dần điều đó trở nên rõ rệt: Phải là vào một ngày nào đó xa xưa, trời xanh và ấm hay mát và xám, tinh hoa của ngày ấy đã được giữ lại trong tim chàng và vẫn còn treo lơ lửng như một kỷ niệm lơ mơ trong tâm tư. Chàng không thể tìm lại được cái ngày mùa xuân hay ngày đông giá ấy trong quá khứ; ngày mà chàng đã ngửi và đã cảm nhận một cách rõ rệt, chúng không có tên và không có số, có lẽ trong thời sinh viên, có lẽ lúc chàng đang còn nằm trong nôi. Nhưng thoáng hương xưa đã thoảng về, chàng cảm thấy trong lòng có điều gì sống động mà chàng không biết và không thể gọi tên hay xác định được. Chàng có cảm tưởng rằng mình sẽ tìm lại được những kỷ niệm ấy, tuy vẫn nghi ngờ về

điều đó.

Anselm đã tìm thấy nhiều điều trong cuộc lang thang vô định qua những ngõ hẻm của ký ức. Có điều làm cho chàng cảm động và xao xuyến, cũng có điều làm chàng kinh hãi, lo sợ, nhưng có một điều chàng đã không tìm ra được, đấy là cái tên Iris có ý nghĩa gì đối với chàng.

Trong cơn giày vò vì không thể tìm ra được điều đó, chàng về thăm lại quê cũ, thấy lại những khu rừng và các con đường, những cầu gỗ và hàng rào. Chàng đứng trong khu vườn của thời thơ ấu, cảm nhận sóng lòng rào rạt, quá khứ bao trùm chàng như giấc mộng. Buồn bã và yên lặng, chàng rời chốn cũ về thành phố. Chàng cáo bệnh và không tiếp một ai.

Nhưng có một người tìm đến. Đó là người bạn chàng đã không gặp nữa từ ngày xin cưới Iris. Người bạn thấy Anselm ngồi cô đơn trong căn phòng vắng ngắt của chàng.

“Dậy đi!” Người bạn nói, “Iris muốn gặp anh đấy!”

Anselm nhồm bật dậy:

“Iris hả! Chuyện gì xảy ra với nàng vậy? Đấy tôi biết mà, biết mà!”

Người bạn giục: “Ừ! Đi với tôi! Iris sắp chết rồi, nàng bị bệnh từ lâu rồi”.

Iris nằm trong giường bệnh, nhẹ và gầy như một đứa trẻ, mỉm cười rạng rỡ với đôi mắt mở lớn. Nàng đưa bàn tay trẻ thơ trắng và mảnh cho Anselm nắm, bàn tay nằm trong tay chàng như một bông hoa, vẻ mặt nàng đã biến sắc, nàng nói:

“Anselm ơi! Anh có giận em không? Em đã đem đến cho anh một sứ mệnh rất khó khăn, và em biết là anh vẫn trung thành với nó. Hãy tiếp tục tìm kiếm và hãy đi con đường đó cho đến khi anh đến đích. Anh đã nghĩ vì em mà đi con đường đó, nhưng anh đi cho chính anh đấy, anh biết không?”

“Anh linh cảm điều đó,” Anselm nói, “và bây giờ thì anh biết rồi. Đó là một con đường dài, Iris à, và anh đã toan trở gót từ lâu, nhưng anh không còn đường lùi nữa. Anh không biết rồi sẽ ra sao”.

Nàng nhìn thẳng vào đôi mắt buồn rầu của Anselm, mỉm cười trong sáng và an ủi. Anselm cúi xuống bàn tay mỏng manh và khóc rất lâu đến nỗi bàn tay nàng ướt đẫm nước mắt của chàng.

“Anh sẽ phải ra sao,” nàng nói bằng giọng mơ hồ như một tia sáng kỷ niệm, “anh phải ra sao, điều đó anh phải tự hỏi mình. Trong đời anh, anh đã tìm kiếm nhiều rồi. Anh đã tìm kiếm danh vọng, hạnh phúc, tri thức và anh

đã kiếm em, Iris bé nhỏ của anh. Tất cả điều đó chỉ là những hình ảnh đẹp và chúng lìa bỏ anh như em phải lìa bỏ anh bây giờ. Chính em cũng đã ở trong tâm trạng này. Luôn luôn em đã tìm kiếm và luôn luôn chúng là những hình ảnh đẹp đáng yêu và rồi chúng lại rơi rụng và héo tàn. Bây giờ em không biết một hình ảnh nào nữa, em không tìm kiếm gì nữa, em đang trở về quê nhà và chỉ cần bước một bước nữa thôi là em ở Quê Hương. Anselm ơi, anh sẽ cũng đi đến đó và sẽ không còn những vết nhăn trên trán nữa”.

Nàng xanh lướt đến nỗi Anselm kêu lên tuyệt vọng: “Iris ơi, hãy đợi một chút đừng vội đi ngay. Hãy để lại cho anh một dấu gì để em khỏi mất đi hoàn toàn trong anh!”

Iris gật đầu, nàng đưa tay lấy trong cốc thủy tinh ở bàn bên; đưa cho Anselm một đóa huệ tím mới chớm nở.

“Anh hãy giữ lấy đóa hoa của em, hoa huệ tím, và đừng quên em, hãy tìm hoa huệ tím rồi anh sẽ đến được với em”.

Anselm nức nở đón đóa hoa và từ giã trong nước mắt. Mấy hôm sau, người bạn nhắn tin, chàng đến trang hoàng quan tài nàng bằng hoa và đưa nàng về với đất.

Tất cả sụp đổ sau lưng Anselm, chàng tưởng không thể dẹt tiếp được sợi dây vàng kia nữa. Chàng từ bỏ tất cả, rời thành phố, sở làm và đi biệt tích. Người ta thỉnh thoảng thấy chàng có lần xuất hiện nơi quê cũ, đứng tựa người vào hàng rào khu vườn xưa nhưng khi mọi người đến hỏi và lo lắng cho chàng thì chàng lại bỏ đi và biến mất.

Chỉ có hoa huệ tím là đáng yêu đối với chàng. Chàng thường cúi cong người trên đóa hoa, bất cứ ở đâu khi thấy hoa. Khi chàng đưa mắt nhìn lâu vào đài hoa, thì tựa hồ như hương thơm và linh cảm về tất cả những gì quá khứ và tương lai đang bay lại gần nhau từ cái nền hoa màu xanh nhạt ấy, cho đến khi chàng buồn rầu bỏ đi, bởi vì điều chàng muốn biết đã không đến. Điều đó chẳng khác gì chàng đang rình rập ở một cánh cửa hé mở nào đó, thấy điều bí ẩn mình tìm kiếm đang nấp sau cánh cửa, nhưng khi chàng cho rằng điều đó sắp hiện hữu thì cánh cửa đóng sập lại và ngọn gió trần gian lại trải lạnh trên nỗi cô đơn của chàng.

Trong giấc mơ, Anselm thấy mẹ nói chuyện với mình, chưa bao giờ chàng cảm thấy hình dáng và nét mặt mẹ lại gần gũi và rõ rệt đến thế. Iris cũng hiện ra nói chuyện với chàng. Khi chàng tỉnh giấc, dư âm vẫn còn đọng

lại làm cho suốt ngày hôm sau chàng bần thần suy ngẫm. Chàng không còn có một nơi cố định nào, đi lang thang trên các miền quê xa lạ, ngủ ở các nhà hoang, trong rừng, ăn bánh mì hay dâu dại, uống rượu hoặc sương đọng trên lá các bụi cây. Đối với nhiều người, chàng là một kẻ điên, người khác thì cho chàng là một tên ảo thuật, nhiều kẻ hãi sợ chàng, nhiều người chế nhạo chàng, có người lại yêu chàng. Chàng học những điều mà chưa bao giờ chàng có thể: sống chung với trẻ con và chơi những trò chơi kỳ lạ của chúng, như nói chuyện với một cành cây gãy hay với một viên đá nhỏ. Đông và hè lướt qua bên chàng; còn chàng thì cứ nhìn vào các đài hoa, vào suối với hồ.

Đôi khi chàng tự nói với mình: “Hình ảnh, tất cả chỉ là hình ảnh”. Nhưng tận trong thâm tâm, chàng cảm nhận được một thực thể, thực thể này không phải là hình ảnh mà chàng theo dõi, đôi khi cái thực thể trong lòng chàng biết lên tiếng nói, là giọng nói của Iris và của mẹ chàng. Đó là niềm an ủi và sự hy vọng.

Có những phép màu đến với chàng nhưng không làm chàng ngạc nhiên. Một ngày mùa đông, chàng băng qua một hồ băng. Trong tuyết trắng bỗng có một bông hoa huệ tím đứng đơn độc và mảnh mai, đang đâm ra một chồi hoa đẹp lẻ loi. Chàng cúi xuống hoa và mỉm cười, bấy giờ chàng đã nhận ra điều Iris luôn luôn nhắc nhở chàng. Chàng nhận ra giấc mộng trẻ thơ của mình, thấy con đường màu xanh nhạt có những đường gân sáng dẫn vào nơi bí ẩn, trái tim của hoa giữa những chiếc đũa bằng vàng. Chàng biết đây là nơi chàng tìm kiếm, là cái bản thể thực sự chứ không còn là hình ảnh nữa.

Thế rồi những lời nhả nhủ trôi lên, vang vọng trong tim chàng. Những giấc mơ đến đưa chàng đi, chàng bước vào một túp lều, trong đó có nhiều trẻ con, chúng đưa sữa cho chàng uống và chàng chơi đùa với chúng, chúng kể chàng nghe câu chuyện trong rừng, nơi những người làm than đã xảy ra một phép lạ. Rằng ở đó người ta thấy cánh cửa các linh hồn mở ra, cánh cửa ngàn năm chỉ mở một lần mà thôi. Chàng lắng nghe, gật đầu đồng tình với hình ảnh đáng yêu đó. Chàng tiếp tục đi, một con chim hót trước mặt chàng trong bụi liễu, giọng hót ngọt ngào hiếm có như giọng nàng Iris. Chàng đi theo chim; con chim cứ tiếp tục bay và nhảy hót, qua ngọn suối, và đi sâu vào các khu rừng.



Khi con chim bật tiếng, Anselm không nghe cũng không thấy chim đâu nữa, chàng dừng lại nhìn quanh. Chàng thấy mình đang đứng trong một thung lũng sâu, một lạch suối chảy nhẹ dưới những tán lá xanh rộng. Vạn vật đều yên lặng đợi chờ. Nhưng trong lồng ngực của chàng, tiếng chim vẫn tiếp tục hót giọng yêu thương và thúc giục chàng tiếp tục đi. Rồi chàng đứng trước một bức tường chông chất đá và phủ đầy rêu, giữa bức tường nứt ra một khe hở chật hẹp dẫn vào bên trong ngọn núi.

Một lão già đang ngồi trước cửa hang, đứng dậy khi thấy Anselm đi đến và kêu lên: “Hãy lui, người kia, hãy lui đi! Đây là cánh cửa ma, chưa có kẻ nào trở lại khi đi vào trong”.

Anselm ngẩng đầu nhìn vào miệng hang. Chàng thấy một con đường mòn màu xanh hút sâu vào trong núi, hai bên vệ đường những cột bằng vàng đứng chen nhau, con đường mòn thoải xuống, hướng về bên trong như vào trong đài một bông hoa khổng lồ.

Trong lồng ngực Anselm, tiếng chim vẫn hót lảnh lót. Chàng bước qua người gác cổng, vào sâu trong miệng hang, đi qua dãy cột vàng vào tận trong chỗ bí ẩn màu xanh lơ sâu thẳm.

Đây chính là hoa huệ tím, chàng đang thâm nhập vào trái tim của Iris, đây chính là đóa hoa huệ tím trong khu vườn của mẹ. Trong đài hoa màu tím biếc đó, chàng đang bước vào lơ lửng như bay lượn. Trong khi chàng yên lặng tiến đến khoảng u minh bằng vàng ấy, đột nhiên tất cả những kỷ niệm, những ký ức đều hiển hiện trong chàng, chàng sờ thấy tay mình; bàn tay nhỏ và

mềm, những tiếng nói yêu thương vang vọng gần gũi và tín cẩn trong tai chàng. Chúng vang vọng như thế, những cột vàng óng ánh ấy, y hệt như ngày xưa; như trong những mùa xuân của thời thơ ấu.

Giấc mộng của chàng cũng đã quay về, giấc mộng chàng đã mơ hồi còn là chú bé con: Mơ rằng chàng đang bước xuống đài hoa và sau lưng chàng thế giới của tất cả các hình ảnh cũng bước theo, trượt theo và chìm sâu vào trong sự bí nhiệm nằm sau tất cả các hình hài.

Nhẹ nhàng, Anselm bắt đầu cất tiếng hát, và con đường chàng đi êm ái chìm dần vào chốn Quê Hương.

Chú thích:

[1] Schwertlilir (tiếng Đức): Hoa huệ có hình như lưỡi kiếm, màu tím nhạt, nên gọi là huệ tím.

[2] Kapuziner: Một loài hoa cỏ có màu đỏ.

Chuyện chàng Augustus

Xưa có một người thiếu phụ sống ở đường phố Mostacker. Ngay khi vừa mới thành hôn, chồng nàng mất, để lại nàng nghèo nàn và bơ vơ, thui thủi trong căn phố nhỏ, chờ ngày sinh đứa con sớm mồ côi cha. Sống trong nỗi đơn chiếc, nàng chỉ biết dồn tất cả mọi ý nghĩ của mình vào đứa con sắp chào đời. Không có cái gì trên đời đẹp đẽ, huy hoàng và đáng để ganh tị mà nàng lại không dành nghĩ đến cho con mình, ước muốn cho con mình, mơ mộng cho con mình: Một ngôi nhà xây bằng đá, lót bằng những tấm gương soi với một giếng nước phun trong vườn chỉ vừa đủ tốt cho con thôi nhé - nàng nghĩ - còn tương lai của con thì ít nhất sau này con phải là một ông giáo sư hay một ông vua...

Ở cạnh nhà nàng Elisabeth tội nghiệp có một ông lão - hiếm khi người ta gặp ông ta. Đó là một ông già bé choắt, tóc bạc phơ, đầu đội một cái mũ nồi. Lão có một cái dù che mưa màu xanh, những que dù làm bằng xương cá như thời cổ xưa. Lũ trẻ con sợ hãi ông ta, còn người lớn thì bảo rằng ông già nọ có những lý do riêng để sống ẩn thân một mình như thế. Thường hiếm khi người ta thấy lão ra vào. Nhưng có những buổi chiều tối, từ ngôi nhà bé nhỏ xiêu vẹo, người ta nghe một điệu nhạc thanh tao tựa như tiếng hòa tấu của nhiều loại nhạc cụ nhỏ bé và tinh vi văng ra. Trẻ con thường hỏi mẹ: “Nếu bây giờ con chạy qua nhà ông lão thì con có thấy được các thiên thần hay các nàng thủy thần đang ca hát trong nhà ông ấy hay không?” Mẹ chúng không biết gì điều ấy cả và gạt đi: “Ồ! Không, không phải đâu, đấy chỉ là tiếng nhạc bay ra từ một hộp đồ chơi nhạc trẻ con mà thôi”.

Ông già bé nhỏ ấy - hàng xóm thường gọi ông là Binsswanger - có một mối tình bằng hữu đặc biệt với nàng Elisabeth. Thật ra họ chưa bao giờ nói chuyện với nhau nhưng mỗi khi lão già lùn Binsswanger đi ngang qua cửa sổ nhà láng giềng, lão thường chào nàng một cách thân thiết nhất và nàng cũng gật đầu đáp lại một cách biết ơn, lòng đầy cảm mến. Cả hai người thầm nghĩ: “Nếu có lần ta gặp phải điều gì khổ sở vô cùng thì chắc chắn ta sẽ qua nhà người láng giềng để xin ý kiến”.

Chiều chiều, khi trời bắt đầu tối, Elisabeth thường cô đơn ngồi cạnh cửa sổ buồn nhớ người yêu nhất đời đã quá cố hay nghĩ đến đứa con sắp ra đời và đắm mình trong những giấc mộng lan man. Những lúc ấy, lão Binsswanger nhẹ nhàng mở rộng cánh cửa sổ nhà mình, rồi từ căn nhà tối tăm đó chảy ra êm đềm và long lanh như ánh bạc một điệu nhạc đầy an ủi, tựa như một tia trắng sáng mong manh nhỏ xuống trần gian qua kẽ hở các đám mây.

Lão Binsswanger để các chồi hoa phong lữ thảo già cỗi ở cửa sổ sau nhà và thường bỏ quên không tưới nước. Vậy mà chúng vẫn luôn luôn xanh tốt, sum sê những hoa và không có một ngọn lá úa nào, bởi vì chúng đã được Elisabeth tưới bón và chăm nom mỗi buổi sớm.

Trời đã sang thu. Vào một buổi chiều mưa gió tả tơi, trên đường phố Mostacker không một bóng người qua lại, người thiếu phụ tội nghiệp kia bỗng cảm thấy giờ sinh nở đã gần kề, nàng hãi sợ cho nỗi một mình đơn chiếc. Nhưng may sao, khi đêm xuống, có một bà lão cầm đèn lồng đi đến, bước vào nhà người sản phụ, bắc nước sôi, quây màn kín gió cho nàng và làm tất cả mọi thứ cần phải làm để chuẩn bị cho một đứa bé sắp ra đời. Elisabeth yên lặng để mọi việc diễn ra. Đến khi đứa nhỏ được nằm cạnh mình và thiếp giấc ngủ trần thế đầu tiên trong tấm tã thanh sạch mới mẻ, Elisabeth mới lên tiếng hỏi bà mẹ từ đâu đến.

Bà mẹ bảo: “Ông Binsswanger đã bảo tôi qua đây”, vừa nghe qua, người sản phụ đã thiếp đi trong cơn mệt mỏi. Sáng hôm sau, khi nàng tỉnh dậy, thấy sữa bò đã nấu để sẵn cho mình và mọi thứ ở trong phòng được thu xếp gọn gàng tươm tất. Bên cạnh nàng, đứa bé đang khóc đòi bú, còn bà lão thì không thấy đâu cả.

Người mẹ bèn bế con vào lòng, vui sướng thấy con mình xinh đẹp và bụ bẫm. Nàng nhớ đến người cha đã mất của nó không được thấy con; rưng rưng nước mắt, nàng ôm chặt con vào lòng và rồi lại mỉm cười với con. Rồi cùng với con, nàng lại ngủ thiếp đi, khi tỉnh giấc thì lại thấy sữa và cháo đã nấu sẵn, đứa bé thì được quấn tã mới rồi.

Không lâu sau đó, người mẹ khỏe lại, đã có thể tự chăm sóc cho mình và bé Augustus. Bấy giờ nàng mới sức nhớ là con của mình phải được rửa tội và chưa có cha đỡ đầu. Khi trời nhá nhem tối, thoảng nghe tiếng nhạc ngọt ngào văng ra từ túp lều nhỏ của ông lão láng giềng, nàng bèn đi qua thăm ông Binsswanger.

Rụt rè, nàng vừa gõ vào cánh cửa đen đúa của túp lều thì nghe bên trong

ông lão lên tiếng niềm nở: “Xin mời vào!”, rồi tiếng nhạc trong lều ngưng bật và ngay sau đó ông bước ra đón khách. Trong căn lều có một cây đèn nhỏ bé cũ kỹ đặt trước một quyển sách, còn các đồ đạc khác cũng giống như ở mọi nhà.

Elisabeth bảo: “Tôi đến tìm ông để cảm ơn ông đã cho bà mẹ tử tế đến giúp. Tôi sẽ trả tiền cho bà ấy khi tôi có thể làm việc lại và kiếm được chút tiền bạc. Nhưng hiện nay tôi đang có một mối lo khác, ông Binsswanger ạ: Tôi nghĩ đứa bé phải được rửa tội và được nhận tên Augustus như cha nó, nhưng tôi không quen biết ai cũng như không có người nào làm cha đỡ đầu cho nó”.

“Ồ, điều đó lão cũng đã nghĩ đến rồi” người láng giềng vừa nói vừa vờ vờ bộ râu bạc, “Nếu đứa nhỏ có một người đỡ đầu tốt bụng và giàu có để có thể chăm nom nó ngộ nhờ những lúc cô ốm đau bất thường thì không có gì hay hơn. Riêng lão, lão cũng chỉ là một lão già đơn độc, có ít bạn bè; cho nên nếu như cô không muốn nhận lão làm cha đỡ đầu cho đứa bé thì lão không thể giới thiệu ai khác cho cô được”.

Người mẹ tội nghiệp nghe nói rất đổi vui mừng, cảm ơn người đàn ông bé nhỏ kia và xin nhận ông làm cha đỡ đầu cho con mình. Chủ nhật kế đó, họ bế đứa nhỏ cùng đến nhà thờ làm lễ rửa tội. Bà mẹ hôm nọ cũng xuất hiện và tặng đứa bé một đồng tiền. Khi người mẹ không dám nhận, mẹ bảo: “Cô cứ cầm lấy đi, tôi đã già và có đủ các thứ cần thiết rồi. Có khi đồng tiền này đem lại may mắn cho đứa bé đấy. Việc này là bởi vì tôi muốn làm vui lòng ông lão Binsswanger đấy thôi, chúng tôi là bạn cũ với nhau ấy mà”.

Sau đó, họ cùng nhau đi về nhà. Elisabeth pha cà phê mời khách, ông láng giềng thì đem qua một ổ bánh ngọt, ngày hôm ấy trở thành một buổi tiệc rửa tội đúng nghĩa. Sau khi uống cà phê và ăn bánh ngọt, đứa bé đã ngủ thiếp từ lâu, ông Binsswanger mới khiêm tốn nói: “Như thế giờ đây lão là cha đỡ đầu của thằng nhỏ Augustus, lão rất muốn tặng cho nó một lâu đài vương giả và một túi đầy ắp những vàng, nhưng lão không có các thứ ấy, lão chỉ có thể đặt tặng nó một đồng tiền bên cạnh đồng tiền của bà mẹ đỡ đầu thôi. Vạn dĩ bất cứ điều gì mà lão có thể làm được cho bé thì lão sẽ làm ngay, cô Elisabeth ạ chắc chắn cô đã ước mong cho đứa con trai mình nhiều điều đẹp đẽ và tốt lành. Giờ đây cô hãy suy nghĩ thật kỹ, đối với cô điều gì là tốt nhất cho con mình rồi lão sẽ tìm mọi cách để điều đó thành sự thật. Cô được phép có một điều ước cho con trai mình, nhưng chỉ được một điều mà thôi. Vậy cô hãy

đắn đo nghĩ kỹ một điều ước, cho đến chiều tối nay, lúc nào nghe tiếng nhạc từ hộp đồ chơi của lão vang lên thì cô hãy kề miệng nói điều ước của cô vào tai trái của đứa bé - điều ước ấy rồi sẽ được toại nguyện”.

Nói xong ông lão từ giã đi ngay, bà mẹ đỡ đầu cũng bước theo để lại Elisabeth một mình với bao nỗi ngạc nhiên, nếu không có hai đồng tiền nằm ở trong nôi cùng mẩu bánh ngọt còn lại ở trên bàn thì nàng đã tưởng mọi sự chỉ là một giấc mơ. Nàng đến ngồi cạnh nôi; vừa đong đưa chiếc nôi ru con vừa dăm mình suy tư, ta nên ước điều gì đẹp nhất tốt nhất cho con đây. Thoạt tiên nàng muốn ước cho con mình giàu sang, rồi ước con mình xinh đẹp, hay con phải cường tráng anh dũng, hay là giỏi giang và thông minh... nhưng chưa có điều ước nào là hoàn toàn, ở mỗi điều ước đều vướng những khúc mắc nghi ngại. Cuối cùng Elisabeth dăm ra hoài nghi và tự nhủ “Chà, có lẽ đây chỉ là lời nói bông đùa của lão Binsswanger mà thôi”.

Ngoài sân trời tối dần, bên cạnh chiếc nôi, Elisabeth thiếp ngủ đi, một mối phần vì việc tiếp khách, phần vì lăm lăm nỗi lo âu, phần vì ngón ngang bao điều ước muốn. Đúng lúc ấy, một điệu nhạc thanh thoát và êm dịu vẳng đến từ nhà ông lão láng giềng, điệu nhạc êm ái và quý giá vô song như chưa từng nghe được từ một hộp đồ chơi trên thế gian. Nghe tiếng nhạc, Elisabeth sực nhớ lại, rồi chợt tỉnh, nỗi nghi ngờ biến mất, nàng lại tin tưởng vào lời của ông láng giềng Binsswanger và món quà nhân dịp làm cha của ông. Càng đắn đo suy nghĩ bao nhiêu, càng muốn mong ước bao nhiêu thì mọi ý nghĩ trong đầu lại càng rối tung lên bấy nhiêu, đến nỗi nàng không quyết định được điều gì cả. Nàng dăm ra lo sợ và nước mắt trào mi khi tiếng nhạc càng lúc càng nhỏ dần, càng lúc càng yếu ớt hơn. Nàng nghĩ trong khoảnh khắc này không nói lên được điều ước của mình thì sẽ muộn mất và sẽ hỏng mất mọi sự. Nàng thở dài, cúi xuống đứa con và thì thào vào tai trái của nó: “Con ơi, con trai yêu quý của mẹ ơi, mẹ ước muốn cho con, mẹ ước muốn cho con...” Khi ấy tiếng nhạc mỹ miều hầu như sắp dứt hẳn, nàng giật mình thảng thốt nói nhanh: “Mẹ cầu mong là tất cả mọi người đều phải yêu thương con!”

Bấy giờ mọi âm thanh đều tắt lịm, chỉ còn sự yên lặng câm chết trong gian phòng tối tăm. Người mẹ vật mình bên chiếc nôi con, khóc nức nở, lòng đầy xao xuyến và lo âu kêu lên: “Con ơi, mẹ vừa cầu mong cho con điều tốt nhất mà mẹ biết được, nhưng biết đâu điều ấy chưa phải là điều thật đúng. Và nếu trên cõi đời này tất cả, tất cả mọi người sẽ yêu thương con, thì cũng không thể có ai yêu con hơn mẹ của con đâu”.

Augustus hay ăn chóng lớn như những đứa trẻ khác, trở thành một cậu bé tóc vàng tuấn tú, đôi mắt sáng ngời dũng cảm, được mẹ nuông chiều và được mọi người yêu thương. Không lâu sau, Elisabeth cảm nhận ngay ra rằng điều ước ngày rửa tội của mình đang thành sự thật. Đứa bé vừa đến tuổi biết đi, biết chạy ra đường và đến với người khác thì ai ai cũng thấy nó xinh xắn, láu lỉnh và khôn ngoan. Thật hiếm có một đứa trẻ như thế, mọi người đều đưa tay đón nó, nhìn vào mắt nó và tỏ ra mến chuộng nó. Những bà mẹ trẻ tươi cười với nó, các bà già thì tặng nó trái táo ngọt, nó có làm điều gì xằng bậy ở đâu đó thì không ai tin nó là kẻ gây ra, hay nếu không chối cãi được thì người ta nhún vai nói xuôi: “Thật không nên chê trách một thằng bé dễ thương như thế”.

Do sự chú ý đặc biệt đến đứa bé, nhiều người bắt đầu đến với mẹ nó. Người mẹ - trước đây không ai biết đến, cũng như ít nhận được công việc may vá tại nhà - trở nên nổi tiếng vì là mẹ của bé Augustus và được nhiều người bảo trợ ngoài sự mong muốn. Cuộc sống của cô và cậu bé trở nên dễ chịu. Hai mẹ con đi đến đâu, láng giềng cũng đều vui vẻ đón mời và đều đưa mắt nhìn theo hai kẻ hạnh phúc.



Đối với bé Augustus thì điều đẹp đẽ thích thú nhất là được chơi ở bên nhà người cha đỡ đầu. Thỉnh thoảng vào buổi chiều, ông lão gọi cậu sang túp lều của ông. Lúc trời vừa nhá nhem, trong túp lều chỉ có một ngọn lửa đỏ cháy leo lét trong cái lò sưởi đen ngòm. Trên tấm thảm da trải ở nền nhà, ông lão kéo cậu bé vào lòng, cả hai ngồi nhìn ngọn lửa cháy im lìm, rồi ông bắt đầu kể cho cậu nghe những câu chuyện dài. Nhiều lần, khi câu chuyện dài chấm

dứt, chú bé đã buồn ngủ díp mắt, nhưng trong sự yên lặng u tối vẫn cố nhìn ánh lửa với đôi mắt lim dim, bỗng trong cõi mịt mùng chú lại nghe có tiếng nhạc ngọt ngào với nhiều âm thanh khác nhau vang lên. Cả hai ngời yên lắng nghe tiếng nhạc một hồi lâu và thường diễn ra cảnh: bỗng nhiên căn phòng đầy những đũa trẻ con nhỏ xíu và sáng lóng lánh, chúng bay qua bay lại thành vòng tròn với những đôi cánh bằng vàng chói lọi, và như trong các vũ khúc tuyệt diệu, chúng bay quanh nhau rất đẹp mắt rồi lại bay song đôi. Chúng vừa múa vừa ca hát, tiếng ca của chúng như ngân lên trăm vạn lần niềm vui sướng và vẻ đẹp trong sáng. Đây là điều đẹp nhất mà Augustus đã từng nghe và thấy trong đời. Sau này, khi nhớ đến thời thơ ấu thì hình ảnh túp lều nhỏ bé, tinh mịn và tối tăm của người cha đỡ đầu; ngọn lửa hồng trong lò sưởi cùng điệu nhạc vang vọng, với các điệu bay lượn kỳ ảo huy hoàng của các thiên thần luôn làm cho Augustus nhớ nhà.

Thế rồi cậu bé Augustus ngày càng lớn lên. Bây giờ, đã có nhiều lúc bà mẹ buồn phiền vì cậu, và buộc bà phải nhớ đến cái đêm rửa tội cho con ngày xưa. Augustus vẫn hớn hở chạy chơi ở các con đường gần đấy, và được đón mừng khắp nơi. Cậu nhận được hạt dẻ và trái lê, bánh ngọt và đồ chơi, người ta cho cậu ăn uống; để cậu cười lên đui và cho cậu hái hoa trong vườn. Cậu thường về nhà rất trễ và đẩy đĩa xúp của mẹ một cách bực dọc sang bên. Khi mẹ vì thế buồn rầu mà khóc thì cậu thấy điều ấy thật đáng chán và phụng phịu bỏ đi ngủ. Có lần, mẹ la mắng phạt cậu thì cậu la hét âm ỉ, than phiền là tất cả mọi người đều dễ thương, tử tế với cậu, chỉ có mẹ thì không. Người mẹ có những giờ phút lo âu có những lúc tức giận về con mình, nhưng khi nhìn con ngủ yên trên gối và ánh nến lung linh trên khuôn mặt trẻ thơ vô tội thì tất cả mọi sự cứng rắn đều biến mất trong tim, bà cúi hôn con một cách cẩn thận để cho con đừng thức giấc. Tất cả là do lỗi của bà khi mọi người đều thích Augustus, nhiều lúc bà rầu rĩ và kinh hãi nghĩ rằng có lẽ sẽ tốt hơn nếu bà chưa bao giờ nói ra điều ước nguyện ấy.

Một lần nọ, bà đang đứng bên cửa sổ hoa phong lữ thảo của ông Binsswanger, dùng cái kéo nhỏ cắt những bông hoa héo ra khỏi chồi hoa, bỗng nghe thấy trong sân ngôi nhà gần đấy tiếng nói của con trai mình. Bà cúi xuống để nhìn cho rõ hơn. Bà thấy con đang tựa lưng vào tường, gương mặt đẹp hơi kiêu hãnh, một cô gái đứng trước mặt cậu, cao hơn cậu, đang nhìn cậu một cách van lơn và nói: “Phải không? Anh thật dễ thương. Cho em một cái hôn, được không anh?”

“Ta không thích” Augustus trả lời và thọc hai tay vào túi quần.

“Có mà, em xin anh,” cô gái nhỏ nói, “em cũng muốn tặng anh một món quà đẹp mà”.

“Cái gì vậy?” Cậu bé hỏi

“Em có hai trái táo”, cô gái rụt rè nói.

Nhưng cậu bé quay lưng lại và nhăn mặt.

“Ta không thích táo”, cậu nói một cách khinh bỉ và định bỏ chạy.

Cô bé nắm cậu lại và nói một cách van lơn:

“Anh này, em cũng có một chiếc nhẫn”.

“Đưa đây xem”, Augustus nói.

Cô bé cho Augustus xem chiếc nhẫn. Augustus nhìn thật kỹ rồi rút chiếc nhẫn ra khỏi tay cô bé, đeo vào tay mình, đưa lên ánh sáng nhìn ngắm với vẻ thích thú.

“Vậy thì em có thể nhận được một chiếc hôn đấy”, cậu nói kẻ cả và cho cô bé một nụ hôn phớt qua trên môi.

“Giờ anh có muốn đi chơi với em không?” Cô bé hỏi giọng tin cậy và khoác tay vào cánh tay cậu bé.

Nhưng cậu ta hất cô ra và hét lên: “Bây giờ để ta yên đi - ta có những đứa bé khác mà ta có thể chơi được”.

Trong lúc cô gái nhỏ òa khóc, lùi thối đi ra khỏi sân, cậu bé nhăn mặt chán nản bực dọc, rồi quay quay cái nhẫn xung quanh ngón tay, ngắm nghía nó, bắt đầu huýt sáo và bỏ đi.

Bà mẹ đứng đó với cái kéo cắt hoa trên tay, sững sờ và kinh hãi trước sự tàn nhẫn và miệt thị của con khi nhận sự yêu thương của người khác. Bà để mặc các bông hoa, lắc đầu nói đi nói lại với mình: “Nó thật là độc ác, nó không có trái tim”.

Nhưng ngay sau đó, khi Augustus về nhà, bà mẹ muốn chất vấn cậu thì cậu lại vừa cười vừa nhìn mẹ với cặp mắt xanh ngây thơ không chút cảm giác tội lỗi. Rồi cậu bắt đầu hát và nịnh mẹ, cư xử với mẹ một cách tinh nghịch, dễ thương và dịu dàng đến nỗi bà phải bật cười tự nhủ, đối với con trẻ, người ta không nên vội vã xem mọi sự nghiêm trọng đến thế.

Nhưng các việc làm tệ lậu của cậu không phải hoàn toàn không bị trừng phạt. Người cha đỡ đầu là người duy nhất mà Augustus kính sợ. Khi nào cậu

đến thăm cha đỡ đầu, nghe ông nói: “Thế nhé, ngày hôm nay lửa trong lò không cháy và không có âm nhạc, các thiên thần nhỏ bé đang buồn rầu vì con độc ác đấy!”, thì Augustus lặng thinh trở ra, đi về nhà, gieo mình xuống giường nằm khóc. Sau đó nhiều ngày, cậu bé cố gắng tỏ ra phục thiện và ngoan ngoãn.

Tuy nhiên, những lần lửa trong lò sưởi cháy càng ngày càng hiếm hoi hơn, Augustus không thể “lấy lòng” cha đỡ đầu bằng nước mắt và những lời âu yếm được nữa. Khi Augustus mười hai tuổi; điệu vũ ảo thuật của thiên thần trong căn phòng của cha đỡ đầu đã trở thành giấc mơ xa xôi. Nếu cậu có lần trong đêm mơ thấy nó, thì ngày hôm sau cậu lại càng man rợ và ồn ào gặp bội; với tư cách lãnh tướng, cậu lại điều khiển đồng bọn của mình bạo tợn bất chấp mọi gian nguy.

Về phần mẹ cậu, từ lâu bà đã mệt mỏi khi nghe những lời ngợi khen con mình. Với họ, cậu ta có thanh nhã, có xinh xắn đáng yêu như thế nào chẳng nữa, riêng bà chỉ có những nỗi lo âu. Một hôm, thầy giáo của cậu đến gặp bà, kể cho bà là có người sẵn sàng đưa cậu vào trường tốt nhất để học. Bà liền sang bàn chuyện với người láng giềng.

Không lâu sau đó, vào buổi sáng mùa xuân, một chiếc xe đến nhà. Augustus trong bộ quần áo mới tinh đẹp đẽ, bước lên xe, chào già từ mẹ, cha đỡ đầu và láng giềng. Cậu được đi học tại thủ đô. Mẹ cậu chải rẽ mái tóc vàng cho cậu một cách tươm tất lần cuối cùng và nói lời cầu nguyện cho cậu. Thế rồi ngựa bắt đầu rảo bước, Augustus dẫn thân vào thế giới xa lạ.

Sau nhiều năm, khi Augustus trở thành sinh viên, mang mũ đỏ và để râu mép, có lần chàng trở về quê cũ, bởi vì cha đỡ đầu viết thư báo tin mẹ cậu đau nặng chắc không còn sống lâu được nữa. Buổi chiều, người thanh niên về đến nhà, mọi người xôn xao ngưỡng mộ đứng nhìn cách chàng bước xuống xe như thế nào, cách người đánh xe mang cho chàng chiếc va-li ketch xù bằng da vào nhà như thế nào. Người mẹ đang nằm chờ chết trong căn phòng cũ kỹ và thấp bé. Khi chàng sinh viên đẹp đẽ nhìn thấy khuôn mặt trắng bệch khô héo nằm trên chiếc gối trắng chỉ có thể nhìn chàng bằng đôi mắt lặng yên, chàng gục xuống bên cạnh giường, khóc và hôn đôi bàn tay mát lạnh của mẹ, quỳ bên cạnh mẹ suốt cả đêm cho đến khi bàn tay mẹ lạnh hắt đi và đôi mắt khép lại vĩnh viễn.

Khi chôn cất bà mẹ xong, cha đỡ đầu Binsswanger nắm cánh tay chàng và cùng đi với chàng vào túp lều nhỏ. Bấy giờ đối với chàng trai, căn nhà lại

càng thấp hơn và tối tăm hơn. Họ ngồi với nhau, thật lâu và khi những cánh cửa sổ nhỏ bé chấp chới một cách yếu ớt trong bóng đêm, ông già bé nhỏ vượt chòm râu xám bạc của mình bằng những ngón tay gầy guộc và nói với Augustus: “Cha muốn nhen lửa trong lò sưởi, như thế chúng ta khỏi cần dùng đèn. Cha biết ngày mai con sẽ lại đi khỏi chốn này và bây giờ mẹ con đã khuất thì chắc cha sẽ không chóng gặp lại con đâu”.

Trong lúc nói, ông già nhen một ngọn lửa nhỏ trong lò sưởi và xích chiếc ghế bành của ông lại gần hơn. Chàng sinh viên cũng kéo chiếc ghế của mình lại. Họ ngồi như thế một lúc lâu, nhìn những thanh củi tàn lụi dần cho đến khi các tia lửa bay lên rời rạc. Lúc ấy, ông lão hiền lành nói: “Tạm biệt Augustus - cha chúc con những điều tốt đẹp. Con đã có một người mẹ hiền thực và mẹ đã lo toan cho con nhiều hơn con biết. Lẽ ra cha cũng muốn mở âm nhạc cho con nghe một lần nữa và chỉ cho con thấy các thiên thần hạnh phúc, nhưng con biết đấy, việc đó không thể nào còn được nữa. Tuy vậy con không nên quên chúng và nên biết rằng các thiên thần vẫn luôn luôn ca hát và có lẽ chính con cũng sẽ có lần nghe chúng trở lại, nếu một khi con ao ước thấy chúng với một trái tim cô đơn và khao khát. Hãy đưa tay cho cha, con của cha, cha già rồi và phải đi nghỉ”.

Augustus đưa tay cho ông lão và không thể nói một điều gì. Chàng buồn rầu đi về ngôi nhà vắng vẻ, nằm ngủ lần cuối cùng ở chốn quê xưa. Trước khi thiếp đi, chàng mơ hồ tưởng mình lại nghe tiếng nhạc ngọt ngào của thời thơ ấu văng lên từ bên kia, êm đềm và rất đỗi xa xăm. Sáng hôm sau; chàng bỏ đi và từ đó người ta bật tin chàng.

Chẳng bao lâu, chàng cũng quên luôn lão Binsswanger và tiếng nhạc của ông. Cuộc sống giàu sang nở phồng quanh chàng; chàng leo lên sóng của nó mà đi. Không ai như chàng có thể cưỡi ngựa tài tử như thế qua các nẻo đường rộng rãi, chào các cô gái đang ngược nhìn theo với cái nhìn chế giễu, không ai biết khiêu vũ nhẹ nhàng và quyến rũ như chàng, không ai có thể đánh xe ngựa một cách nhanh nhẹn và tinh tế như chàng, có thể đánh chén và huênh hoang suốt cả một đêm hè ở vườn như chàng... Một bà góa chồng giàu có - chàng là người tình của bà - đã cho chàng tiền, áo quần, ngựa và tất cả những gì chàng cần và muốn có. Chàng du lịch với bà đến thủ đô Paris, qua Rome và ngủ trong giường lụa của bà, nhưng tình yêu chàng lại dành cho cô gái con nhà phú gia tóc vàng hiền dịu. Đêm đêm, chàng mạo hiểm đến thăm nàng trong khu vườn của cha nàng, nàng viết cho chàng những bức thư dài nóng

bỏ những khi chàng viễn du.

Nhưng có một lần chàng không trở về nữa. Chàng đã tìm được bạn bè ở Paris. Bởi vì người yêu giàu có làm chàng chán ngấy, việc học làm chàng bức bối, chàng bèn lưu lại nơi viễn xứ và sống như một đại thế gia, nuôi ngựa, chó, đàn bà, mất tiền và được tiền từng cuộ. Ở khắp mọi nơi; mọi người đều chạy theo chàng, sẵn sàng hiến mình cho chàng sở hữu và phục vụ chàng. Chàng mỉm cười, nhận lấy tất cả, như xưa kia chàng là chú bé đã nhận chiếc nhẫn của cô gái nhỏ. Sự linh nghiệm của điều ước nằm sẵn trong đôi mắt và trên đôi môi chàng. Những người đàn bà xúm xít quanh chàng với sự âu yếm dịu dàng; bạn bè đều ngưỡng mộ chạy theo chàng, và không ai biết - chính chàng cũng không cảm thấy rõ điều ấy - rằng trái tim chàng đã trở nên trống rỗng và tham lam, còn tâm hồn thì bệnh hoạn và khổ đau. Lắm khi chàng cảm thấy mệt mỏi trước sự yêu thương của mọi người và phải hóa trang thành kẻ lạ mặt đi lang thang cô đơn qua những thành phố xa lạ. Nơi nơi chàng đều thấy con người điên rồ; quá dễ dàng để chinh phục, nơi nơi chàng đều thấy tình yêu quá buồn cười, nó cứ chạy theo đuôi chàng một cách vội vã để được thỏa mãn với vài thứ nhỏ nhoi. Đối với chàng, đàn bà và đàn ông thường trở nên ghê tởm bởi họ không thể tự trọng hơn một chút. Chàng trải qua nhiều ngày một mình với bầu chó của mình hay ở trong những vùng đi săn đẹp trong núi. Một con hươu chàng theo dõi và bắn được còn làm cho chàng vui thú hơn là việc đi tán tỉnh một người đàn bà đẹp và được nuông chiều.

Có lần, trên một chuyến hải du, chàng gặp phu nhân của một vị đại sứ, một người đàn bà nghiêm nghị và mảnh mai xuất thân quý tộc miền Bắc. Nàng đứng giữa những người đàn bà quý phái khác và những nhân vật lịch thiệp hào hoa với một vẻ mặt đặc biệt kỳ diệu; kiêu hãnh và yên lặng như thể không người nào sang trọng bằng nàng. Chàng nhìn và quan sát nàng, và khi ánh mắt của nàng dường như cũng phớt qua chàng dù cho chỉ là thoáng chốc và vô tình, nhưng đối với Augustus, thì đây là lần đầu tiên trong đời chàng biết được tình yêu là gì. Chàng liền có ý định chiếm cho được tình yêu của nàng. Và từ lúc ấy trở đi, mỗi ngày mỗi giờ chàng đều ở sát cạnh nàng và đứng trong tầm mắt nàng. Vì chính chàng cũng luôn được những người đàn bà và đàn ông khác chiêm ngưỡng, tìm cách giao thiệp vây quanh, cho nên chàng đứng với người phụ nữ xinh đẹp kia giữa đám khách du hành như một ông lãnh chúa với bà quận chúa của mình. Thậm chí, chính người chồng của

người đẹp tóc vàng cũng ưu đãi chàng, cố tìm cách làm vừa lòng chàng.

Chưa bao giờ chàng tìm được dịp ở một mình với nàng, mãi đến khi tại một phố cảng miền Nam; đoàn du khách rời tàu để đi thăm viếng vài giờ trong thành phố lạ và để trong một lúc có lại được cái cảm giác chạm gót giày trên đất liền. Chàng không rời nàng nửa bước cho đến khi tìm được dịp giữa một khu chợ sặc sỡ, giữ nàng lại trong một cuộc hàn huyên. Rất nhiều con đường hẻm nhỏ hẹp, tối tăm chạy đến nơi này, chàng dẫn người đẹp đi vào một trong những con đường hẻm như thế. Nàng tin tưởng đi theo chàng và khi bỗng thấy đang đứng một mình với chàng, nàng trở nên e ngại. Khi không thấy mọi người đâu nữa, chàng hướng về nàng một cách rạng rỡ, nắm lấy bàn tay rụt rè của nàng, van xin nàng hãy ở lại với chàng trên đất liền và đi trốn cùng mình.

Người đàn bà lạ tái mặt, hướng tia nhìn xuống đất. “Ô điều này thật không hào hiệp mã thượng chút nào cả”, nàng nói nhỏ nhẹ, “ngài hãy để cho tôi quên những điều mà ngài vừa nói!”

“Tôi không phải là hiệp sĩ”, Augustus kêu lên, “tôi là người đang yêu, và một người đang yêu không biết gì hơn ngoài người yêu, và không có ý nghĩ gì khác hơn là được ở cạnh người yêu. Ôi người đẹp ơi, em hãy đi với tôi và chúng ta sẽ hạnh phúc với nhau”.



Nàng ta nhìn chàng một cách nghiêm trang với đôi mắt xanh sáng đầy đe dọa: “Từ đâu ngài có thể biết được,” nàng vừa thì thào vừa rên rỉ, “là tôi yêu ngài? Tôi không thể nói dối: Vâng, tôi yêu ngài và mong ước rằng ngài là chồng của tôi. Bởi vì ngài là người đầu tiên mà tôi yêu bằng cả con tim. Ôi tình yêu sao có thể lầm lạc quá xa đến thế này! Tôi đã không bao giờ nghĩ là

tôi có thể yêu một người mà người ấy không trong sạch và đường hoàng. Nhưng một ngàn lần hơn tôi thà ở lại với người chồng mà tôi ít yêu nhưng lại là một hiệp sĩ đầy danh dự và cao quý, điều mà ngài không biết đến. Và bây giờ xin ngài đừng nói thêm một lời nào nữa, hãy đem tôi trở về bến tàu, nếu không tôi sẽ gọi người ta đến cứu tôi khỏi sự hỗn xược của ngài”.

Mặc chàng cầu xin, mặc chàng nghiêng rặng, nàng vẫn quay ra và toan bỏ đi một mình nếu chàng không chạy theo tháp tùng và yên lặng đưa nàng về tàu. Ở đó chàng đem hành lý lên đất liền và không chào già biệt một ai.

Từ ngày ấy, hạnh phúc của kẻ được nhiều người yêu bắt đầu đi xuống. Đức hạnh và danh dự là hai điều chàng ghét cay độc, chà đạp chúng dưới chân. Đối với chàng; trò tiêu khiển là cám dỗ được những người đàn bà đức hạnh bằng mọi nghệ thuật từ sức ảo thuật của mình, hay khi bóc lột những kẻ ngây thơ mà chàng đánh bại được một cách dễ dàng rồi bỏ rơi họ một cách khinh bỉ. Chàng làm cho các phụ nữ và thiếu nữ nghèo đi, rồi chối bỏ họ ngay sau đấy. Chàng chọn lựa những chàng trai trẻ từ các nhà quý tộc, cám dỗ và làm hư họ. Không một hướng thụ nào chàng tìm đến mà không tận hưởng, không một trụ lạc nào mà chàng không học quen rồi lại vất bỏ đi, nhưng con tim chàng không có niềm vui nào nữa và tâm hồn chàng không thấy có một chút âm hưởng từ cái thứ tình yêu thường dễ đến với chàng ở khắp mọi nơi.

Chàng dọn về ở trong một biệt thự vùng quê xinh đẹp tại bờ biển với tâm trạng u tối và cău kính. Chàng đày đọa đàn bà và bạn bè những lúc họ đến thăm với tính cách bất thường, sự độc ác điên rồ nhất của mình. Điều chàng khao khát là hạ thấp mọi người và tỏ cho họ thấy sự khinh bỉ; chàng thấy chán ngán và buồn ngấy việc được bu quanh bởi những tình yêu không cầu mà có, không đòi mà đến và không tốn công mà được. Chàng cảm nhận được sự vô giá trị của cuộc đời bị phung phí và bị tàn phá của mình, một cuộc đời đã không bao giờ biết cho mà luôn luôn chỉ biết lấy. Đôi khi chàng nhin đói một khoảng thời gian dài, hòng chỉ để cảm nghe được lại một lần nữa sự ham muốn thực sự và có thể thỏa mãn được chút khát khao.

Tin loan ra trong bạn bè rằng chàng bị bệnh, cần sự yên tĩnh và cô đơn. Thư từ gửi đến, những thư không bao giờ chàng đọc, một vài người lo lắng đến hỏi thăm đám người giúp việc về sức khỏe của chàng. Riêng chàng chỉ ngồi trong căn phòng bên bờ biển, lẻ loi sâu muộn vô tận. Phía sau chàng cuộc đời trống rỗng và hoang vu như dòng thủy triều xám bạc đang nhấp nhô

kia. Trông chàng thật xấu xí trong cách ngồi chồm hổm trên cái ghế bành bên cạnh cửa sổ cao, ngẫu nhiên một cuộc kết toán với chính mình. Những con hải âu trắng thả mình theo cơn gió biển lượn qua cửa sổ. Chàng nhìn chúng với ánh mắt mất hồn, niềm vui và sự sốt sắng đều biến mất. Duy đôi môi chàng còn nhếch nụ cười mím cứng cõi và độc ác. Khi đã chấm dứt mọi suy tư, chàng bấm chuông gọi người quản gia đến. Chàng ra lệnh cho mời tất cả bạn bè của mình đến tham dự một buổi tiệc vào ngày đã được xác định; chủ ý của chàng thật ra là nhằm làm cho những người đến sẽ hoảng kinh khi thấy một căn nhà hoang và xác chết của chàng trong ấy và qua đấy mỉa mai chế giễu họ. Bởi vì chàng đã đi đến quyết định sẽ kết liễu đời mình bằng thuốc độc.

Vào buổi chiều trước buổi tiệc sắp tổ chức, chàng phái tất cả những người giúp việc đi khỏi nhà, trong các phòng lớn chỉ còn sự yên vắng, rồi đi vào phòng ngủ của mình, khuấy một chất thuốc độc mạnh vào trong ly rượu vang Zypern và nâng ly kể môi.

Nhưng khi chàng định uống ly thuốc độc, thì có tiếng gõ lách cách vào cửa phòng. Chàng không trả lời, cánh cửa mở ra và một ông già bé nhỏ bước vào. Lão đi thẳng tới Augustus, cẩn thận lấy cái cốc khỏi tay chàng và nói một giọng thật là thân thuộc: “Chào con, Augustus, con có khỏe không?”

Kẻ bị bất ngờ, vừa cúi kính lại vừa hổ thẹn, mím cười một cách mỉa mai và nói: “Ông Binsswanger, ông cũng còn sống à? Đã lâu lắm rồi nhỉ, và xem ra ông không già hơn chút nào. Nhưng trong lúc này ông đang quấy rầy tôi đấy, ông lão thân mến ạ, tôi đang mệt và định uống một ngụm để ngủ”.

“Lão thấy rồi,” người cha đỡ đầu trả lời, “con muốn uống để dễ ngủ, và con có lý, đây thật là thứ rượu cuối cùng còn có thể giúp con đấy. Nhưng trước khi uống, chúng ta hãy tâm sự với nhau một lát, con trai của ta, và bởi vì cha đã đi một quãng đường xa xôi để đến đây, nên con không phiền nếu cha được uống một ngụm cho khỏe người một chút chứ!”.

Nói xong ông cầm cái ly đưa lên miệng, trước khi Augustus có thể kịp thời ngăn cản thì ông đã nâng ly lên nốc cạn một hơi thật nhanh.

Augustus mặt mày tái ngắt như cây chết. Chàng nhảy xổ vào người cha đỡ đầu, lay vai ông và hét lên thất thanh: “Này lão già, cha có biết cha đã uống cái gì đó không?”

Ông Binsswanger gạt cái đầu bạc khôn ngoan của mình và mím cười:

“Đó là ly rượu vang Zypern như cha thấy, và rượu thật không đến nỗi tệ. Xem ra con không đến nỗi thiếu thốn nhĩ. Nhưng cha còn ít thời giờ và cũng không muốn làm phiền con lâu, nếu con thích nghe cha nói”.

Người đàn ông thất chí nhìn sâu vào đôi mắt sáng của người cha đỡ đầu với nỗi kinh hoàng và chờ đợi trong từng khoảnh khắc sẽ thấy ông lão gục xuống chết.

Lúc ấy người cha đỡ đầu đặt mình ngồi xuống ghế một cách thoải mái và gật đầu thân thiện với người bạn trẻ.

“Con lo lắng là ngum rượu kia có thể hại ta chăng? Con hãy yên tâm! Nhưng việc con lo lắng cho ta là một điều tốt, ta đã không nghĩ như vậy. Bây giờ chúng ta hãy chuyện trò với nhau như thời xưa kia. Ta có cảm tưởng là con chán ngấy cái cuộc đời dễ dãi của mình rồi phải không? Điều đó cha có thể hiểu được và khi cha đi rồi thì con lại có thể rót đầy ly trở lại và uống hết. Nhưng trước đó cha phải kể cho con nghe chuyện này”.

Augustus dựa lưng vào tường, lắng nghe giọng nói khoan hòa tốt lành của người đàn ông bé nhỏ già nua, tiếng nói từ thuở ấu thơ đã rất thân thuộc với chàng và đánh thức dậy trong tâm hồn chàng những bóng đen của dĩ vãng. Một nỗi hổ thẹn và buồn rầu sâu đậm xâm chiếm toàn thân chàng, trong mắt chàng quăng đời thơ ấu vô tội của mình hiện ra.

“Chất thuốc độc của con cha đã uống hết,” ông lão tiếp lời, “bởi vì chính cha mới là người có lỗi trong sự khốn khổ của con. Mẹ con đã nói lên một điều ước vào dịp rửa tội cho con và cha đã làm mãn nguyện lời ước đó, mặc dù lời ước này khá điên rồ. Con không cần phải biết đến nó nữa; nó đã trở thành một lời nguyện rửa như chính con đã cảm thấy như thế. Cha rất khổ tâm thấy sự việc xảy ra như vậy và cha sẽ rất vui sướng nếu cha còn có thể được sống lại một lần nữa cái cảnh con ngồi trước lò sưởi ở nhà cha và nghe những thiên thần ca hát. Điều đó không phải là dễ đâu, và trong giờ phút này, đối với con, việc trái tim con còn có lúc có thể trở lại khỏe mạnh, trong sáng và vui sướng như ngày xưa; thật là chuyện không tưởng. Nhưng điều ấy có thể được con à, và cha xin con hãy cố thử lại một lần nữa. Lời ước của người mẹ tội nghiệp của con đã làm cho con đau khổ, Augustus à. Vậy bây giờ con nghĩ thế nào khi cha đề nghị con hãy cho phép cha làm cho con thỏa mãn một điều ước, bất cứ một điều ước nào đấy? Chắc con sẽ không muốn tiền bạc, tài sản, cũng không muốn thế lực và tình yêu của đàn bà, những thứ ấy con đã có quá đủ rồi. Hãy suy nghĩ kỹ, bao giờ con cho rằng con biết được một phép

màu nào có thể biến cuộc đời hư hỏng của con lại thành đẹp hơn, tốt hơn và có thể làm cho con vui tươi trở lại một lần nữa, thì con hãy ước nguyện điều ấy!”

Augustus ngồi trầm ngâm suy nghĩ, chàng đã quá mệt mỏi và vô hy vọng. Một lúc sau, chàng nói: “Con cảm ơn cha; cha Binsswanger ạ, nhưng con tin rằng cuộc đời của con không một chiếc lược nào có thể chải suông trở lại được nữa. Cho nên tốt hơn là con sẽ làm điều mà con đã nghĩ là nên làm trước khi cha bước vào nhà này. Nhưng con cảm ơn cha đã đến đây với con!”

“Ừ,” ông lão trả lời một cách đản đo, “cha có thể tưởng tượng được là đối với con mọi sự không phải dễ dàng. Nhưng có lẽ con nên suy nghĩ lại một lần nữa Augustus ạ, có lẽ rồi con sẽ sức nhớ ra được một điều gì mà cho đến bây giờ con vẫn thấy thiếu nó nhất hay là có lẽ con có thể sức nhớ lại thời xa xưa nhất lúc mẹ con còn sống và lúc con thỉnh thoảng chạy qua nhà cha vào buổi chiều. Lúc ấy con đã có nhiều lần cảm thấy hạnh phúc, có phải không?”

Augustus gật đầu: “Vâng thuở ấy!” Và hình ảnh của quãng đời thơ ấu huy hoàng chợt hiện ra xa xôi và nhợt nhạt như đến từ một tấm gương xưa cũ. “Nhưng thuở ấy không thể nào trở lại được nữa. Con không thể nào ước mình sẽ trở lại là một đứa bé được! Ồ, rồi tất cả lại bắt đầu trở lại từ đầu!”

“Không, điều đó sẽ không có ý nghĩa, con nói có lý đấy. Nhưng hãy thử nhớ lại một lần nữa cái thời con ở với chúng ta tại quê nhà, đến cô gái tội nghiệp mà lúc còn là sinh viên con đã đến thăm vào ban đêm trong vườn của cha cô ấy và hãy nghĩ đến người đàn bà đẹp tóc vàng mà con đã cùng đi trên chuyến tàu đại dương, hãy nghĩ đến tất cả những giây phút mà có lúc con thấy mình hạnh phúc và những lúc mà cuộc đời đối với con còn tốt lành, đây giá trị. Có lẽ rồi con có thể nhận ra được điều ấy xưa kia đã làm cho con hạnh phúc và con có thể ước muốn điều ấy cho mình. Hãy vì thương cha mà làm điều ấy đi; con trai của cha”.

Augustus nhắm nghiền đôi mắt, nhìn lui lại quãng đời của mình, như khi người ta đứng từ một ngõ hẻm tối tăm dò tìm một điểm ánh sáng xa xôi xưa kia, nơi mà từ ấy chàng đã xuất thân, rồi bao nhiêu ký ức đẹp đẽ quanh chàng, và rồi dần dần trở nên đen tối và đen tối hơn như thế nào, cho đến lúc chàng đứng hoàn toàn trong khoảng mịt mù, không một điều gì có thể làm cho chàng vui thú nữa. Chàng càng suy nghĩ nhiều và càng nhớ ra nhiều hơn thì điểm sáng xa xôi ấy càng chiếu đến một cách đẹp đẽ hơn, đáng yêu hơn, đáng được mơ ước hơn và cuối cùng chàng nhận ra được tia sáng ấy. Nước

mắt chàng trào ràn rụa.

“Con muốn thứ làm điều ấy,” chàng nói với người cha đỡ đầu, “xin cha hãy lấy lại điều ảo thuật cũ khỏi người con, nó đã không giúp cho con chút nào, và bù vào đấy xin cha hãy cho con điều này, đấy là cho con có thể yêu thương mọi người!”

Vừa khóc chàng vừa quỳ xuống trước người cha già, vừa sụp người xuống, lập tức chàng cảm nghe trong tim một thứ tình thân cũ đối với lão già bùng dậy, sục sạo tìm kiếm lại ngôn từ và cử chỉ để diễn đạt đã bị bỏ quên từ lâu...

Người cha đỡ đầu, người đàn ông bé nhỏ ấy, dịu dàng đỡ chàng trên đôi cánh tay ông và bế chàng vào giường, đặt chàng xuống, vuốt tóc chàng khỏi vầng trán nóng hổi.

“Tốt rồi,” ông thì thào vào tai chàng một cách nhỏ nhẹ, “tốt rồi đấy, con của cha, mọi việc sẽ tốt đẹp!”

Trong lúc nghe các lời ấy, Augustus cảm thấy một cơn mệt mỏi nặng nề xâm chiếm cả thể xác, dường như trong khoảnh khắc chàng đã già hẳn đi nhiều tuổi. Chàng lịm vào giấc ngủ mê man và ông lão lẳng lặng rời khỏi ngôi nhà bỏ hoang.

Augustus choàng tỉnh bởi những tiếng huyền não hỗn loạn đang rộn lên vang dội trong căn nhà. Khi chàng chồm mình dậy, mở cánh cửa gần nhất ra, thì thấy phòng khách và tất cả các phòng đầy những người bạn cũ. Họ đến dự tiệc nhưng chỉ thấy căn nhà trống không. Họ nổi giận và thất vọng. Chàng liền đến gần họ, để chinh phục tất cả mọi người, như thường lệ, với một nụ cười mỉm và một lời bông đùa. Nhưng bỗng nhiên chàng cảm thấy thế lực chinh phục ấy đã rời khỏi mình. Vừa mới thấy chàng, mọi người liền ùa đến la mắng. Khi chàng mỉm cười một cách yếu ớt, đưa hai tay ra chống đỡ thì họ nhẩy xổ vào người chàng một cách giận dữ.

“Mày, thằng đểu cáng,” một người quát lên, “tiền mày nợ tao đâu rồi hử?” Một người khác: “Thế con ngựa tao cho mày mượn đâu?” Một người đàn bà đẹp giận dữ: “Cả thế giới biết hết bí mật của tao là do mày hoạch toẹt ra! Ôi tao thù ghét mày biết chừng nào, thằng ghê tởm!” Một người trẻ tuổi mắt sâu hoắm thét lên với bộ mặt méo mó: “Mày có biết là mày đã hại người ta ra sao không, hớ thằng quỷ sa tăng, thằng hại đời thiếu niên kia?”

Cuộc chửi rủa cứ tiếp diễn mãi, họ phủ lên đầu chàng những lời lẳng nhục

và thóa mạ. Họ đều có lý. Nhiều người đánh đấm chàng. Trước khi bỏ đi, họ còn đập phá các tấm gương và đem theo nhiều thứ quý giá. Augustus nhồm mình từ sàn nhà lên, bầm giập và đầy sỉ nhục. Chàng đi vào phòng ngủ, nhìn vào gương để rửa mặt thì thấy mình đối diện với một gương mặt héo hắt xấu xa, cặp mắt đỏ ngầu chảy nước mắt và máu rỉ ra từ trán.

“Đây là sự trả thù”, chàng tự nói với mình; trong lúc rửa sạch vết máu trên mặt.

Chàng vừa tỉnh hồn một chút thì lại có tiếng ồn ào khác tràn vào nhà. Một số người ập vào chạy lên thang lầu, những chủ nợ, mà chàng đã cầm cố căn nhà; một người chồng mà vợ người ấy chàng đã quyến rũ; những người cha mà các con trai của họ bị chàng cám dỗ đi vào con đường trụy lạc và suy đồi; những đây tớ nam và nữ bị sa thải; cảnh sát và các luật gia. Một giờ sau, chàng bị trói ngời trong xe và bị đưa vào ngục thất. Đuổi theo xe, cả đám người còn la hét chửi bới và hát những bài hát chọc ghẹo mỉa mai, một thằng bé vĩa hè còn ném qua cửa sổ xe vào mặt người bị dẫn đi một năm phân.

Cả thành phố đầy rẫy những hành vi bỉ ổi của con người mà ai ai cũng đã từng quen biết và thương mến. Không có một thói xấu nào của chàng mà không bị tố cáo và không tật hờ nào mà chàng chối đi. Có nhiều người chàng đã quên bẵng từ lâu, bây giờ đứng trước quan tòa khai ra các điều chàng phạm những năm trước. Những nô bộc mà chàng từng tặng thưởng cũng như đã ăn cắp của chàng đến kể ra hết những điều bí mật về tính phóng đãng của chàng. Mỗi khuôn mặt đều đầy sự kinh tởm và thù hận. Không một ai đứng ra bênh vực, khen ngợi, tha thứ cho chàng hay nhớ đến những điều tốt đẹp của chàng.

Chàng để yên mọi việc xảy ra, để yên cho họ đưa vào khám rồi từ khám ra trước quan tòa với các nhân chứng. Đầy ngạc nhiên và buồn bã, chàng đưa đôi mắt mệt mỏi nhìn sâu vào những gương mặt độc ác, giận dữ và xấu xí. Nhưng lạ thay, giờ đây ở mỗi khuôn mặt này chàng lại nhận ra được đằng sau những cuồng thâm của sự thù hận và xuyên tạc, lấp lánh một sức quyến rũ đáng yêu bí ẩn và ánh sáng của con tim. Tất cả những người này trước kia đã yêu chàng còn chàng đã không yêu một ai trong bọn họ. Bây giờ chàng lại xin mọi người thứ lỗi và tìm cách nhớ lại một cái gì tốt đẹp ở mỗi người.

Cuối cùng chàng bị kết án giam vào ngục, không ai được phép đến thăm. Chàng nói chuyện trong cơn mê sốt với mẹ, với cha đỡ đầu Binsswanger và người đàn bà quý phái miền Bắc trên con tàu. Khi chàng tỉnh dậy, ngồi cho

qua những ngày khủng khiếp trong cô đơn và rẻ rúng thì lại đau cái đau của nỗi nhớ nhung, của sự ruồng rẫy và sự mòn mỏi khát khao được thấy một gương mặt người, như chưa bao giờ ở trong đời chàng đã mòn mỏi khắc khoải như thế khi chạy theo bất cứ một hướng thụ hay chiếm đoạt nào.

Khi được phóng thích khỏi nhà tù, chàng già hẳn đi và bệnh tật. Không ai còn biết chàng nữa. Thế giới vẫn chạy theo nhịp đời. Người ta đi xe, cưỡi ngựa và dạo chơi trên các nẻo đường, hoa quả đồ chơi và báo chí vẫn được trưng bày ra mua bán, chỉ duy có Augustus thì không ai nhìn đến nữa. Những người đàn bà đẹp mà xưa kia chàng đã ôm ấp cặp kè trong tiếng nhạc và rượu sâm banh, vẫn dập dìu từng đoàn ngựa xe lướt qua bên chàng và để lại đống sau xe họ đám bụi phủ lấy chàng Augustus.

Nhưng sự trống rỗng và nỗi cô đơn khủng khiếp mà trước đây giữa quầng đời hào nhoáng chàng tưởng như bị bóp nghẹt ấy bây giờ đã hoàn toàn biến mất. Khi chàng bước vào hiên nhà nào đó, để tránh ánh nắng gay gắt của mặt trời trong chốc lát hay khi tiến vào sân sau để xin một ngúm nước, chàng thường ngạc nhiên không hiểu tại sao mọi người lại nghe chàng một cách hậm hực và thù địch đến như vậy. Họ là những người trước đây đã từng rối rít cảm ơn chàng về những lời nói kiêu ngạo và vô tình chàng ban cho họ và trả lời chàng với cặp mắt sáng ngời, về phần chàng, giờ đây sự gặp gỡ với mỗi người đều làm chàng sung sướng, cảm xúc và rung động, chàng yêu thích trẻ con đang chơi đùa và đi đến trường, chàng thương mến người già nua đang ngồi trên ghế dài trước cửa nhà đưa đôi tay tàn úa của mình sưởi ấm trong ánh mặt trời. Một cậu trai trẻ đang theo dõi một cô gái với cái nhìn thèm muốn, một người lao công trở về nhà bế con trên tay, một bác sĩ lịch sự đang lái xe lặng lẽ và vội vã, tâm trí chỉ nghĩ tới bệnh nhân, hay một cô gái giang hồ nghèo, ăn mặc tồi tàn mỗi chiều đứng đợi khách dưới cột đèn vùng ngoại ô vắng vẻ và mời ngay cả chàng, kẻ bị mọi người xua đuổi... Tất cả những người này, với chàng đều là anh em, chị em của mình, và mỗi một người đều mang trong mình hoài niệm về một người mẹ rất mực thương yêu, về một xuất xứ tốt lành hơn hay về một dấu hiệu bí mật của một sự an bài đẹp đẽ và cao quý hơn. Đối với chàng, mỗi người đều đáng yêu, đáng trân trọng và đều cho chàng một cơ hội để nghiên ngẫm suy tư, không ai là người xấu như chàng tự cảm cho chính mình.

Augustus quyết tâm đi khắp cả thế gian tìm một nơi mà ở đó chàng có thể giúp ích mọi người bằng mọi cách và chứng tỏ cho họ tình yêu của mình.

Chàng phải tập quen với việc là bây giờ ánh nhìn của chàng không làm cho ai vui sướng cả; gương mặt chàng đã nhăn nheo, áo quần giày dép đều là những thứ của một kẻ ăn mày, ngay cả giọng nói, dáng đi của chàng không còn một chút gì của thời xưa đã làm cho mọi người vui thích và mê hoặc nữa. Trẻ con sợ hãi chàng bởi vì bộ râu bạc xồm xoàm dài lòng thòng, những người ăn bận lịch sự né tránh gần gũi chàng, cạnh chàng họ cảm thấy khó chịu bị vấy bẩn lây, còn những người nghèo thì nghi kỵ chàng như một kẻ lạ chỉ chực chớp đi của họ miếng ăn. Chàng phải nhọc công tốn sức để phục vụ mọi người. Nhưng chàng vẫn học hỏi và không để một điều gì làm bức dọc. Thấy một đứa bé con nhớn người lên gần cái then cửa của tiệm bánh mì nhưng đôi tay nhỏ không với tới, chàng có thể giúp bé ngay. Lắm khi chàng còn tìm ra được một kẻ còn nghèo hơn cả mình; một người mù hay một kẻ bị liệt chẳng hạn, chàng có thể đến đỡ họ một chút trên quãng đường đi và an ủi họ. Và ở đâu chàng không làm điều ấy được thì chàng vẫn còn trao tặng được một cách vui vẻ cái ít ỏi mà chàng có, một tia nhìn tươi sáng và nhân hậu, một lời chào anh em, một cử chỉ hiểu biết hay thương cảm. Trên các nẻo đường đi của mình, chàng học được cách đọc thấy ở mọi người điều họ chờ đợi nơi chàng. Có người thích một lời chào tươi mát, có kẻ thích một cái nhìn yên lặng, lại có kẻ khác thích người ta lánh xa và không ai quấy nhiễu. Hằng ngày chàng đều ngạc nhiên thấy trên thế gian có biết bao nhiêu điều khổ khổ và con người dù vậy vẫn có thể vui thú. Chàng thấy thật tuyệt diệu và hào hứng, có thể nhận ra được làm sao bên cạnh mỗi sự đau khổ vẫn tìm được tiếng cười vui, bên cạnh mỗi tiếng chuông báo tử vẫn tìm được một bài hát trẻ thơ, bên cạnh mỗi sự cùng quẫn và mỗi sự đều giả vẫn tìm được một sự trung hậu đứng đắn, một câu chuyện vui, một lời an ủi, một nụ cười.

Đối với chàng, đời người như đã được sắp xếp một cách ưu việt. Khi chàng rẽ vào một góc đường, đụng phải một đoàn học sinh chạy ngược lại, chàng thấy từ mọi đôi mắt lóe sáng biết bao can đảm, vui sống và vẻ đẹp thanh xuân. Khi bọn trẻ chọc ghẹo và hành hạ mình, chàng không thấy điều đó là tệ hại, ngược lại lại thấy điều đó dễ hiểu. Chàng tìm lại được chính mình khi thấy bóng mình phản chiếu trong cửa kính trưng bày hay khi uống nước trong giếng, dáng dấp thật tàn tạ và khốn cùng. Không, đối với chàng giờ đây vấn đề không còn nằm ở chỗ làm vừa lòng mọi người với vẻ bề ngoài hay sử dụng thế lực, những thứ ấy xưa kia chàng đã có thừa rồi. Giờ đây đối với chàng, điều đẹp đẽ và phấn khởi là khi được nhìn những người khác đang

vươn lên tự hào trên những chặng đường kia, những quãng đường mà ngày xưa chàng đã đi qua, khi được nhìn mọi người; đầy hăng say và với tất cả sức lực cũng như với bao kiêu hãnh và niềm vui theo đuổi mục đích của mình như thế nào. Đó là một trò kịch đời tuyệt diệu.

Trời vào đông rồi lại sang hè. Augustus bị bệnh nặng nằm liệt giường trong một nhà thương cho những người nghèo một thời gian dài. Ở đấy, chàng lại thường thức một cách lặng lẽ và biết ơn sự may mắn được chứng kiến cảnh những người nghèo khổ bị quy ngã nhưng họ vẫn có sức lực dai dẳng và hàng trăm ước muốn cố bám lấy cuộc đời, cố vượt khỏi cái chết. Thật là tuyệt diệu khi thấy được trên nét mặt của những người trọng bệnh sự nhẫn nại và trong đôi mắt của người đã bình phục sự ham sống rõ rệt đang đâm chồi. Đẹp thay những gương mặt bình yên và đáng kính của những người từ trần. Đẹp hơn tất cả là tình thương, sự kiên nhẫn của những nữ điều dưỡng xinh đẹp. Nhưng khoảng thời gian này rất cuộc cũng đến hồi kết thúc. Gió thu thổi về, Augustus tiếp tục đi lang thang. Trời chuyển dần sang mùa đông. Có một sự nóng lòng kỳ lạ xâm chiếm khi chàng nhận ra mình đã tiến lên một cách vô cùng chậm. Chàng còn muốn đi khắp mọi nơi và còn muốn nhìn vào mắt của biết bao con người trên thế gian. Tóc chàng đã nhuốm bạc, đôi mắt đỏ ngầu vì bệnh tật, miệng lấp lánh những nụ cười ngớ ngẩn. Dần dần ký ức của chàng cũng trở nên vẫn đục, đến nỗi lắm lúc chàng nghĩ chưa bao giờ mình nhìn cuộc đời khác hơn ngày hôm nay; nhưng lòng thì thỏa mãn và thế gian đối với chàng thật là tuyệt vời và đáng yêu.

Một buổi chớm đông, chàng phiêu bạt đến một thành phố. Tuyết bay trên các nẻo đường tối tăm, một vài cậu bé lêu lổng về muộn ném theo những trái banh tuyết vào người lũ hành. Vạn vật tĩnh mịch trong bóng chiều. Augustus quá mệt mỏi. Chàng lẩn vào một con đường hẹp; thấy con đường ấy rất quen thuộc. Chàng lại rẽ vào một con đường nữa, ở đó hiện ra ngôi nhà của mẹ chàng và nhà của ông lão Binsswanger; nhỏ bé và cũ kỹ trong cơn tuyết bay lạnh lẽo. Bên nhà của người cha đỡ đầu thấy một cửa sổ sáng, đang lấp lánh ánh hồng ấm áp và thanh bình trong đêm đông giá.

Augustus bước vào gõ lên cánh cửa lều. Người đàn ông nhỏ bé già nua ra mở cửa cho chàng rồi yên lặng dẫn chàng vào trong túp lều. Ở đó thật ấm áp và yên tĩnh, một ngọn lửa nhỏ và sáng đang cháy trong lò sưởi.

Người cha đỡ đầu hỏi: “Chắc con mệt lắm phải không?” Lão trải tấm da rộng cũ kỹ của mình ra nền nhà rồi cả hai người già nua ngồi thu mình bên

nhau trên đó và cùng nhau nhìn ngọn lửa.

“Con đã đi một quãng đường dài nhỉ?” Người cha đỡ đầu nói.

“Ồ, vâng, tuyệt vời lắm, con chỉ hơi mệt một chút thôi. Con có được phép ngủ lại đây với cha không? Ngày mai con sẽ tiếp tục đi”.

“Được chứ, con có thể ngủ lại đây. Con không thích thấy lại những thiên thần nhảy múa ngày trước hay sao?”

“Những thiên thần ư? Ồ có chứ, con muốn lắm ạ, ước gì có lần con trở thành một đứa bé con bố nhỉ”.

“Thật là lâu lắm chúng ta không gặp nhau rồi nhỉ!” Người cha đỡ đầu lại khơi chuyện. “Bây giờ con đã trở nên thật là đẹp đẽ, đôi mắt của con đã trở lại trong sáng và hiền lành như thuở xưa, như hồi mẹ con còn sống. Con thật là dễ thương khi đã đến đây thăm cha”.

Trong bộ quần áo rách rưới; người lữ hành ngồi gục mình bên cạnh người bạn già. Chưa bao giờ chàng mệt mỏi đến thế, sự ấm áp tuyệt vời và ánh lửa hồng làm chàng hoang mang đến nỗi không thể phân biệt giữa ngày hôm nay và thuở xa xưa một cách rõ ràng được nữa.

“Bố Binsswanger ạ,” chàng nói; “con đã không ngoan ngoãn một lần nữa rồi và mẹ con đã khóc ở nhà đấy. Bố phải nói chuyện với mẹ và bảo mẹ là con sẽ lại ngoan ngoãn. Bố sẽ nói với mẹ phải không bố?”

“Bố sẽ nói,” người cha đỡ đầu bảo, “con hãy yên tâm, mẹ con luôn thương yêu con mà”.

Ngọn lửa cháy nhỏ dần, Augustus nhìn ngọn lửa hồng yếu ớt với đôi mắt mở to ngái ngủ y hệt như ngày thơ ấu của mình. Người cha đưa tay đỡ đầu chàng vào lòng ông; một điệu nhạc thanh tao và hân hoan vang lên trong căn phòng, đầy êm ái và hạnh phúc. Rồi bỗng hàng nghìn bóng dáng nhỏ bé sáng ngời bay lơ lửng đến, sắc thái tươi vui, chúng lượn vòng quanh nhau trong những kiểu bay xoắn xuýt đầy nghệ thuật và những kiểu bay từng đôi trong không gian. Augustus trở mắt nhìn, lắng tai nghe và mở rộng tất cả mọi giác quan trẻ thơ non nớt của mình đón chào thiên đường đã tìm lại được.

Chàng nghe như có tiếng mẹ gọi tên mình, nhưng chàng đã mệt mỏi quá, và lại người cha đỡ đầu có hứa với chàng ông sẽ nói chuyện với mẹ. Khi chàng thiếp ngủ, người cha đỡ đầu xếp hai tay của chàng lại với nhau. Lão cúi xuống áp tai nghe con tim đã trở nên yên lặng của chàng cho đến khi căn phòng nhỏ ngập tràn bóng đêm.

Bích Thảo hóa thân

Thuở ấy khi vừa bước vào thiên đường, Bích Thảo đến trước một cây kỳ lạ; vừa là đàn ông vừa là đàn bà. Bích Thảo kính cẩn cúi chào cây và hỏi: “Chào cây, cây có phải là cây của sự sống không?” Nhưng khi có con rắn muốn thay cây trả lời thì Bích Thảo quay lưng bỏ đi. Chàng tập trung nhìn, mọi thứ ở trên thiên đường đều làm cho chàng thích thú. Chàng cảm thấy rõ là mình đang ở chốn quê hương, đang ở nơi cội nguồn cuộc sống.

Chàng lại gặp một cây kỳ dị khác, cây này vừa là mặt trời vừa là mặt trăng. Bích Thảo hỏi: “Này cây ơi, cây có phải là cây của sự sống không?”

Mặt Trời gật đầu và cười toét miệng còn Mặt Trăng thì gật nhẹ đầu và nhoén miệng cười mủm mỉm.

Những bông hoa tuyệt diệu nhất chớp mắt nhìn Bích Thảo với nhiều màu sắc và ánh sáng khác nhau, với nhiều đôi mắt long lanh và nhiều vẻ mặt khác nhau. Có những khóm cây gật đầu cười toe toét. Vài cây khác chỉ gật đầu cười chúm chím. Có những cây chẳng gật đầu mà cũng chẳng mỉm cười. Chúng lặng yên mê mẩn, đắm mình ngơ ngẩn, như say sưa trong suối hương nồng, hoa hương quyện lẫn.

Một đóa hoa cất tiếng ca bài *Tím nhạt*, đóa khác hát bài hát ru con *Xanh thắm*. Một đóa hoa có đôi mắt to màu xanh da trời, còn một đóa khác có gương mặt làm cho Bích Thảo nhớ đến mỗi tình đầu tiên của chàng. Có đóa hoa thơm mùi hương của khu vườn thời thơ ấu, hương thơm ngọt ngào thoáng nhẹ như giọng nói của mẹ chàng. Có đóa hoa tươi cười chào chàng và thè cái lưỡi đỏ uốn cong đến gần chàng. Chàng đưa lưỡi chạm vào hoa, cảm nhận hương vị nồng nàn man dại như nhựa cây, như mật ong và như nụ hôn của một người đàn bà.

Bích Thảo đứng giữa ngàn hoa, lòng tràn ngập những hoài vọng và niềm vui mong manh. Như chiếc khánh ngân, tim chàng đập nhanh, tim đập liên thanh; và nỗi khát khao của chàng bùng cháy cuống họng vào tận nơi chưa từng biết, vào tận bến bờ của niềm linh cảm huyền diệu.

Bích Thảo tiếp tục nhìn ngắm thiên đường, bỗng thấy một con chim đậu xuống. Chim nấp trong đám cỏ, xanh xanh đỏ đỏ, lấp lánh muôn màu, hầu như tất cả màu sắc trên thế gian chim đều chiếm hết. Chàng hỏi chim mỹ miều muôn sắc: “Này chim, vậy hạnh phúc ở đâu vậy hỡi chim?”

“Hạnh phúc hả?”, con chim mỹ miều nói và cười bằng cái mỏ vàng của nó, “Này bạn ơi, hạnh phúc ở khắp nơi nơi, trên núi dưới đồi, trong hoa tươi nở, trong ngọc sáng ngời”.

Vừa mới buông lời, con chim hớn hờ rũ lông, rụt cổ, nhịp đuôi, há mỏ cười một lần nữa rồi lại ngồi bất động trong đám cỏ. Và này hãy xem: Thoáng chốc con chim đã hóa ra một đóa hoa sắc sỡ, lông chim là những ngọn lá, móng chim là rễ cây. Trong vẻ lóng lánh muôn màu, giữa lúc nhảy nhót múa may con chim lại biến mình thành một cái cây. Bích Thảo trở mắt kính ngạc chứng kiến trò ảo thuật kỳ diệu.

Ngay sau đó, “đóa hoa chim” rung động những ngọn lá và chuỗi bụi phấn của hoa. Chán cảnh làm hoa, hoa chim không còn rễ cây nữa, chuyển mình nhẹ nhàng rồi từ từ cất bồng mình lên cao, rồi bỗng hóa ra một con bướm bướm sáng ngời, lượn mình trên không nhẹ bồng nhẹ bông như không có trọng lượng. Hoa bấy giờ toàn thân là ánh sáng, là hào quang. Bích Thảo ngây người càng mở lớn đôi mắt kính ngạc.



Con bướm bướm mới, con bướm hoa chim sắc sỡ, hớn hờ, màu sắc sáng rỡ ấy, nhớn như lượn quanh Bích Thảo sững sờ, lấp la lấp lánh trong ánh mặt trời, bướm bay bay lượn lượn rồi từ từ đậu xuống đất nhẹ nhàng như một nắm tơ, đậu sát vào chân Bích Thảo. Bướm thở nhẹ nhàng, rung khẽ thân

mình với đôi cánh lóng lánh, rồi khoanh khắc lại hóa thành một viên pha lê muôn màu, ở một góc pha lê lóe ra một tia sáng đỏ hồng.

Từ trong đám hoa cỏ xanh tươi, viên pha lê đó chiếu lấp lánh tuyệt vời, sáng rỡ, giòn giã như tiếng chuông ngân ngày hội. Nhưng rồi hình như có tiếng gọi về của quê hương - đó là lòng của trái đất - cho nên viên ngọc từ từ thu bé lại và sắp sửa lịm dần vào lòng đất...

Chứng kiến cảnh này, trong lòng Bích Thảo bỗng nổi lên một ham muốn mãnh liệt, chàng vội vàng nhặt nhanh viên ngọc lên trước khi ngọc sắp tan biến. Bích Thảo mê người ngắm nhìn ánh sáng thu hút huyền hoặc của viên ngọc trong tay, ánh hào quang như rọi sáng vào tận tim chàng một thứ linh cảm về mọi nỗi niềm hạnh phúc trên đời.

Trong lúc ấy, bỗng nhiên con rắn trườn đến quấn mình vào một nhánh cây khô, ghé đầu rít vào tai chàng: “Viên ngọc này có thể biến mày thành điều gì mà mày muốn Bích Thảo ạ. Hãy nói nhanh cho viên ngọc biết điều ước của mày trước khi ngọc thu nhỏ lại, kéo chậm mất!”

Bích Thảo giật mình, sợ đánh lỡ mất hạnh phúc, vội vàng nói nhanh ước muốn của mình, lập tức chàng biến thành một cái cây. Bởi đã từ lâu chàng mơ ước mình được làm một cái cây, cây đối với chàng là sự bình an; là nhựa sống, là niềm vinh dự.

Như vậy Bích Thảo hóa thân thành một cây xanh.

Chàng đâm rễ vào lòng đất, lớn nhanh và vươn mình lên cao. Lá và cành mọc ra từ tứ chi của chàng. Chàng rất tự mãn về sức lớn của mình, với những rễ cây khát nhựa đâm mình hút sâu vào lòng đất, với những cành lá... Chàng phát thân cao lên trong tầng thiên thanh. Những con bọ bắt đầu tìm đến cư ngụ nơi thân cây. Thỏ và nhím đến tá túc ở gốc cây, chim đến làm tổ ở cành cây.

Cây “Bích Thảo” rất đổi hạnh phúc, không màng đến năm tháng trôi qua. Nhiều năm qua đi trước khi chàng nhận ra rằng thật sự hạnh phúc của mình không được trọn vẹn. Phải mất một khoảng thời gian chàng mới học được cách nhìn với “con mắt cây”. Cho đến khi chàng đạt được cách nhìn này thì chàng đâm ra buồn rầu.

Chàng nhìn thấy được rằng ở trên thiên đường, quanh chàng mọi vật thường đổi kiếp thay thân. Thật thế, chàng thấy mọi vật đều nằm trong vòng luân lưu ảo thuật của sự hóa thân vĩnh cửu. Những bông hoa biến thành cây

ngọc hay hóa thành những con chim líu lo đầy ánh sáng vụt bay đi. Chàng thấy bên cạnh mình có nhiều cây bỗng biến mất, có cây tan ra thành nguồn suối, có cây thành cá sấu, có cây lại bơi lội nhón nhờ, tung tăng khoái chí, thích thú tột cùng, bơi đi làm cá, hết làm cá rồi, thay hình mới mẻ, chúng lại bắt đầu những trò khác lạ. Những chú voi đổi áo của mình với các tảng đá núi, những chàng hươu cao cổ đổi hình dạng của mình với các bông hoa. Chỉ riêng chàng - cây Bích Thảo - thì vẫn giữ nguyên là cái cây, chàng không thể biến đổi ra cái gì khác nữa.

Từ khi nhận biết được điều này, hạnh phúc của Bích Thảo biến mất; chàng bắt đầu trở nên già cỗi, bắt đầu có dáng điệu mệt mỏi nghiêm nghị và lo âu. Điều này người ta thường thấy được hằng ngày ở các loài ngựa; loài chim; loài người - những sinh vật thường trở nên già nua nếu chúng không có được khả năng hóa thân, với thời gian, chúng sẽ rơi vào sự buồn nản và lo âu xao xuyến, cứ thế mà mọi vẻ đẹp dần dần biến mất.

Cây Bích Thảo cứ đứng yên như thế ở thiên đường...

Cho đến một ngày nọ, một người con gái trẻ đi lạc vào chốn thiên đường ấy. Cô gái có mái tóc vàng óng ả, mặc chiếc áo xanh màu thiên thanh. Cô bước đi thanh thoi trong chốn Bồng Lai, nhón nhờ dưới cây xanh, vừa hát vừa nhảy múa, trong đầu cô chưa bao giờ nghĩ đến việc ước mong có biệt tài hóa thân.

Những chú khỉ khôn ngoan mỉm cười sau lưng cô, có lùm cây chạm nhẹ vào cô một cách dịu dàng bằng những nhánh dây leo, các cây khác lại ném tặng cô một búp hoa, một hạt dẻ, một trái táo mà cô không để ý đến, cứ thanh thoi đi, hát và nhảy múa.

Khi Bích Thảo thấy cô gái, chàng cảm nhận trong tim nỗi nhớ nhung mông mênh chảy dội về, nỗi khát khao hạnh phúc như chưa bao giờ trong đời chàng khát khao như thế. Đồng thời một sự hồi tưởng sâu kín xâm chiếm tâm hồn, bởi vì chàng cảm thấy như chính dòng máu của mình lên tiếng gọi: “Bích Thảo, hãy suy nghĩ kỹ đi. Trong giờ phút này hãy nhớ lại cả cuộc đời mình, nếu không sẽ muộn mất thôi, và không bao giờ, không bao giờ nữa mà sẽ gặp được hạnh phúc”.

Bích Thảo nghe theo tiếng gọi của trái tim. Chàng nhớ về cội nguồn của mình, nhớ những năm làm người, nhớ lúc nhập vào thiên đường và nhất là nhớ đến giây phút trước khi chàng biến thành cái cây, lúc cầm trong tay viên ngọc nhiệm màu ấy. Nhớ đến thuở ấy, khi mọi sự hóa thân đối với chàng còn

mở ngõ, cái thuở mà cuộc sống như chưa bao giờ nóng bỏng đến thế. Chàng nhớ lại con chim ngày ấy đã cười vang, nhớ cái cây kỳ lạ vừa là mặt trời vừa là mặt trăng. Trong thoáng chốc, chàng linh cảm được thuở ấy mình đã bỏ lỡ một cơ hội nào đó; đã quên một điều gì đó, lời khuyên của con rắn không phải là lời khuyên tốt lành.

Đang đi, cô gái tóc vàng chợt nghe trong đám lá của cây Bích Thảo có tiếng rì rào như một lời kêu nhỏ. Cô ngẩng đầu nhìn lên cây, tim bỗng nhói lên một niềm cảm xúc; từ đáy lòng nghe rạo rực những tưởng tượng mới mẻ, một ước muốn, mộng mơ chưa bao giờ có ở trong tâm. Như bị cuốn hút bởi một sức mạnh lạ lùng, cô đến ngồi dưới cây. Cô thấy như cây Bích Thảo có vẻ cô đơn, lẻ loi và buồn bã, nhưng lại có một vẻ gì đẹp đẽ dễ rung cảm và cao quý trong nỗi buồn câm lặng. Tiếng ca của tán cây lao xao nhỏ nhẹ vang lên làm cô ngây ngất. Cô gái tựa mình vào thân cây xù xì, cảm nhận thân cây rung mình và nghe trái tim mình đang cảm nhận cùng một nỗi xao động. Trên bầu trời, những đám mây như vụt bay đi. Tim cô nhói đau một nỗi đau lạ lùng; không khóc mà nước mắt từ từ lăn khỏi bờ mi. Có chuyện gì thế này? Có thể đón đau đến thế này hay sao? Tại sao tim chỉ chờ phá tan lồng ngực để chảy tràn ra, tan biến đến Người, vào tận trong Người; Người cây cô đơn đẹp đẽ kia?

Cây Bích Thảo run lên nhẹ nhàng đến tận gốc rễ. Rồi với sức lực bình sinh, cây thu hết tất cả nhựa sống, hướng về phía người con gái trẻ với tất cả ước muốn nóng bỏng được tan hòa với nàng. Cây nghĩ: “Chà, ta đã bị con rắn độc đánh lừa để tự đưa mình vĩnh viễn bất di bất dịch thành một cây duy nhất. Ôi ta đã mù quáng biết bao! Ôi ta đã điên rồ biết bao! Ta đã không có một tri thức nào cả hay sao? Tại sao sự bí mật của cuộc sống đối với ta lại xa lạ đến thế? Không, không, thuở ấy ta đã cảm thấy mơ hồ và đã linh cảm điều ấy rồi”. Chàng nhớ đến cái cây vừa là đàn bà vừa là đàn ông với nỗi buồn rầu và nỗi giác ngộ sâu xa.



Giữa lúc ấy có một con chim bay đến; con chim xanh lục đỏ điều, con chim mỹ miều, con chim anh điểu, con chim vàng ánh vàng anh; bay lượn quanh quanh. Cô gái nhìn chim bay quanh, thấy từ mỏ chim nhả ra một vật gì xuống cỏ; vật ấy long lanh màu đỏ như máu, đỏ như than hồng. Nó rơi xuống đám cỏ xanh xanh, chiếu sáng trong đám cỏ mảnh mảnh, như ánh xuân xanh, màu đỏ chiếu sáng rộn rã từng bừng đến nỗi cô gái phải cúi mình xuống nhặt vật màu đỏ ấy lên. Hóa ra đó là một viên ngọc dạ quang pha lê, ở đâu có ngọc ấy, ở đấy không bao giờ có bóng tối.

Lúc cô gái cầm viên ngọc kỳ diệu trong bàn tay trắng nõn nà thì lập tức điều ước của Bích Thảo liền thành sự thực, điều ước mà tim chàng bấy lâu nay đang ấp ủ. Lập tức cô gái đẹp liền thoát xác, gục xuống hóa thân dính liền với cây Bích Thảo làm một. Từ thân cây, một nhánh cây non trẻ và mạnh mẽ trời lên, vươn lên cao đến gần chàng.

Bây giờ mọi sự việc đều hoàn thiện, bấy giờ thế giới mới được an bài và chỉ trong khoảnh khắc này thiên đường mới thực sự tìm thấy. Bích Thảo không còn là cái cây ưu tư già cỗi nữa, bây giờ chàng cất cao tiếng hát: “Bích Thảo ơi! Thanh Thảo ơi! Vẹn toàn rồi”.

Chàng đã hóa kiếp. Và bởi vì lần này chàng đã đạt được sự hóa thân đúng đắn và trường cửu, bởi vì chàng đã từ cái Một Nửa trở thành cái Toàn Thể, cho nên chàng có thể thay đổi thân xác từng giờ từng phút thành bất cứ cái gì chàng muốn. Dòng luân lưu ảo diệu của sự trở thành tuôn chảy không ngừng trong huyết mạch của chàng, vĩnh viễn chàng có thể tham dự vào sự sáng tạo

chớm nở trong từng phút từng giây.

Chàng biến thành nai, thành cá, thành người, thành rắn, thành mây, thành chim... Nhưng trong mỗi hình hài chàng vẫn là cái Toàn Thể, vẫn là “Một Đôi”, vẫn mang trong mình mặt trời và mặt trăng, đàn ông và đàn bà.

Như một con sông “sinh đôi”, chàng chảy mê mải qua núi đồi đồng ruộng. Và lấp lánh trên nền trời, chàng sáng ánh sáng của “ngôi sao đôi”.

Thi nhân

Tương truyền thi nhân người Tàu tên Han Fook thuở thiếu thời chỉ thao thức với một khát khao là muốn học hết mọi điều và tự rèn luyện mình đến hoàn hảo trong tất cả các môn liên quan đến nghệ thuật thi ca.

Lúc còn sống ở quê cạnh sông Hoàng Hà, thể theo ước nguyện của chính mình và sự tán thành của song thân, ông đính hôn với một tiểu thư khuê các - chỉ chờ ngày lành tháng tốt hôn lễ sẽ được cử hành. Thuở ấy, Han Fook tuổi chừng đôi mươi, đã là một công tử dung mạo đẹp đẽ, khiêm tốn, cung cách đối xử nhã nhặn, đang được dạy dỗ những môn học thuật. Mặc dù tuổi còn trẻ, chàng đã nổi tiếng trong giới văn chương quê nhà qua một vài bài thơ ưu tú. Tuy không phải con nhà giàu có tột bậc, nhưng tương lai chàng sẽ thừa hưởng một tài sản khá giả cộng thêm của hồi môn của vị hôn thê. Vị hôn thê của chàng lại còn rất xinh đẹp và đức hạnh, cho nên ta thấy hạnh phúc của vị công tử như không thiếu một điều gì nữa. Dù vậy, chàng vẫn cảm thấy chưa được hoàn toàn thỏa mãn vì tim chàng vẫn còn tràn đầy một tham vọng: chàng muốn trở thành một thi nhân toàn bích.

Chuyện xảy ra vào một buổi chiều, đương lúc người ta vừa khởi xướng một lễ hội đèn lồng trên sông, riêng Han Fook một mình lang thang trên bờ bên kia của dòng sông. Chàng tựa mình vào một thân cây mọc nghiêng trên sông, lặng ngắm hàng nghìn ánh sáng bơi lượn chập chờn rung rinh trên mặt nước. Chàng trông thấy các công tử và tiểu thư rục rờ trong xiêm áo dạ hội như những bông hoa xinh đẹp đang chào hỏi nhau. Chàng nghe âm thanh lao xao yếu ớt vang vọng trên sóng nước lấp lánh ánh đèn, tiếng ca của các nữ ca nhân, thanh âm réo rắt của hồ cầm, những giai điệu du dương ngọt ngào của những người thổi tiêu và trên tất cả những cánh tượng ấy, chàng thấy bóng đêm xanh phớt như vòm của một ngôi đền đang lơ lửng chơi vơi trên đầu mình.

Chàng trai trẻ nghe tim mình hồi hộp, đứng đó như một khán giả cô đơn, được dịp chiêm ngưỡng tùy thích tất cả vẻ đẹp bên kia bờ sông. Mặc dù chàng muốn đi qua bờ bên kia để nhập cuộc với mọi người, ngồi cạnh vị hôn

thê và các bạn hữu cùng thưởng thức buổi tiệc vui, nhưng chàng lại thích ngồi lại bên này hơn để được làm một khán giả tinh tế thấu nhận mọi cảnh tượng ở bên kia bờ và phản ánh lại trong một bài thơ tuyệt hảo: Màu xanh thắm của bóng đêm, kiêu đùa chơi ánh sáng của sông nước cũng như sự khoái lạc của khách dạ hội và nỗi hoài vọng của kẻ đứng nhìn im lặng, đang tựa mình vào thân cây vắt ngang trên bờ sông.

Chàng cảm thấy chưa bao giờ được hoàn toàn thoát mái và vui sướng trong tim, thấy trong cuộc đời này, mình vẫn là một kẻ cô đơn, một kẻ lạ mặt, một người ngoài cuộc đứng nhìn. Chàng cảm nhận rằng giữa những người khác, dường như tâm hồn mình được trời phú cho vừa cảm nhận được vẻ đẹp trên trần ai đồng thời lại mang trong lòng nỗi ước ao thầm kín của một kẻ xa lạ. Chàng đâm ra sầu muộn, cúi đầu suy ngẫm về những điều trên, mọi suy tư của chàng vẫn xoay quanh một mục tiêu duy nhất, ấy là đối với chàng hạnh phúc thật sự và thỏa mãn sâu sắc chỉ đến được khi chàng có thể đạt được nghệ thuật phản ánh cõi trần một cách hoàn hảo trong các bài thơ và chính trong những hình ảnh phản diện này, chàng sẽ chiếm hữu cõi trần đã được thanh lọc và vĩnh cửu hóa.

Còn chưa biết mình đang tỉnh hay mơ với những ý nghĩ ấy, Han Fook chợt nghe một tiếng động sẽ sàng và đột nhiên thấy một người lạ mặt đứng bên cạnh gốc cây lúc nào không hay. Một lão nhân trong chiếc áo rộng màu tím với dáng dấp uy nghi đáng kính. Chàng vội đứng thẳng người chào lão nhân với lối chào dành riêng cho những người trưởng thượng và quý phái. Người lạ mặt mỉm cười, không chào đáp lại mà chỉ ngâm lên một vài câu thơ trong đó nói lên được những gì mà chàng thiếu niên vừa cảm nhận, nhưng lại với một lối diễn tả thật là toàn hảo và tuyệt vời, theo đúng quy luật của nghệ thuật thi ca, những câu thơ đẹp đến nỗi trái tim của chàng thơ sinh tưởng như ngừng đập vì kinh ngạc.

“Ồ, ngài là ai?” chàng kêu lên và cúi rạp người xuống, “Ngài là ai mà lại có thể soi thấu tâm hồn thiếu sinh và phát biểu những câu thơ tuyệt tác mà thiếu sinh chưa từng được nghe từ các bậc sư phụ của thiếu sinh?”

Người lạ lại mỉm cười với nụ cười của đấng toàn năng và bảo: “Nếu con muốn trở thành một thi nhân thì hãy đến với ta. Túp lều của ta, con sẽ tìm thấy ở đầu nguồn của dòng đại giang trong rặng núi Tây Bắc. Ta tên là đạo sư Hoàn Mỹ Từ”.

Nói xong lão nhân bước vào dưới bóng cây thưa và thoảng chốc đã mất

hút. Sau khi đã bỏ công sức sạo tìm kiếm không được; Han Fook mới tin chắc rằng vừa qua chỉ là một cơn mộng mị do sự mỏi mệt gây ra. Chàng vội vã đi đến hội chơi thuyền ở bên kia sông, nhập vào cuộc vui chung. Nhưng giữa cuộc chuyện trò và âm hưởng đàn địch, bên tai chàng vẫn như còn nghe giọng nói đầy bí ẩn của người lạ, còn tâm hồn chàng thì như đã bay theo lão nhân kia. Chàng ngồi đó với dáng điệu xa xôi và đôi mắt mơ màng ngẩn ngơ, giữa đám khách vui nhộn đang chọc ghẹo cợt đùa về si tình của chàng trai Han Fook.

Sau đó vài hôm, thân phụ Han Fook tỏ ý mời bạn bè và thân quyến đến để định ngày hợp hôn cho con. Nhưng chính chàng rể lại lên tiếng chống chế và thưa rằng: “Thưa phụ thân, xin tha thứ cho con nếu con xúc phạm bốn phận phục tùng mà mỗi người con đều phải có đối với phụ thân. Nhưng cha đã thừa biết hoài bão mãnh liệt của con như thế nào trong việc trau dồi cho mình thực xứng đáng trong nghệ thuật của một thi nhân, mặc dù có một số bạn bè khen ngợi những bài thơ của con nhưng con biết rằng mình là người mới bắt đầu và đang tập tễnh ở bậc thang thứ nhất trên con đường nghệ thuật. Bởi thế con xin cha hãy tha cho con một khoảng thời gian độc thân theo đuổi việc học, bởi vì con biết rằng một khi đã thành gia thất, trước hết phải lo chu toàn cho vợ con và gia đình, việc ấy sẽ làm cho con xao lãng công việc học hỏi kia. Hiện nay con đang còn trẻ tuổi, không bận bịu những bốn phận nào khác, con muốn được sống một khoảng thời gian trọn vẹn dành cho nghệ thuật thi ca của con mà con hy vọng sẽ có được niềm vui và sự tán thưởng”.

Những lời này làm cho phụ thân chàng ngạc nhiên, ông bảo: “Chà, cái nghệ thuật kia đối với con có vẻ là cái gì thân thiện và quý báu còn hơn tất cả các thứ khác trên đời đấy nhỉ, đến nỗi vì nó mà ngay cả đám cưới của con, con cũng muốn hoãn lại. Này, hay là nếu có chuyện gì xảy ra giữa con và cô dâu thì hãy nói cho cha nghe để cha có thể giúp con làm lành với cô ấy hay kiếm cho con một người khác nhé!”

Nhưng chàng trai thề rằng mình vẫn yêu quý ý trung nhân của mình không kém ngày trước, vẫn sẽ còn yêu mãi và không có một bóng đen của sự cãi vã nào chen giữa hai người. Đồng thời chàng kể cho phụ thân nghe chuyện vị đạo sư hiện lên báo mộng cho chàng trong một giấc mơ vào đêm hội chơi đèn. Chàng không ao ước gì hơn được trở thành môn đệ của vị đạo sư kia.

“Được rồi,” phụ thân chàng bảo, “như vậy ta gia hạn cho con một năm.

Trong khoảng thời gian này con mặc sức theo đuổi giấc mộng của con mà có lẽ một vị thần đã giáng xuống cho con!”

“Cũng có thể là hai năm,” Han Fook vừa ngần ngừ vừa thưa, “ai mà biết được phụ thân nhỉ”.

Người cha cho phép chàng lui bước và tỏ ra ủ dột, còn chàng thiếu niên bèn thảo cho ý trung nhân một lá thư, bái biệt và lên đường.



Sau khi đi một khoảng rất lâu, chàng tìm đến được nơi đầu nguồn của dòng sông. Trước túp lều, vị lão nhân mà chàng đã gặp bên gốc cây ở cạnh bờ sông đang ngồi trên một tấm đệm cỏ. Lão đang đánh cây đàn cổ nguyệt. Thấy có người khách đang tiến đến gần với vẻ kính cẩn, lão vẫn không đứng dậy và cũng chẳng hỏi han gì cả, chỉ điềm nhiên mỉm cười trong lúc tiếp tục thả những ngón tay mềm mại lùa trên các phím đàn, từ đó một thứ âm nhạc tuyệt diệu chảy tuôn ra như một đám mây bạc đang vờn vũ lướt qua thung lũng, tuyệt vời đến mức chàng thiếu niên dừng bước sững sờ, kinh ngạc và trong chốc lát quên băng đi tất cả mọi sự, cho đến khi lão đạo sư Hoàn Mỹ Từ bỏ cây đàn nhỏ sang một bên, bước vào túp lều tranh. Run sợ và khâm phục, Han Fook bước theo ông lão, lưu lại đây và xin lão đạo sư thu nhận chàng làm người hầu hạ và đồ đệ.

Qua một tháng, chàng học được cách khinh thị tất cả những bài thơ mà trước đó chàng đã sáng tác và khai trừ chúng ra khỏi ký ức của mình. Sau vài tháng, chàng lại loại tất cả những bài thơ mà chàng đã học với các sư phụ tại quê nhà ra khỏi trí nhớ của chàng. Lão đạo sư hầu như không nói một tiếng

nào với chàng; ông chỉ yên lặng dạy cho chàng nghệ thuật đánh đàn cổ nguyệt cho đến khi cả bán thể của người đệ tử đều được âm nhạc chảy suốt qua. Thuở trước, Han Fook có làm một bài thơ; tả dáng bay của đôi chim trên bầu trời mùa thu, bài thơ này chàng rất tâm đắc. Chàng không dám đọc nó ra cho sư phụ nghe. Nhưng vào một buổi chiều, đứng xa thảo am, chàng lại ngâm lên, chắc hẳn lão già đã nghe rõ bài thơ ấy. Nhưng lão lại chẳng nói một tiếng nào. Lão chỉ khẽ nhẹ lên cây đàn cổ nguyệt, lập tức không gian bỗng trở nên lạnh mát, bóng chiều xuống nhanh, một luồng gió sắc bén thổi lên mặc dù lúc ấy đang mùa hè, và trên bầu trời xám ngắt có đôi chim vạc đang lướt bay trong nỗi nhớ nhung vãn vũ kiếp hạc nội mây ngàn, tất cả những cảnh tượng này so với các câu thơ của người đệ tử lại đẹp đẽ và hoàn hảo gấp bội, đến nỗi chàng trở nên buồn bã, im lặng và tự thấy mình vô giá trị... Cứ thế, mỗi lần đạo sư đều hành động y hệt như vậy. Một năm trôi qua, Han Fook đã học được ngón đàn cổ nguyệt hầu như hoàn hảo, nhưng nghệ thuật thi ca thì càng ngày chàng càng thấy khó khăn và cao xa vời vợi.

Được hai năm tròn, Han Fook cảm thấy nhớ quay quắt những người thân, nhớ quê hương, nhớ vị hôn thê, chàng bèn xin sư phụ cho chàng hồi hương.

Lão đạo sư mỉm cười và gật đầu: “Con được tự do,” lão nói, “con muốn ở, con muốn đi, hoàn toàn tùy theo ý thích”.

Người học trò bèn lên đường và mãi miết đi cho đến một buổi sáng mai, vào lúc tinh sương, chàng đứng bên bờ sông quê cũ, nhìn vọng qua chiếc cầu hướng về cố quận của mình. Chàng lén vào vườn của phụ thân, nghe hơi thở của cha thoát ra khỏi cửa sổ phòng ngủ. Ông còn đang say giấc. Rồi chàng lại lén vào trong vườn cây gần nhà người yêu, trèo lên cây lê và từ ngọn cây chàng thấy người yêu đang đứng trong the phòng chải tóc. Và trong khi so sánh tất cả những cảnh tượng mà chàng đang trông thấy tận mắt với hình ảnh mà chàng đã vẽ ra trong cơn nhớ nhà của mình, Han Fook bấy giờ mới nhận rõ rằng quả thật chàng được sinh ra để làm thi nhân, chàng nhận ra rằng trong các giấc mơ của nhà thơ đều ẩn chứa một vẻ đẹp và một sức quyến rũ mà người ta hoài công tìm kiếm không ra ở những sự vật của thực tại. Chàng bèn leo xuống, trốn khỏi khu vườn, băng qua cây cầu, ra khỏi quê cũ, trở lại thung lũng trong rặng núi. Ở đó lão đạo sư vẫn còn ngồi như thuở trước trên chiếc chiếu đơn sơ, đang gảy cây đàn cổ nguyệt, và thay lời chào, lão sư ngâm lên hai câu thơ nói về sự đem đến hạnh phúc của nghệ thuật, lời thơ thâm thúy và sáng khoái khiến cho khi nghe, người đệ tử xúc cảm đến nỗi hai mắt đầm lệ.

Thêm một lần Han Fook lưu lại bên đạo sư Hoàn Mỹ Từ. Chàng đã thạo chơi đàn cổ nguyệt nên lần này ông lão dạy chàng học đánh đàn kim huyền cầm. Ngày tháng thoát đi như tuyết tan trong gió đông. Có hai lần nổi nhớ nhà thẳng thế. Một lần, chàng bí mật chạy đi trong đêm, nhưng trước khi đến được khúc quanh cuối cùng của thung lũng, có một ngọn gió đêm thổi qua cây đàn kim huyền treo trước cửa lều, những âm thanh đuổi theo chàng và gọi chàng trở lại, đến nỗi chàng không cưỡng nổi, phải quay bước. Lần thứ hai chàng mơ thấy mình đang trồng một cây con trong vườn nhà, vợ chàng đứng bên cạnh, những đứa con của chàng đang dùng rượu và sửa tưới cây. Khi tỉnh giấc, ánh trăng chiếu vằng vặc vào phòng, chàng nhồm dậy bàng hoàng, chợt thấy lão già nằm cạnh đang ngủ say, bộ râu lão đang rung động nhẹ nhàng. Chàng bỗng thấy thù ghét cay độc con người nằm đấy, cái người mà theo chàng nghĩ đã phá hoại cuộc đời chàng, đã đánh lừa chàng mất cả tương lai. Chàng toan nhảy xổ vào lão, giết chết lão. Vừa lúc ấy, lão già mở mắt ra, lập tức miệng mỉm cười với một vẻ hiền lành, tế nhị và buồn bã khiến cho người học trò như bị tước mất khí giới.

“Này Han Fook, con hãy nhớ,” lão già nói nhỏ nhẹ, “con hoàn toàn được tự do làm những gì con thích; con có thể thù ghét ta và đập chết ta, chuyện thật đơn giản”.

“Ồ, làm sao con có thể ghét thầy được,” người thi sĩ kêu lên với cử chỉ nồng nhiệt, “điều ấy cũng giống như là con muốn thù ghét chính ông trời vậy”.

Thế là chàng lưu lại và học đánh đàn kim huyền cầm; chàng học thối sáo và sau đấy bắt đầu được thầy hướng dẫn cách làm thơ, dần dần chàng tiếp thu được nghệ thuật bí truyền, vẻ ngoài như chỉ nói lên cái đơn giản bình thường, nhưng với cái đơn sơ ấy có thể kích động tâm hồn của người nghe như cơn gió lùa vào mặt nước. Chàng diễn tả cảnh mặt trời mọc như lúc mặt trời còn ngập ngừng ở trên sườn núi, mô tả vẻ thoát đi không tiếng động của bầy cá khi chúng như chiếc bóng mất tăm trong làn nước, hay dáng đong đưa của cây liễu non xanh trong gió xuân. Khi người ta nghe tả, thì đó không chỉ là mặt trời, đó không chỉ là cuộc giỡn chơi của loài cá, đó không chỉ là lời thì thầm của cây liễu, mà mỗi lần như thế đều như thế cho một khoảnh khắc ngăn ngui cả bầu trời và trái đất đang cùng nhau hòa điệu trong một khúc nhạc toàn hảo. Mỗi người khi nghe đều nghĩ đến - thích thú hay đau đớn - những gì mình đã yêu thương hay thù ghét, đứa trẻ thì nghĩ đến những trò

chơi, chàng trai thì nhớ đến tình nhân, người già thì nghĩ đến cái chết...

Han Fook không còn nhớ đã bao nhiêu năm chàng lưu lại bên cạnh lão sư nơi đầu nguồn của dòng đại giang kia nữa. Có lúc chàng tưởng như mới ngày hôm qua chàng bước chân đến chốn thung lũng này và được đón tiếp bằng khúc nhạc cổ nguyệt của lão đạo sư; cũng có lúc chàng lại cảm thấy như thể đằng sau chàng tất cả mớ tuổi nhân sinh và mọi mảnh thời gian đều tàn rụi và trở thành rỗng không...

Có một buổi sáng, chàng thức dậy một mình trong căn lều. Chàng đi tìm và réo gọi sư phụ khắp mọi nơi nhưng chẳng thấy lão đâu. Ông lão đã biệt tăm. Giữa khuya, mùa thu như chợt đến, một cơn gió lay chuyển cả túp lều, trên triền núi, những đàn chim thiên di đang lữ lượt bay đi mặc dù lúc ấy chưa đến mùa chim bay. Han Fook bèn tháo đàn đem theo mình, xuống núi đi về vùng đất quê. Mọi nơi, mỗi khi chàng gặp người, họ đều chào chàng với lời chào dành cho những người trưởng thượng và quý phái. Khi chàng về đến cố hương thì thân phụ, vị hôn thê và cả quyến thuộc đều đã quá vãng, trong căn nhà xưa toàn những người xa lạ ở.



Vào buổi chiều, có buổi tiệc rước đèn trên sông. Ở phía bên kia, thi nhân Han Fook đứng trên bờ sông u tối, tựa mình vào một cây cổ thụ. Khi chàng bắt đầu dạo chơi cây đàn cổ nguyệt; những người phụ nữ bên kia thở dài, dăm dăm nhìn vào bóng đêm một cách mê mải và bồn chồn, còn những người trai trẻ thì lên tiếng gọi tìm người đánh đàn cổ nguyệt mà họ không thể nhìn thấy được. Họ nói to lên rằng không ai trong bọn họ đã từng nghe được

những âm giai như thế từ một cây đàn cổ nguyệt. Han Fook chỉ mỉm cười. Chàng nhìn vào dòng sông, nơi những hình ảnh phản chiếu của hàng nghìn cây đèn lồng đang bơi lung linh, chàng không còn biết phân biệt những hình ảnh phản chiếu trên sông với những lồng đèn thực sự trên sông, cũng như thế bây giờ chàng không còn tìm thấy trong tâm hồn mình một sự phân biệt nào giữa buổi tiệc hôm nay và buổi tiệc đầu tiên ngày xưa, lúc chàng còn là một thiếu sinh đứng ở chốn này và nghe thấy những lời của vị đạo sư xa lạ.

Tin lạ từ một hành tinh

Tại một trong các tỉnh miền Nam trên hành tinh đẹp đẽ của chúng ta vừa phải chịu một nỗi bất hạnh to lớn. Kèm theo với giông tố bão táp và lụt lội khủng khiếp, trận động đất đã phá hủy ba ngôi làng, tất cả vườn tược, ruộng đồng, rừng rậm và cây cối tan hoang.

Nhiều người và súc vật tử nạn. Nhưng điều buồn nhất là trong vùng không còn đủ số hoa cần thiết để tắm liệm người chết và trang hoàng tươm tất nơi yên tĩnh cuối cùng cho kẻ xấu số.

Sau khi tin ghê sợ được loan ra, lập tức đã có sứ giả các vùng láng giềng vội vàng đến viếng, chuyển những lời thăm hỏi thân ái đến mọi người. Từ các lâu chuông đã nghe văng vẳng tiếng những người diễn ca hát câu thơ bi thiết làm não lòng người, câu thơ dâng lên nữ thần từ bi theo tục lệ từ xưa và người nghe không thể cầm lòng bi lụy. Ngay sau đó các chuyến tàu chở người ủy lạo^[1] và cứu trợ tự nguyện từ các thành phố cũng như các vùng quê tập nập đến. Họ hỏi han thân tình những kẻ bất hạnh mất hết nhà cửa, ưu ái mời họ đến ở tạm nhà mình. Từ mọi nẻo, thức ăn và áo quần, ngựa xe, các dụng cụ, đá, gỗ và nhiều nhiều thứ khác được đưa đến trợ giúp. Những người già, đàn bà và trẻ con được những người cứu trợ an ủi, ân cần dìu đi nơi khác. Một số người lo rửa ráy, băng bó cẩn thận cho những người bị thương, tìm kiếm người chết dưới đồng gạch vụn. Một số người đã bắt tay vào dọn dẹp những mái nhà bị sụp đổ, chống đỡ các bức tường xiêu vẹo với xà ngang và chuẩn bị các thứ cần thiết để xây nhanh nhà mới. Mặc dù thoáng hải hùng đến từ nỗi bất hạnh kia vẫn còn giăng mắc trong không gian, vẫn để tang và mặc niệm kính cẩn người chết, nhưng trên nét mặt và trong giọng nói của mọi người đã thấy rõ nét hoan hỉ; bởi lẽ sự chung sức làm những điều đẹp đẽ và đáng tri ân như thế đã làm cho niềm phấn chấn chảy tràn trong mọi trái tim. Ban đầu, mọi sự có đôi chút e dè và cảm lạng, nhưng liền sau đó đã nghe văng lên tiếng nói vui tươi, một điệu hát nhẹ đệm theo công việc cộng đồng, và như ta có thể tưởng tượng được, trong tất cả những điệu được hát, dẫn đầu là hai câu thơ ngụ ngôn cổ truyền: “Hạnh phúc thay, giúp được người trong

cơn túng quẩn; như khu vườn hạn hán đang uống cơn mưa đầu tiên, phải chăng trái tim bạn cũng đang uống các nghĩa cử và đền đáp bằng những đóa hoa tri ân?” Hay câu thơ khác: “Niềm vui thánh thiện tuôn trào từ sự chung sức chung lòng hành động”.

Lúc bấy giờ, chỉ còn một điều duy nhất đáng phàn nàn là làng đang thiếu những bông hoa để tẩm liệm người chết. Thật ra người ta cũng đã dùng hoa và cành lá còn sót lại trong các khu vườn bị tàn phá đem tẩm liệm cho những người chết được tìm thấy trước. Sau đó, họ đi thu nhặt tất cả hoa từ các vùng gần đó. Nhưng rủi ro làm sao, chính ba làng vừa bị tàn phá lại có những khu vườn lớn nhất và đẹp nhất trồng các loài hoa theo từng mùa. Mỗi năm dân chúng thường nô nức đến các làng hoa này để ngắm hoa thủy tiên và hoa khai xuân (Krokus). Không nơi đâu sánh bằng những làng này: nhiều hoa thường thức không hết, có nhiều loại hoa được chăm sóc và nhuộm màu tuyệt diệu, thế mà giờ đây tất cả đều bị tàn phá và hư hại. Mọi người đều bối rối không biết làm sao thực hành giới điều của tục lễ dành cho người chết. Từ xưa tục lệ ở đây là mỗi một người chết hay mỗi con thú chết phải được trang hoàng bằng hoa theo từng mùa một cách lộng lẫy, cái chết càng đột ngột và bi thảm chừng nào thì đám tang lại càng phải phong phú mỹ lệ với hoa chừng ấy.

Vị trưởng lão lớn tuổi nhất trong tỉnh, người đến trong nhóm cứu trợ đầu tiên, đã đánh xe đến ngay chỗ tai nạn. Tới nơi, lập tức ông bị bao vây bởi những câu hỏi, những yêu cầu và than vãn đến nỗi ông khó mà giữ được bình tĩnh và vui tươi. Nhưng tim ông vẫn giữ được bình thản, mắt ông vẫn nhân hậu, thân thiết, giọng nói vẫn trong sáng và lịch sự, đôi môi dưới bộ râu bạc không bỏ quên một giây nào nụ cười yên lặng và thân thiện; nụ cười cho thấy ông đáng là nhà hiền triết và quân sư.

“Các bạn của tôi,” ông nói, “bất hạnh đã đến với chúng ta, nhưng tôi nghĩ, bất hạnh này là sự thử thách mà các vị thần muốn thử chúng ta. Chúng ta có thể xây dựng lại ngay tất cả những gì bị hủy diệt và trao lại cho người anh em của chúng ta, tôi cảm ơn thần linh còn cho tôi trong tuổi hạc khá cao này có thể chứng kiến được cảnh tất cả các bạn đã đến đây, đã bỏ dở việc nhà, đến giúp các người anh em của chúng ta như thế này. Nhưng giờ đây chúng ta lấy đâu ra được những bông hoa, để có thể trang hoàng cho người chết thật đẹp đẽ và đường hoàng cho buổi lễ hóa thân của họ? Bởi vì chúng ta còn ở đây và còn sống, chúng ta không nở lòng nào để xảy ra sự cố có người, dù chỉ là một người duy nhất trong những kẻ hành hương mệt mỏi này được chôn cất mà

không có vòng hoa phúng điếu đúng đắn. Có lẽ đây cũng là ý kiến của các bạn”.

“Vâng,” mọi người đều kêu lên, “đó cũng là ý kiến của chúng tôi”.

Vị trưởng lão nói với giọng của người từ phụ: “Thưa các bạn; bây giờ tôi muốn nói chúng ta phải làm gì. Chúng ta phải đem tất cả những người chết lên tận trên đền thờ mùa hạ trong dãy núi, ở đó tuyết chưa tan, hôm nay chúng ta không thể mai táng họ được. Như thế thì thể họ được an toàn và sẽ không bị biến đổi cho đến khi chúng ta tìm được hoa cúng họ. Nhưng hiện nay chỉ có MỘT NGƯỜI có thể giúp chúng ta có được hoa. Người đó là nhà vua chứ không ai khác. Bởi thế chúng ta phải gửi người của chúng ta đến nhà vua xin vua giúp sức”.

Mọi người đều gật đầu đồng tình: “Phải! Phải! Đến xin vua!”

Vị trưởng lão tiếp lời: “Như thế đấy!” Mọi người vui sướng nhìn thấy nụ cười đẹp đẽ của ông lấp lánh dưới chòm râu. “Nhưng chúng ta nên cử người nào đến gặp nhà vua đây? Người ấy phải trẻ trung và khỏe mạnh, vì đường đến đó xa xôi, và chúng ta phải dành cho anh ta con ngựa tốt nhất. Nhưng anh ta cũng phải tuấn tú, có lòng tốt và ánh mắt sáng ngời làm cho trái tim của nhà vua không cưỡng lại nổi. Anh ta không cần tốn nhiều lời, nhưng đôi mắt phải có thể nói thay lời. Thật tình có lẽ tốt nhất là gửi một em bé đến, đứa bé đẹp nhất của vùng chúng ta, nhưng làm thế nào một đứa trẻ có thể đi một chuyến du hành xa đến thế được. Các bạn phải giúp tôi, các bạn ạ, và nếu có người nào đó muốn lãnh sứ mạng này, hay nếu có ai quen hoặc biết người nào, tôi yêu cầu các bạn hãy báo giúp cho”.

Vị trưởng lão ngưng lời, nhìn xung quanh với đôi mắt tinh anh, nhưng chẳng có ai tiến lên và cũng không có tiếng người báo hiệu.

Khi ông nhắc lại câu hỏi thêm lần nữa, đến lần thứ ba, có một chàng trai chen ra khỏi đám đông tiến đến gần ông, một chàng trai mười sáu tuổi nhưng dáng dấp còn vẻ trẻ thơ. Chàng nhìn xuống đất, mặt đỏ bừng khi cất tiếng chào vị trưởng lão.

Vị trưởng lão nhìn anh ta chăm chú và trong nháy mắt, ông nhận ra ngay đây là sứ giả đích thực. Nhưng ông mỉm cười và nói: “Hay quá, con muốn làm sứ giả cho chúng ta. Nhưng có sao trong số nhiều người như thế mà con lại là người đứng ra nhận lãnh chuyện này vậy?”

Lúc ấy chàng trai ngược mắt nhìn người trưởng thượng nói: “Nếu không

có người nào khác muốn đi, xin ngài hãy cho tôi đi”.

Trong đám đông có người kêu lên: “Trưởng lão! Ngài hãy cử cậu ta đi, chúng tôi biết cậu ta. Cậu ta xuất thân từ làng này và trận động đất đã tàn phá vườn hoa của cậu ấy, vườn hoa đẹp nhất trong vùng chúng tôi đấy”.

Vị trưởng lão thân ái nhìn sâu vào mắt chàng trai hỏi: “Con thương tiếc những bông hoa lắm phải không?”

Chàng tuổi trẻ trả lời với giọng rất nhỏ nhẹ: “Con rất buồn, nhưng không phải vì thế mà con đến đây tình nguyện xin đi. Con đã có một người bạn thân và cũng có một con ngựa yêu đẹp, cả hai đều chết trong trận động đất và thi thể còn nằm trong sánh, cho nên con phải tìm cho đủ số hoa để cả hai được chôn cất”.

Vị trưởng lão đặt hai tay lên đầu chàng trai ban phước lành. Ngay sau đó người ta chọn con ngựa tốt nhất cho chàng. Chàng trai nhanh như chớp nhảy lên lưng ngựa, vỗ vào cổ ngựa, gật đầu chào tạm biệt mọi người, phi nước đại ra khỏi làng, băng qua những cánh đồng hoang tàn, ướm sừng rồi biến dạng.



Chàng trai mãi miết phóng ngựa suốt cả ngày. Để đến kinh đô và vào gặp nhà vua nhanh hơn, chàng chọn con đường băng qua rặng núi, chạy mãi đến chiều, khi trời bắt đầu tối đen, chàng cầm cương dẫn ngựa lần theo một con đường dốc qua cánh rừng và hốc đá.

Một con chim kếp sù màu đen tuyền, trong đời chàng chưa bao giờ thấy một loài chim như thế, bay trước. Chàng đi theo cho đến khi con chim bay đến đậu trên mái của một ngôi đền nhỏ bỏ ngỏ. Chàng trẻ tuổi thả ngựa trong vùng cỏ dại và đi giữa hai hàng cột gỗ vào trong bệ thờ đơn sơ. Trên bệ thờ bằng đá chỉ thấy có một tảng đá kỳ lạ, trên tảng đá có khắc biểu tượng dị kỳ

của một vị thần mà người sứ giả trẻ chưa hề biết: một trái tim và một con chim rừng đang rĩa trái tim.

Chàng cung kính hành lễ, đặt trên bệ thờ vật hiến dâng: một đóa hoa hình chuông màu xanh chàng đã hái ở chân núi và giấu trong áo của mình. Sau đó chàng đặt mình xuống một góc đền. Chàng đã mệt nhoài và cần phải ngủ.

Nhưng chàng không tìm được giấc ngủ thường đến ngay như mọi khi. Đóa hoa chuông trên tảng đá hay chính tảng đá đen, hay cái gì khác đang ngào ngạt tỏa ra một hương thơm lạ lùng, xoáy sâu gợi cảm giác đau đớn. Trong sảnh đường tối om, cái biểu tượng kỳ dị của vị thần lóng lánh một cách ma quái. Trên mái đền, con chim đứng lù lù, thỉnh thoảng đập sần sật đôi cánh khổng lồ của nó như bão táp rung chuyển rào rào cây cối chung quanh.

Đến nửa đêm, chàng trai nhồm dậy, đi ra khỏi đền, ngược nhìn con chim. Con chim đập đôi cánh, nhìn người trai trẻ.

“Tại sao chú mày không ngủ hử?” Con chim hỏi.

Chàng trai trả lời: “Tôi không biết. Có lẽ tại vì tôi đang buồn khổ”.

“Chú mày buồn khổ nỗi gì?”

“Bạn tôi và con ngựa yêu của tôi bị tử nạn”.

“Chết lại xấu đến thế cơ à?” Con chim hỏi lại có vẻ mỉa mai.

“Ồ không, chim lớn ạ, chết không phải là xấu, chết chỉ là một cuộc tạm biệt, nhưng tôi không buồn vì điều ấy. Chỉ tệ hại là chúng tôi không thể chôn cất bạn tôi và con ngựa đẹp của tôi được vì chúng tôi không còn hoa nữa”.

“Còn có những điều tệ hại hơn điều ấy nữa, chú ạ”. Con chim nói và bực bội đập đôi cánh sần sật.

“Không chim ạ, chắc chắn không có điều gì tệ hơn điều đó đâu. Kẻ nào được chôn cất mà không có hoa dâng cúng, kẻ đó sẽ bị ngăn chặn không được tái sinh theo ước muốn của lòng mình. Còn kẻ nào chôn cất người chết của mình mà không làm lễ hoa cho người chết, kẻ đó sẽ thấy bóng dáng của người chết trong giấc mộng. Chim có thấy không, chính tôi không ngủ được, bởi vì những người thân của tôi đang còn nằm kia mà không có hoa”.

Con chim kêu lên khọt khẹt với cái mỏ cong của nó.

“Này này chú nhỏ ơi, nếu chú không có kinh nghiệm gì khác hơn điều ấy thì thật chú chưa biết gì về đau khổ cả. Chú chưa bao giờ nghe nói về những

xấu xa thậm tệ trên đời sao? Về hận thù, về giết người, về ghen tuông?”

Nghe những lời này thốt ra từ con chim, chàng trai tưởng mình đang nằm mơ. Nhưng rồi chàng sức nhớ và nói một cách khiêm tốn: “Đúng thế, này chim ơi, tôi nhớ ra rồi; trong lịch sử cổ và trong các chuyện thần tiên có viết về điều ấy. Nhưng điều ấy thật ra không có thật, hay có lẽ thuộc về thời xa xưa trên trái đất, khi chưa có hoa trên trần thế và không có các vị thần thiện hảo. Ai mà còn nghĩ đến chuyện ấy nhỉ!”

Con chim cười khẽ với giọng sắc cạnh. Rồi nó vươn mình cao lên hẳn và nói với chàng trai:

“Và bây giờ chú mày muốn đi đến nhà vua và ta phải chỉ đường đến đó cho chú mày phải không?”

Chàng trai kêu lên mừng rỡ:

“Ồ, chim đã biết điều ấy rồi sao, vâng, nếu chim muốn, thì tôi xin chim hãy dẫn đường cho tôi đi”.

Không một tiếng động, con chim bay sà xuống đứng trên mặt đất, giang rộng đôi cánh của nó êm ru và ra lệnh chàng trai hãy để con ngựa lại đó rồi cùng với nó đi đến nhà vua.

Chàng sứ giả bèn ngồi lên lưng chim, cười chim bay đi.

“Hãy nhắm mắt lại!” Con chim ra lệnh. Họ bay qua bóng đêm của bầu trời, êm ru và mềm mại như đường bay vẹt trời, chỉ có gió lạnh phàn phật thổi qua tai chàng trai. Họ bay, bay mãi suốt cả đêm trường.



Vào buổi sớm mai, nghe gió bên tai lặng lẽ; chim và người dừng lại. Chim kêu lên: “Hãy mở mắt ra!” Chàng trai trẻ mở choàng mắt. Lúc ấy chàng thấy mình đang đứng ven một khu rừng, dưới chân chàng, trong tia sáng ban mai đầu tiên, một đồng bằng đang lấp lánh đặng xa; ánh sáng chói lóa cả mắt.

“Ở đây, trong khu rừng này, chú mày sẽ tìm thấy lại ta”. Con chim kêu lên. Nó vụt phóng mình lên cao như một mũi tên và chẳng bao lâu mất hút trong khoảng cao xanh.

Chàng trai càng lúc càng cảm thấy lạ lùng kỳ dị khi rời khu rừng đi vào trong đồng bằng thênh thang. Chàng không biết mình đang tỉnh hay mơ. Những cánh đồng cỏ và cây cối trông giống như ở quê nhà, mặt trời chiếu sáng, gió đùa trong đám cỏ đang nở hoa, nhưng chẳng thấy cả người lẫn thú vật đâu cả; nhà cửa vườn tược cũng không, ở đây có vẻ như vừa có một cuộc động đất xảy ra như ở quê nhà của chàng; bởi vì những đồng gạch vụn của các dinh thự, những cành cây gãy và những cây bị đánh ngã, những hàng rào bị tàn phá và những dụng cụ nhà nghề đang nằm vương vãi đó đây trên mặt đất. Thành linh chàng thấy đặng kia, ngay chính giữa cánh đồng; một người chết, không được tẩm liệm và xác đang thối rữa. Trước cảnh tượng ấy, chàng trai cảm thấy vô cùng kinh hoàng, một thoáng buồn nôn trào trong cổ họng, bởi vì chưa bao giờ chàng phải chứng kiến một cảnh tượng như thế. Mặt người chết không được đắp lấy một mảnh khăn nào; và hình như đã bị lũ chim và sự thối rữa tàn phá đi một nửa. Chàng vừa ngoảnh mặt không dám nhìn vừa mang những lá xanh và một vài bông hoa đến phủ lên mặt người chết.

Một mùi hôi ghê tởm lan tỏa nồng nặc và dai dẳng trên khắp đồng cỏ làm cho tim chàng thắt lại. Trong đó lại thấy một xác chết bị đám quạ vây quanh, một con ngựa không đầu, xương cốt của người hay vật, mọi thứ đều bị bỏ rơi nằm đó phơi dưới mặt trời, không ai nghĩ đến buổi lễ hoa hay tẩm liệm xác chết.

Chàng trai thảng thốt, có lẽ một tai họa không thể lường được đã giết chết tất cả xứ này. Xác chết nhiều đến nỗi chàng trai phải ngừng đi bẻ hoa và phủ mặt cho họ. Run sợ, chàng tiếp tục đi với đôi mắt nửa nhắm nửa mở. Từ mọi phía, mùi thây rữa và mùi máu tanh xông lên, và từ hàng nghìn chỗ gạch đá đổ nát và nhà quàn xác người, ngọn sóng của cảnh khốn cùng và đau khổ không tả xiết càng lúc càng ồ ạt, tràn ngập khắp nơi. Người sứ giả tưởng như

mình đang lạc vào một cơn ác mộng và cảm nhận trong đó lời khuyến cáo của các thiên thần, bởi vì những người chết của chàng còn chưa có cuộc lễ hoa và chưa được chôn cất. Chàng sực nhớ đến điều mà con chim tối hôm qua đã nói trên mái đền thờ: “Có nhiều thứ còn tệ hại xấu xa hơn nữa”.

Chàng nhận ra con chim đã đưa mình đến một hành tinh khác; tất cả những gì mà mắt chàng đang thấy ở đây đều là sự thật và chân lý. Chàng nhớ lại cảm giác của mình thời thơ ấu mỗi khi nghe kể chuyện cổ tích rùng rợn. Chính cái cảm giác ấy giờ đây chàng đang có: một cảm giác kinh hãi rợn tóc gáy. Nhưng ngày xưa, cùng với nỗi kinh hãi lại nghe trong tim có một tia an ủi vui mừng thầm lặng, biết rằng tất cả những điều kinh dị xảy ra trong truyện cổ may sao đã trôi qua từ lâu và đã xa lắc xa lơ. Hôm nay ở đây mọi thứ đều như một truyện cổ tích quái đản, cái thế giới hoàn toàn lạ lùng đầy kinh hoàng với xác chết và quạ rìa thây. Thế giới này hình như lệ thuộc vào những quy luật khó hiểu, chẳng có nghĩa mà cũng không có nhân, những quy luật điên cuồng, điều ác, điều điên dại, điều xấu xa xảy ra thay cho điều thiện mỹ.

Chàng chợt thấy có một người đang đi trên cánh đồng bên kia; một người nông dân hay một kẻ làm thuê, chàng bèn chạy lại và gọi. Nhưng khi lại gần nhìn rõ người ấy, chàng giật mình kinh hãi, tim choáng ngợp nỗi thương hại, bởi vì người nông dân ấy trông xấu xí đến kinh sợ, hầu như không còn là con người đứng dưới mặt trời nữa. Hắn trông giống như một kẻ có thói quen chỉ nghĩ đến riêng mình, một người luôn cho rằng mọi nơi chỉ có điều giả dối, và xấu xa, một người luôn luôn chỉ sống trong những giấc mơ đầy sợ hãi. Trong mắt và trên toàn gương mặt cũng như cả thân xác của kẻ ấy chẳng có chút gì vui tươi hay lương thiện, chẳng có chút gì của sự tri ân và tin cậy, đức hạnh đơn giản nhất và hiển nhiên nhất đều thiếu nơi con người bất hạnh ấy.

Chàng trai thu hết can đảm, đến gần người nọ với dáng điệu thân thiện, chào người ấy, mỉm cười bắt chuyện. Kẻ xấu xí đứng trơ như phỗng, nhìn ngơ ngác ngạc nhiên với đôi mắt mở lớn đục ngầu. Giọng nói của hắn thô kệch và không có âm điệu, như tiếng rống của một thứ sinh vật hạ cấp; tuy nhiên hắn không thể cưỡng lại vẻ vui tươi và tin cậy khiêm tốn trong ánh mắt của chàng trai. Khi hắn ta nhìn sững chàng trai; bỗng nhiên trên gương mặt thô tháp và nhăn nheo nở ra một nụ cười hay một nét miệng nhoẻn ra - khá xấu xí, nhưng lại hiền hòa và ngạc nhiên, như nụ cười nhỏ bé đầu tiên của một linh hồn tái sinh vừa trở về từ vùng sâu nhất của trái đất.

“Chú muốn hỏi tôi điều gì?” Người ấy hỏi chàng trai trẻ.

Theo tục lệ của quê hương mình, chàng trai đáp: “Bạn ơi, tôi cảm ơn bạn và tôi xin bạn cho tôi biết tôi có thể làm gì cho bạn được?”

Người nông dân lặng yên, ngỡ ngàng rồi cười bối rối. Chàng sứ giả hỏi tiếp: “Bạn ơi, bạn hãy nói cho tôi hay điều gì đã xảy ra ở đây mà khủng khiếp và kinh hoàng thế kia?” Vừa nói chàng vừa chỉ quanh mình.

Người nông dân có vẻ không hiểu chàng trai nói gì. Chàng nhắc lại câu hỏi, hẳn nói: “Chú chưa bao giờ thấy điều ấy sao? Đó là chiến tranh. Đó là bãi chiến trường”. Hẳn đưa tay chỉ một đồng gạch vụn đen ngòm và kêu lên: “Nơi đó là nhà của tôi”. Chàng trai nhìn vào đôi mắt đục ngầu của hẳn với sự thông cảm nồng nhiệt, hẳn cúi đầu nhìn xuống đất.

Chàng trai hỏi tiếp: “Các người không có vua hay sao?” Người nông dân nói có, chàng ta lại hỏi: “Ông ta ở đâu vậy?” Người nọ đưa tay chỉ về phía bên kia, ở đằng xa tí thấy mờ mờ một doanh trại nhỏ. Chàng sứ giả bèn đưa tay để lên trán người kia chào tạm biệt rồi đi về hướng ấy. Còn người nọ thì đưa hai tay lên sờ trán mình, lắc lắc cái đầu nặng nề một cách lo lắng và đứng đó trở mắt dõi theo chàng trai lạ.

Chàng trai mãi miết đi và đi, băng qua tro tàn và khủng khiếp, cho đến khi tiến gần sát doanh trại. Khắp doanh trại có nhiều lính đứng canh gác, đi đi lại lại, không ai để ý đến chàng. Chàng chen giữa những người đàn ông, đi qua các lều trại cho đến khi tìm thấy một căn lều to nhất, đẹp nhất, đó là căn lều của vua. Chàng bèn bước vào.

Trong lều, vua đang ngồi trên một chỗ ngủ tạm, thấp, đơn sơ, tấm áo choàng đặt bên cạnh, sau lưng ông một tên hầu ngồi chồm hổm trong bóng tối mờ mờ; hẳn đã ngủ khoèo lúc nào. Ông vua ngồi cúi người dằm mình trong suy tư. Mặt ông đẹp và buồn, một mớ tóc bạc phất phơ trên vầng trán nhuộm màu nâu sạm, thanh gươm nằm trước mặt trên nền đất.

Chàng trai trẻ lặng lẽ cung kính cúi mình chào hệt như khi chàng chào vị vua của nước mình. Với hai cánh tay chéo nhau để trên ngực, chàng đứng yên chờ đợi cho đến khi vị vua nhìn thấy chàng.

“Người là ai?” Vị vua nghiêm nghị hỏi và nhíu đôi lông mày lại với nhau, nhưng tia nhìn của ông dừng lại nơi nét mặt trinh nguyên và tươi sáng của người mới đến. Chàng trai nhìn ông với vẻ tín cẩn và thân ái chân thành, đến nỗi giọng của vị vua bỗng trở nên mềm dịu.

“Ta đã gặp nhà người một lần rồi,” vị vua vừa nói vừa ngẫm nghĩ, “hay là nhà người trông giống một người nào đó mà ta đã gặp trong thời thơ ấu của ta”.

Người sứ giả nói: “Thưa, hạ thần là một kẻ xa lạ”.

“Thế thì đó là một giấc mơ rồi,” ông vua nói giọng nhỏ nhẹ mơ hồ, “nhà người nhắc ta nhớ đến mẫu thân của ta. Nay hãy nói cho ta nghe. Hãy kể cho ta nghe”.

Người thiếu niên bắt đầu: “Một con chim đã đưa con đến đây. Trong xứ con vừa có một trận động đất, chúng con muốn chôn cất những người chết, nhưng chúng con không có hoa”.

“Không có hoa hả?” Vị vua hỏi.

“Thưa không, không còn một đóa hoa nào nữa. Và có phải thế không, thưa ngài, thật là tệ hại nếu khi người ta phải tẩm liệm một người chết mà không thể dâng cúng cho người ấy một lễ rước hoa; bởi vì người ấy nên được bước vào cuộc hóa thân của mình trong lộng lẫy và hân hoan”.

Đột nhiên chàng trai sực nhớ, ngoài kia còn biết bao người chết chưa được tẩm liệm nằm la liệt trên cánh đồng khủng khiếp, chàng dừng lại, và ông vua nhìn chàng, gật đầu thờ dài khó nhọc.

“Con định đi đến nhà vua của chúng con để xin ngài thật nhiều hoa,” người sứ giả nói tiếp, “nhưng khi con ở trong cái đền trên núi thì có một con chim bay đến bảo rằng nó muốn mang con đến nhà vua và nó đã đưa con qua nhiều tầng khí quyển đến ngài.Ồ, thưa nhà vua thân mến, đó là một cái đền thờ vị thần vô danh, trên mái đền có con chim đậu và vị thần ấy đã để một biểu tượng kỳ lạ trên tảng đá thờ: một trái tim và một con dĩa điều đang rĩa trái tim. Trong đêm, con đã trò chuyện với con chim khổng lồ kia, và mãi đến bây giờ con mới hiểu được những lời của nó, bởi vì nó nói rằng, trên thế gian còn có những khổ đau và tàn ác nhiều hơn con biết. Và bây giờ con ở đây, băng qua cánh đồng lớn đến đây và đã thấy trong giờ phút này vô số khổ đau và bất hạnh, ôi, nhiều nhiều hơn cả những điều khủng khiếp nằm trong các truyện cổ tích. Thế rồi con đến trình ngài, ôi, thưa hoàng thượng, con xin hỏi ngài, con có thể phục vụ được gì cho ngài không?”

Vị vua, nãy giờ chăm chú ngồi nghe, tìm cách mỉm một nụ cười, nhưng gương mặt đẹp đẽ của ông quá nghiêm trang và quá buồn bã đang cay đến nỗi ông không còn mỉm cười được nữa.

“Cám ơn con,” ông bảo, “con không phục vụ cho ta được một tí gì cả. Con làm ta nhớ đến mẹ của ta, ta cám ơn con điều ấy”.

Chàng trai buồn rầu vì ông vua không thể mỉm cười. Chàng nói với vị vua:

“Ngài buồn bã quá. Có phải do lỗi của chiến tranh không?”

Vị vua bảo: “Phải”.

Chàng trai không thể nhịn được, đành tỏ ra vô phép đối với con người đầy nỗi âu lo nhưng - như chàng cảm nhận - rất cao quý trước mặt mình và đặt một câu hỏi đường đột:

“Nhưng xin ngài hãy nói cho con biết, và con yêu cầu ngài giải thích tại sao các người lại gây chiến tranh trên hành tinh của các người? Ai là người có lỗi? Ngài có lỗi trong đó không?”

Vị vua sửng người nhìn sứ giả, ông ta có vẻ không bằng lòng với sự đường đột hỗn xược của câu chất vấn. Tuy nhiên, ông tự thấy yếu đuối, không thể đối chọi thật lâu cái nhìn đen tối của mình với cái nhìn sáng rõ và vô tư của chàng trai.

Vị vua bảo:

“Nhà người còn là một đứa trẻ, và những chuyện kia nhà người không thể hiểu được. Chiến tranh không do lỗi của ai cả, nó tự đến như bão táp và sấm chớp, tất cả chúng ta, những người phải chiến đấu không phải là kẻ gây nên nó, mà là nạn nhân của nó”.

“Như thế thì các người chết rất dễ dàng phỏng?” Chàng trai hỏi. “Ở xứ chúng tôi, người ta cũng không sợ cái chết lắm đâu, phần đông ra đi một cách tự nguyện và nhiều người ra đi một cách vui vẻ vào sự hóa thân đổi kiếp, nhưng không bao giờ có một người nào dám cả gan giết một người khác. Trên hành tinh của quý ngài xem ra khác hẳn”.

Vị vua lắc đầu.

“Ở chỗ chúng ta không hiếm chuyện giết người,” ông bảo, “nhưng chúng ta xem giết người là tội ác trầm trọng. Chỉ duy trong chiến tranh thì được phép giết người, bởi vì trong chiến tranh không ai giết người vì thù ghét hay ganh tị theo quyền lợi riêng của mình cả, mà tất cả làm điều đó vì cộng đồng đòi hỏi họ phải giết người. Nhưng sẽ là một sai lầm, nếu nhà người tưởng họ chết dễ dàng. Nếu nhà người nhìn kỹ những gương mặt những người chết, nhà người có thể thấy điều đó. Họ chết khó khăn và miễn cưỡng”.

Chàng trai trẻ lắng nghe những lời ấy, ngạc nhiên về nỗi buồn bã và khó khăn của cuộc sống mà những người trên hành tinh này đang phải chịu. Chàng còn muốn đặt thêm nhiều câu hỏi nữa, nhưng lại biết rõ là sẽ không bao giờ hiểu được hết sự dính líu chằng chịt giữa những điều đen tối và dễ sợ ấy, chàng cũng cảm thấy trong tâm không có đủ ý chí để hiểu chúng. Hoặc là những sinh linh đáng thương này thuộc về một tầng trật tự thấp kém, không có những vị thần sáng suốt và bị các ma quỷ điều khiển hay là trên hành tinh này có một rủi ro riêng, một lỗi lầm và sai lầm đang chế ngự. Chàng thấy ngượng ngùng và tàn nhẫn, nếu tiếp tục chất vấn, bắt buộc ông vua phải trả lời và thú nhận; mà mỗi câu trả lời hay mỗi thú nhận chỉ có thể là đấng cay và hạ nhục mà thôi. Những con người này đã sống u minh trong sự sợ hãi cái chết, nhưng lại đánh chết nhau hàng loạt, trên mặt những con người này lộ rõ sự thô thiển như nét mặt của người nông dân chàng gặp, hay hằn lên của nỗi tang tóc buồn bã sâu xa và khủng khiếp như nét mặt ông vua. Họ làm cho chàng thấy thương hại, nhưng họ cũng là những thực thể lạ lùng, hầu như buồn cười, buồn cười và điên khùng một cách mâu thuẫn, họ vừa đáng thương vừa đáng hổ thẹn.

Nhưng có một câu hỏi chàng không thể bỏ qua. Nếu những sinh linh khốn khổ này là những kẻ bị bỏ lại, những đứa con đến trễ của một hành tinh chậm trễ, vô hòa bình, nếu cuộc sống của những con người này diễn ra như một chứng bệnh động kinh và chấm dứt bằng những cú đấm chết người tuyệt vọng, nếu họ bỏ những người chết phơi thây trên bãi chiến, có lẽ nếu họ ăn luôn người chết - bởi vì trong các truyện cổ tích quái đản của thời xưa cũng có nói về điều ấy - nhưng dù sao đi nữa họ cũng phải có một linh cảm về tương lai, một giấc mơ về các vị thần, một điều gì đó như một hạt mầm của linh hồn nằm sẵn trong con người của họ chứ. Nếu không thì cả thế gian hoàn toàn không đẹp đẽ này chỉ là một sự sai lầm, chẳng có ý nghĩa gì cả.

“Thưa nhà vua, xin ngài thứ lỗi,” chàng nói với giọng vuốt ve, “hãy thứ lỗi cho con, nếu con còn đặt một câu hỏi nữa trước khi con lại rời khỏi xứ sở kỳ lạ này”.

“Hãy hỏi đi”, vị vua khích lệ, ông cảm thấy hay hay lạ lạ với chàng trai không quen này; bởi vì trong nhiều điều, hẳn có vẻ là một bộ óc tinh tế, chín chắn và thông hiểu sâu xa, nhưng trong những điều khác, hẳn lại giống như một đứa trẻ mà người ta phải nâng niu và không nên nghiêm khắc quá đỗi.

“Thưa vị vua xa lạ,” người sứ giả nói, “ngài đã làm cho con buồn bã.

Ngài hãy xem, từ một xứ khác con đến đây. Thế mà con chim khổng lồ trên mái đền đã có lý: xứ của ngài có vô số nỗi khổ đến nỗi con chưa bao giờ có thể tưởng tượng được. Cuộc sống các ngài tựa như một ác mộng đầy lo âu sợ hãi, và con không biết các ngài được các vị thần hay ma quỷ trị vì. Thừa nhà vua, ở xứ con có một truyện thần thoại, và trước kia con cho đó là chuyện hão huyền và khói mây. Chuyện kể rằng xưa kia ở xứ chúng con những điều như thế đều phổ biến, những điều như chiến tranh, giết người và tuyệt vọng. Nhưng từ lâu tất cả những chữ ghê rợn này chúng con không còn biết đến nữa, chúng con chỉ đọc được trong các sách cổ tích xưa và thấy chúng khủng khiếp nhưng cũng khá buồn cười. Hôm nay con đã thấy rõ tất cả những điều này là sự thực, là thực tế, con nhìn thấy được ngài và những người của ngài làm điều ấy và đang đau khổ. Nhưng xin ngài hãy nói cho con hay: các ngài có cảm thấy trong tâm hồn một linh cảm nào cho rằng các ngài làm điều không đúng không? Các ngài không có một hoài vọng về những vị thần trong sáng và vui tươi; về những kẻ lãnh đạo và điều khiển đầy hiểu biết và chan chứa lạc quan hay sao? Phải chăng trong giấc ngủ, các ngài không bao giờ nằm mơ về một cuộc sống khác hơn và đẹp đẽ hơn, ở đó không có ai muốn điều mà mọi người không muốn, ở đó lý trí và trật tự chế ngự, ở đó con người gặp gỡ nhau với niềm vui sướng và nhường nhịn nhau? Các người không bao giờ có được ý nghĩ rằng thế giới nên là một khối toàn thể? Và kính trọng cái toàn thể bằng linh ứng cũng như phục vụ cái toàn thể bằng tình yêu sẽ đem hạnh phúc và an lành hay sao? Các ngài không biết gì về điều mà xứ chúng tôi gọi là âm nhạc và thờ phụng thần linh và hạnh phúc ân huệ hay sao?”

Trong lúc nghe những lời này, vị vua gục đầu xuống. Khi ông ngẩng đầu lên, gương mặt của ông đã biến đổi, như được viền sáng bằng một ánh mờ của nét cười, trong lúc đôi mắt ông đắm đầy nước mắt.

Vị vua bảo:

“Chú bé đẹp đẽ kia, ta không biết thật sự ngươi là một đứa bé hay một nhà hiền triết hay là một thần linh. Nhưng ta có thể trả lời cho ngươi rằng chúng ta đều biết tất cả các điều mà nhà ngươi vừa nói và mang chúng trong linh hồn. Chúng ta linh cảm được hạnh phúc, tự do, thần thánh. Chúng ta cũng có truyền thuyết của một nhà hiền triết thời tiền sử, người đã nhận ra được tính nhất thể của thế giới như một tương quan hòa hợp giữa các khoảng đất trời. Thế đã đủ cho nhà ngươi chưa? Hãy xem, có thể nhà ngươi là một kẻ

phúc ân đến từ thế giới bên kia; hay nhà người có lẽ chính là Thượng đế đi nữa, thì trong tim của người không có một hạnh phúc nào, một thế lực nào, một ý chí nào, mà linh cảm và phản ánh hay bóng dáng của nó lại không sống trong tim của chúng ta”.

Rồi đột nhiên ông ta đứng hẳn lên, chàng trai hoàn toàn bất ngờ, bởi vì trong khoảnh khắc gương mặt ông vua, như vừa sụp lặn trong niềm vui, hiện ra sáng rỡ và trinh bạch như tia nắng ban mai.

Ông hướng về chàng trai đồng dục:

“Thôi đi đi, hãy đi đi, để mặc chúng ta chiến đấu và giết nhau! Người đã làm ta mềm lòng. Người đã nhắc ta nhớ đến thân mẫu của ta. Đủ; đủ rồi, chú bé yêu quý và xinh đẹp kia. Hãy đi đi và trốn cho mau trước khi trận đánh mới bắt đầu! Ta sẽ nhớ đến người, khi máu chảy và thành phố bốc lửa; và ta sẽ nhớ rằng thế giới là một toàn thể, mà sự điên cuồng, thịnh nộ, dã man của chúng ta không phân rẽ được chúng ta ra khỏi cái toàn thể ấy. Chào vĩnh biệt, hãy chào hành tinh của nhà người hộ ta, và vị thần linh nọ mà biểu tượng là trái tim với con dã điểu đang rìa rói! Ta biết trái tim ấy và con chim kia rõ lắm. Và này người bạn tuần tú từ phương xa kia, hãy ghi nhớ: nếu khi nào người nghĩ đến người bạn của người, đến ông vua khốn khổ đang ở trong trận chiến, nhà người không nên nhớ đến cái người đã ngồi trên đệm và đắm mình trong buồn bã tang thương, mà hãy nhớ đến kẻ đã mỉm cười với nước mắt lưng tròng và máu bết trên đôi tay”.

Nói xong, không đánh thức người hầu dậy, ông vua tự tay vén tấm màn cửa lều tiễn chàng trai lạ ra khỏi lều. Trong tâm trạng mới, chàng trai băng qua đồng bằng theo hướng cũ. Hướng về chân trời, trong ánh nắng chiều, chàng thấy một thành phố lớn đứng trong lửa đỏ, chàng leo qua người chết và tử thi tan rã của ngựa, đi mãi miết cho đến khi trời tối hẳn, chàng đến được bìa rừng cũ.

Ở đó con chim lớn vừa hạ cánh từ trên mây, nó mang chàng trai trên đôi cánh và họ bay trở về suốt cả đêm, êm ru không tiếng và mềm như lối bay của vịt trời.

Khi choàng thức dậy từ một giấc ngủ bất an, chàng trai thấy mình đang nằm trong ngôi đền nhỏ trong núi, trước đền, con ngựa của chàng đang đứng trong cỏ ướt và hí lên chào ngày mới rạng. Những gì về con chim lớn, về chuyến du hành đến hành tinh xa lạ; về ông vua và bãi chiến trường chàng không còn nhớ mảy may. Một bóng đen mơ hồ đọng lại trong tâm hồn chàng;

một niềm đau nhỏ bé thầm kín tựa như một mảnh gai nhọn mong manh, - đau như một nỗi thương hại bơ vơ làm đau - đến cùng với một ao ước mong manh; chưa thành, thứ ước mơ thường đòi đoạn hành hạ người trong giấc mộng, cho đến khi cuối cùng ta gặp được người ao ước, bày tỏ tình yêu thương cho người, chia sẻ niềm vui với người, mà nụ cười của người ấy chính là nỗi ước ao thầm kín bấy lâu trong giấc mơ...

Người sứ giả leo lên ngựa, phóng đi suốt ngày trường, cuối cùng đến được kinh kỳ vào chầu vua. Bấy giờ mới thấy chàng đúng là người sứ giả mà mọi người chờ đợi ở chàng. Bởi vì nhà vua đã tiếp chàng với lời chào ban ân huệ qua cử chỉ đưa hai tay chạm vào trán người trẻ tuổi, ngài kêu lên:

“Đôi mắt của nhà ngươi đã nói với trái tim của ta, và tim ta trả lời ‘được’. Yêu cầu của nhà ngươi đã được thỏa mãn ngay trước khi ta nghe nhà ngươi trình bày”.

Lập tức người sứ giả được vua ban đặc ân cho phép nhận được tất cả những bông hoa trên khắp đất nước mà chàng cần có. Rồi đoàn tùy tùng, đoàn sứ giả, đoàn phục vụ lũ lượt kéo theo, nào ngựa nào xe tháp tùng. Sau vài ngày khi chàng trai trở về đến làng của mình trên con đường vòng quanh rặng núi, thì mọi người thấy chàng đem theo nào xe, nào thùng, nào giỏ, nào ngựa nào lừa, cái nào cũng chất đầy những bông hoa đẹp nhất của các vườn cây và nhà ươm giống có rất nhiều trên miền Bắc. Hoa rất nhiều, đủ để làm vòng hoa quàng thân người chết và trang hoàng các ngôi mộ, cũng như đủ để trồng một cây hoa, một khóm cây và một cây ăn quả tưởng niệm cho mỗi người chết theo tục lệ ở xứ ấy. Nỗi đau khổ mất bạn và con ngựa yêu đã nguôi ngoai và lắng dịu dần trong niềm tưởng nhớ thầm lặng và trong sáng, sau khi chàng đã trang hoàng và chôn cất người và vật cũng như trồng cho họ hai cây bông, hai khóm cây và hai cây ăn quả.

Hoàn thành xong bốn phận, chàng trai thấy thỏa lòng, bấy giờ hoài niệm về chuyến đi trong đêm nọ bắt đầu xao động khơi dậy trong tâm. Chàng xin người thân cho chàng được một ngày đơn độc. Chàng ngồi một ngày một đêm dưới bóng cây để suy tưởng, hồi tưởng trong trí nhớ một cách trung thực và rõ ràng những hình ảnh mà chàng đã thấy ở trên hành tinh nọ. Một ngày sau đó, chàng tìm đến vị trưởng lão xin được nói chuyện riêng và kể cho ông nghe tất cả.

Vị trưởng lão lắng nghe, suy nghĩ hồi lâu, rồi hỏi: “Này chú bạn, con đã chính mắt thấy tất cả các điều ấy hay đó chỉ là một giấc mơ?”

Chàng trai trả lời:

“Con không biết. Nhưng con tin có thể đó là một giấc mơ. Tuy nhiên, xin ngài cho phép con nói thật, hình như đối với con mơ hay thật chả có một khác biệt nào, nếu câu chuyện ấy xúc tiếp với giác quan của con trong thực tế. Một bóng đen buồn bã vẫn còn lưu lại trong tâm con, và ngay giữa hạnh phúc của cuộc đời, ngọn gió lạnh lẽo từ hành tinh kia vẫn còn bơ phờ thổi đến. Bởi thế con xin hỏi ngài, người con kính ngưỡng, con nên làm gì?”

Vị trưởng lão bảo:

“Ngày mai, con hãy đi một lần nữa lên rặng núi, chỗ mà con tìm thấy ngôi đền. Cái biểu tượng của vị thần xem ra kỳ lạ, ta chưa bao giờ nghe nói về nó cả, và rất có thể đó là một vị thần của hành tinh khác. Hoặc có lẽ ngôi đền ấy và vị thần của nó đã xưa lắm rồi, xuất xứ từ tổ tiên đầu tiên của chúng ta hay từ thời xa xưa, lúc mà đối với nhau, con người còn có vũ khí, kinh hãi và nỗi lo âu tử thần. Con thương mến, hãy đi đến ngôi đền nọ, và hãy đem hoa, mật và các bài ca dâng lên vị thần”.

Chàng trai trẻ cảm ơn và làm theo lời khuyên của vị trưởng lão. Chàng lấy một chén đựng thứ mật ngon quý, thứ mật người ta thường đem dâng cho khách danh dự trong các buổi lễ ong mật và không quên mang theo cây đàn cổ nguyệt. Trong núi, chàng tìm thấy chỗ chàng đã hái đóa hoa hình chuông màu xanh, tìm thấy đường dốc vách đá dẫn lên cao trong khu rừng, và nơi mà mới đây chàng đã dẫn ngựa lần bước. Nhưng chàng không thể tìm ra chỗ của ngôi đền và cả ngôi đền, bệ đá thờ màu đen, những cột lớn bằng gỗ, mái đền và con chim đậu trên mái, không người nào biết được để có thể chỉ ngôi đền mà chàng tả cho họ.

Chàng trai trở bước ra về, khi đi ngang qua đền thờ tưởng niệm thần Nhân Ái, chàng bước vào, dâng chén mật cúng dường, cất tiếng hát theo điệu đàn và chuyển đạt lên đài tưởng niệm giấc mộng của chàng, ngôi đền và con chim lớn, người nông dân nghèo khổ và những người chết trên bãi sa trường và nhất là về ông vua trong căn lều chiến. Sau đó với tâm hồn nhẹ nhõm, chàng trở về nhà, treo trong phòng ngủ biểu tượng về sự nhất thể của vũ trụ ngủ một giấc dài và sâu, xả hết những ấn tượng đã trải qua trong ngày. Ngày hôm sau, chàng bắt đầu giúp mọi người khóa lấp những dấu vết cuối cùng của trận động đất trong vườn và ruộng đồng, vừa làm vừa ca hát.

Chú thích:

[1] Thăm hỏi (bằng lời nói, vật phẩm) những người chịu mất mát hoặc vất vả, khó khăn. (BT).

Phụ lục

Hermann Hesse sinh ngày 2/7/1877 tại Calw/Wuerttrmberg. Sau khi theo học nhiều năm ở trường cổ Ngữ ở Goepingen, ông tham gia khóa giảng về Thần học Tin lành vào năm 1891 ở tu viện MAULBRONN và muốn trở thành nhà thần học. Nhưng đến năm 1892, ông rời bỏ tu viện, làm nhiều nghề khác nhau. Trong lúc làm nghề bán sách và sưu tầm Cổ thư, ông đã tìm kiếm rất nhiều tài liệu căn bản cho công cuộc sáng tác văn chương của mình. Từ năm 1912, ông dừng lại tại Thụy Sĩ. Năm 1919, ông sống cố định ở MONTAGNOLA cạnh hồ LUGAN và mất năm 1962. Năm 1946, Hesse được Giải thưởng Nobel về văn học và Giải thưởng Goethe của Thành phố Frankfurt.

Năm 1955, ông được hội các nhà sách tại Đức trao tặng Giải thưởng Hòa bình.

Iris và các truyện ngắn khác trong tác phẩm này là những truyện cổ tích viết theo lối mới của Hesse, xuất bản lần đầu tiên năm 1946 tại Thụy Sĩ trong tập truyện cổ tích mang tên *Maerchen*.

Lấy tên là *truyện cổ tích* hay có thể dịch là *truyện thần tiên*, nhưng truyện cổ tích của Hesse không chỉ dành cho trẻ thơ mà còn cho người lớn và cả người già; truyện thì nghe ra như “xưa” mà lại rất “nay”. Trong cái bình cũ cổ tích, Hesse đổ vào chất rượu mới của thời đại, nồng nàn men say tìm kiếm ý nghĩa đời sống thực sự cho thế hệ của con người Âu châu thời bấy giờ, những con người khao khát cuộc sống tâm linh sâu sắc có thể hóa giải mọi sự xung đột, mọi mâu thuẫn xã hội, để cho con người thật sự “thành nhân”. Với cách sử dụng tài tình yếu tố cơ bản của truyện cổ tích trong mối tương quan giữa người tiên và người phàm hay uy lực siêu hình và khả năng phàm tục, giữa mộng và thực, giữa ước nguyện và cuộc sống thực tại, giữa khổ đau và hạnh phúc... Với lối viết tài hoa, ngôn ngữ sáng tạo và độc đáo - có khi độc đoán trong lối hành văn và sử dụng ngữ pháp, như nhận xét của vài nhà phê bình văn học - Hesse đã thành công trong việc xây dựng các truyện cổ tích và nâng cao vai trò của thể loại này trong công cuộc sáng tác văn chương thành

những tác phẩm văn học có giá trị.

Chất sáng tạo trong truyện của Hesse ở chỗ ông đã lấy những đề tài hiện thực trong đời sống, đồng thời cũng là những vấn đề triết học, thi ca, thời sự như việc chiêm ngưỡng một bông hoa đẹp trong *Iris (Huệ tím)*, nỗi thường tình trong tình yêu: Yêu người hay được người yêu? (*Augustus*), hóa thân hay cõi vĩnh hằng (*Bích Thảo hóa thân*), nghệ thuật thi ca (*Thi nhân*), thông điệp từ một hành tinh xa... từ đó, với những yếu tố huyền thoại hay thần thoại (nàng Iris, hóa thân của hoa huệ tím; ông già Binsswanger với hộp đồ chơi âm nhạc đã biến điều ước về tình yêu thành sự thật, đã không chết sau khi uống ly rượu có độc, cũng như ngọn lửa thần thoại với các thiên thần nhảy múa... Cũng thế, ánh sáng cho trí tưởng tượng và mộng ảo tung hoành trong *Bích Thảo hóa thân*, tài biến hóa sáng tạo trong từng phút giây, hoa biến thành bướm, thành chim, thành ngọc quý; người biến thành cây, thành cá, thành voi, thành sông, thành sao trời... - đây là điều thích thú nhất cho trẻ thơ và cả người lớn như trong một màn ảo thuật - Nhà thơ gặp người tiên trong *Thi nhân*... Hesse xây dựng cốt truyện cho nhân vật của mình với những tình tiết khi rất nên thơ, lúc rất sâu sắc về tâm lý nhân vật, lúc hào hứng dí dỏm với những biến chuyển bất ngờ. Nhưng khác với các truyện cổ tích truyền thống và truyện cổ tích nghệ thuật khác, các nhân vật của Hesse không đi tìm kho tàng hay được lên ngôi vua, làm hoàng hậu, mà lại đuổi theo một lý tưởng thoát tục, hay lên đường tìm chân lý. Lý tưởng này cuối cùng có thể đạt được, nhưng không phải từ một thế lực bên ngoài mà do sự thể nghiệm từ bên trong của mỗi nhân vật, một thứ hạnh phúc được thực hiện trên con đường về nội tâm, một thứ giác ngộ về cuộc sống lấy ra từ những dẫn thân thật sự vào chính cuộc sống. Điểm đặc biệt lý thú trong các truyện này là cái đạt được ở đây đều như những vòng Thiên rộng không, cái “được nhưng không có gì được” vì không có gì để mà sở đắc, nhưng lại là tất cả; một chất thơ, một ngôi sao đôi trên bầu trời, tiếng hát trong hang thẳm, nguồn sống vô tận, cái “tôi” gặp Đại ngã hay Thiên đường chan hòa của tình yêu, ở đây chân lý hừng sáng trong tim.

* * * * *

Chất mới trong truyện cổ tích của Hesse, như Winko phân tích, lấy từ yếu tố văn hóa Á Đông mà Hesse tìm lại được như gặp gỡ một tri kỷ từ ngàn xưa, như Hesse tự nhận: “Và rồi chuyện bất ngờ xảy đến cho tôi, kể mãi đến lúc ấy chỉ biết về văn học Trung Hoa qua tác phẩm dịch thơ *Kinh thi* của

Rueckert; qua các dịch phẩm của Richart Wihelm và của một vài người khác, tôi được tri ngộ một điều mà nếu không có điều này thì tôi không biết phải sống ra sao nữa: đó là lý tưởng Lão Trang của các nhà hiền thánh. Bay qua hai nghìn rưỡi năm, một niềm may mắn hạnh phúc đã đến với tôi, kẻ không biết một chữ Hán tự và cũng không bao giờ đặt chân ở trên vùng đất Trung Hoa, đã tìm thấy trong văn chương cổ Trung Hoa sự xác nhận linh cảm của chính mình, tìm lại được bầu không khí và quê hương tinh thần, như không có một lần thứ hai trong đời ngoài bầu trời sinh quán và tiếng mẹ”. (*Hesse, Tổng tập*, 12, tr.281, Suhrkamp xuất bản).

Thế nên thể chất Á Đông trong các truyện của Hesse không có gì là gượng ép hay giả tạo, chúng đến từ một sự hòa nhập nội tâm. Khi đọc *Thi nhân*, ngạc nhiên, thích thú của chúng ta là dưới ngọn bút của nhà văn người Đức mà không khí của câu chuyện - chứ không riêng nội dung - có thể “Tàu” đến thế. Hình như Hesse còn cảm nhận hơn chúng ta - những người Á Đông - đặc trưng của lối nhìn Đông phương: không phải yếm thế, mặc cảm mà là lạc quan, cứu rỗi, như nhiên. Sự hóa kiếp là một tiếng reo vui bất tử, một chiến thắng mọi lo âu già cỗi, mỗi phút ngắm hoa là một lần chứng ngộ chân lý, mỗi chút yêu người quên mình là mỗi hiện thực Niết bàn hạnh phúc, và làm thơ là con đường vượt thời gian hay ngậm thời gian cả quá khứ, hiện tại, vị lai vào trong chốn bất diệt. Trong rất nhiều tác phẩm của Hesse, chất Á Đông - cái “khác” đối cực với phương Tây - như đến từ một cõi xa xôi huyền thoại tựa một tiếng chuông vui tìm thấy được lời giải đáp cho những băn khoăn thao thức của con người, đến không phải như một giá trị vật chất hay một sự quý giá kiêu hãnh nào đấy, mà đến như một thoáng gió tươi mát thổi qua nỗi nhàm chán cuộc sống trưởng giả với những lý tưởng đã trở nên rỗng tuếch của thời đại, đến như một vòng móng trời, và trong viễn ảnh hào quang của nó, Hesse vận dụng sức tưởng tượng và sự sáng tạo ngôn ngữ phương Tây để lý hội và diễn tả nó đúng theo với bản chất thật sự của nếp sống Đông phương.

* * * * *

Ấy thế mà Hesse vẫn là người Đức trong từng kẽ tóc chân tơ, một người Đức nguyên thủy (urdeutsch). Có lẽ Đức hơn tất cả những người đồng thời với tính nhạy cảm sâu thẳm về thân phận con người, với tâm hồn lãng mạn say mê thiên nhiên và nghệ thuật, và với năng khiếu phân tích đào sâu cũng như hí lộng phê bình nhưng rất trầm lặng và ngoan đạo. Trong suốt các tác

phẩm của ông, Hesse vẫn là người ái quốc nhưng không “ồn ào lỗ bịch”, Hesse vẫn ngoan đạo mà không bao giờ “đàng điếm tâm hồn” như Walther Rathenau nhận xét. Trong *Iris*, hoa được chọn là hoa huệ, một loài hoa được xem là hoa của phương Tây, đóa hoa mộng tưởng trong vùng quê hương của Hesse, chứ không phải hoa sen; trong *Bích Thảo hóa thân*, cái cây kỳ lạ trên Thiên đường là cây tri thức trong huyền thoại kinh thánh Ki-tô, ông lão lùn kỳ dị trong Augustus là bóng dáng quen thuộc của các truyện cổ tích Đức; trong *Thi nhân* thì không phải cốt truyện mà là thi ca, ngôn ngữ Hesse vừa là phương tiện vừa là mục đích của người đi tìm đường vào nghệ thuật, ở đây, yếu tố Đông phương được sử dụng để đưa các yếu tố thần thoại Tây phương khuôn sáo hay nhàm chán trở thành huyền thoại hơn, tạo một không khí huyền hoặc thu hút say mê người đọc. Không bao giờ xem là một món lạ rẻ rúng, Hesse trân trọng “cái khác” Đông phương và điều này làm cho tâm hồn Tây phương của ông trở nên cao quý và mới mẻ, qua ngôn ngữ của ông, chân tình người Đức riêng tư được bày tỏ thật sự không một chút vẽ vờ giả tạo trong khối tình chung.

Đọc *Thi nhân*, *Iris*, *Bích Thảo hóa thân* hay *Sidharta*, độc giả Á Đông ngạc nhiên thích thú là mỗi tình tiết câu chuyện cho ta gặp tác giả người Tây phương này như gặp một người bạn tâm giao, một người thấu rõ ngọn nguồn ta nhưng vẫn giữ bản sắc riêng biệt của ông trong giọng nói, tiếng cười. Chính văn phong sáng tạo, phong phú và sâu sắc, ngữ pháp linh động, súc tích vượt ra mọi khuôn sáo đã tạo nên yếu tố thành công trong thi ca của ông. Trong ngôn ngữ của Hesse, những gì “huyền thoại tưởng tượng” lại là cụ thể, và những gì “nắm giữ được” lại là “huyền thoại”, vị “ngọt bùi” là “niềm cay đắng”, “vị đắng cay lại vẫn ngọt ngào” (Rudolf Hagelstange). Bút pháp sáng chói của Hesse có lẽ nằm ở chỗ ông đã sử dụng tài tình điểm mạnh của ngôn ngữ Đức trong công cuộc sáng tác của mình, một ngôn ngữ rất thích hợp cho sự phân tích đào sâu ý thức của phương pháp phân tâm, cho sự diễn đạt những ý niệm trừu tượng, cho sự khám phá những ngõ ngách riêng tư của tâm hồn, cho thế giới mộng ảo, cho nghệ thuật như chính Hesse nhận xét:

“Tiếng Đức và ngôn ngữ nghệ thuật Đức có một tư thế riêng biệt, về sự súc tích từ ngữ cũng như quy luật văn phạm và các khả năng diễn đạt nghệ thuật, nó xứng đáng được xem là một trong vài ngôn ngữ cao quý nhất của thế giới, đã được các thi nhân và tư tưởng gia vĩ đại triển khai, phong phú và tinh vi hóa. Nhưng nó không có hậu thuẫn của các giới yêu văn, phê bình gia,

chuyên môn gia hay người thưởng thức như tiếng Anh, tiếng Nga và các ngôn ngữ khác nằm trong lĩnh vực ngôn ngữ Latinh, mà lại chỉ có một tầng lớp trí thức ít ỏi... Người ta có thể trở thành bộ trưởng, giáo sư hay văn sĩ trong các nước nói tiếng Đức mà không cần phải là người Đức, có nghĩa là không cần có một tương quan thực sự, hồn nhiên, vui tươi và tự tin với chính tiếng nói này”. (*Hesse, Tổng tập*, 11, tr.287, nhà xuất bản Suhrkamp).

Khuyết điểm này Hesse đã tìm cách vượt qua bằng cách sáng tạo một lối hành văn riêng tư, lăm lức vượt qua ngoài quy luật ngữ pháp và ông đã thành công.

* * * * *

Những thành công của Hesse lại là cái khổ cho người dịch tác phẩm của ông nói riêng ngoài cái khổ “dịch thuật” nói chung, nhất là từ một tiếng phương Tây sang tiếng Việt. Hesse cũng đã nhận xét dí dỏm về việc dịch thuật như sau: “Đặc trưng của một bài thơ văn thường bị đánh mất trong bản dịch, ngay cả khi được dịch đúng nhất; trường hợp may mắn nhất là từ bản chính nảy sinh ra một bài mới chỉ còn dính dáng ít nhiều với không khí của bài thơ gốc”. (*Hesse, Tổng tập*, 11, tr. 332, nhà xuất bản Suhrkamp).

Ý thức về những khó khăn nói trên trong việc dịch tác phẩm từ tiếng Đức sang tiếng Việt, người dịch cố gắng trung thực trong việc chuyển đạt ngôn ngữ, mặc dù lăm lức câu văn rất “Tây”, với dụng ý để người đọc va chạm với những uẩn khúc của một thuật ngữ có tính phân tích của ngôn ngữ Đức, điểm khác biệt rõ rệt so với tiếng Việt Nam. Có thể nói tiếng Đức là tiếng nói của lý trí phân tích, trong khi tiếng Việt nghiêng về cảm tính trực giác, trong các đoạn diễn tả đường vào nội tâm của các nhân vật Anselm và Augustus, Hesse đã sử dụng tinh vi đặc điểm khúc chiết của tiếng Đức, dịch sang tiếng Việt lăm lức dài dòng nhưng cần thiết cho độc giả cảm nhận được lối suy nghĩ phương Tây. Khi dịch *Thi nhân*, các thuật ngữ Á Đông lại được sử dụng theo đúng tinh thần Đông phương trong cách xưng hô theo với tuổi tác và cấp bậc trong gia đình, trong xã hội, một điểm khác nữa không có trong ngôn ngữ Đức.

Khác với những truyện khác, với *Bích Thảo hóa thân*, Hesse đã sử dụng ngôn ngữ Đức như một cuộc đùa bỡn chữ nghĩa tùy theo nguồn suối cảm hứng của con tim. Ngôn từ mọc lên muôn màu muôn vẻ như cỏ cây vạn vật, mặc cho làn sóng tưởng tượng xô đẩy thành câu văn. Ngôn ngữ thoát xác thành tiên, thành người, thành cây, thành chim, ngọc pha lê, là ảo thuật, là sự

thật, là “đùa vui”, thật sự “khoái cảm” văn chương, như Thomas Mann đã nhận định. Trong *Bích Thảo hóa thân*, lắm chỗ câu văn đang là văn xuôi bỗng biến thành văn vần (ví dụ: *Das Glueck ist uebrall, Im Berg und Tall, in Blumen und Kristall: Hạnh phúc ở khắp mọi nơi, trên núi dưới đồi, trong hoa đua nở, trong ngọc sáng ngời*) như con chim muôn màu đang chim bỗng thành hoa, đang hoa bỗng thành bướm, đang bướm thành ngọc... Văn phong với óc tưởng tượng như bóng với hình, phơi phới vô cùng vô tận. Hesse đã để ngôn ngữ tuôn chảy theo nguồn suối trực giác và tưởng tượng một cách tự do.

Và chính ở điểm này, truyện thần tiên của Hesse bỗng rất gần với chúng ta, rất gần với cổ tích thần tiên Việt Nam. Tôi nhớ đến con chim “vàng ảnh vàng anh” của cô Tấm, lông chim biến thành khóm măng, vỏ măng biến thành cây thị để “bà hu thị thị, rớt bị bà già, bà về bà giữ chứ bà không ăn”, hoặc những câu nói vu vơ thành vần của những chuyện ngẫu nhiên “bồng bồng công chồng đi chơi, đi ngang vũng lội đánh rơi mất chồng”, “ăn trái khế trả cục vàng, may túi ba gang mang đi mà đựng”...

Tôi đã mạn phép dịch *Bích Thảo hóa thân* khỏi ràng buộc quy luật sát chữ, sát nghĩa hầu bắt được nhịp rung cảm của cổ tích Việt Nam.

Khi đọc và dịch truyện cổ tích Hesse, hơn một lần tôi gặp lại tuổi thơ, trong căn nhà tranh tối mờn mờn với ngọn đèn dầu, trong lòng bà nội, vườn sau của số có thể trời đang mưa hay trăng đang sáng, cứ bắt bà kể chuyện hoài... vào sâu giấc ngủ... phải chăng để mơ thấy “Tướng Mây”^[1] gặp “Hong Mông”^[2], “ở vào chốn không vang, đi vào chỗ không phương”, “để chơi bên miền không mối, ra vào không bờ cõi”, nghe “ngược” phương Tây hỏi thầy tường đông^[3], nẻo về gặp Bụt Việt Nam nhân từ...

Dịch giả

Mùa Vu Lan tại Huế, Vollmond August 1997

Chú thích:

[1] Tượng trưng cho trí thông minh (tìm hiểu trong Trang Tử: Nam Hoa Kinh, bản dịch của Nguyễn Hiến Lê, NXB Văn Hóa, 1994, chương XI.4, “Tại hựu”, trang 260).

[2] Có nghĩa là cái màn lớn, ý nói nguyên khí tự nhiên (Trang Tử: Nam

Hoa Kinh, sdd)

[3] Đồng Quách Tử, một người theo đạo Lão, ở thành ngoài phía Đông nên gọi như vậy, cũng có tên là Thuận Tử.

HẾT